

Văn học và TUỔI TRẺ



ISSN: 18592686
SỐ THÁNG 2
NĂM 2025

VIỆN NGHIÊN CỨU SÁCH VÀ HỌC LIỆU GIÁO DỤC - BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



TUỔI THANH XUÂN rực rỡ



Văn học và TUỔI TRẺ

TUỔI THANH XUÂN rực rỡ

TOÁN HỌC VÀ VĂN HỌC TRONG NHÀ TRƯỜNG
Journal of Mathematics and Literature in School
TẠP CHÍ CỦA VIỆN NGHIÊN CỨU SÁCH VÀ HỌC LIỆU GIÁO DỤC

TOÀ SOẠN
187B Giảng Võ, P. Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
Điện thoại – Email
* Biên tập: 0243.5122847
vanhocvatuoitre2020@gmail.com
* Phát hành: 0243.5142649
phathanhvantre@gmail.com
* Hành chính: 0243.5121606

$\frac{8 (V)}{GD-25}$ 534/GP – BTTTT   Mã số: **BV04M25**

GPXB số 534/GP - BTTTT ngày 19/11/2020.
In tại Xí nghiệp Bản đồ I – Bộ Quốc phòng
In xong và nộp lưu chiểu tháng 02/2025.

Văn học và TUỔI TRẺ

TẠP CHÍ Toán học & Văn học TRONG NHÀ TRƯỜNG
JOURNAL OF MATHEMATICS AND LITERATURE IN SCHOOL

TRONG SỐ NÀY

Số tháng 2 (566+567)
năm 2025



ĐI TÌM VẺ ĐẸP VĂN CHƯƠNG

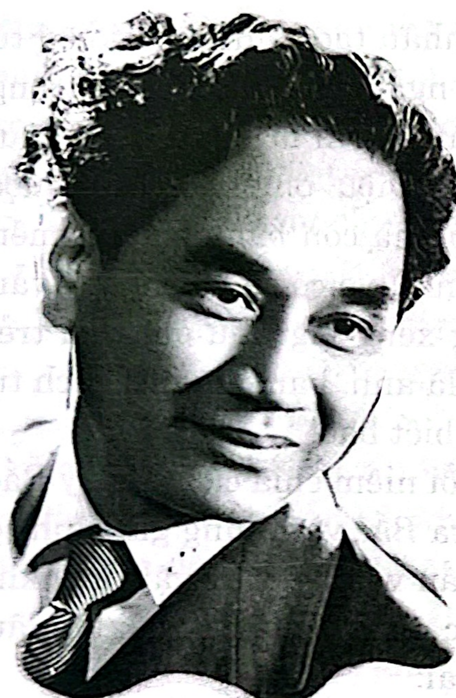
ĐỒNG HÀNH CÙNG CT&SGK

HỎI VĂN ĐÁP...VĂN



Xuân Diệu – nhà thơ còn có tứ để bàn

Nhà văn Nguyên An



Đã nhiều lần, chúng ta mải mê khám phá những lâu đài văn chương, say sưa tranh luận về chúng, rồi chợt ngẩng nhìn lên, thấy cha đẻ của những tác phẩm ấy đang đứng đó, ngồi đó, hoặc đi lại đâu đây. Cảm giác vừa ngỡ ngàng, thích thú, vừa nhận ra rằng có lẽ mình đã đắm chìm trong thế giới văn chương của họ nhưng lại chưa thật sự hiểu được bao nhiêu về chính con người đã tạo nên những kiệt tác ấy. Nhìn ra xa hơn, bao quát hơn, ta dần nhận thấy rằng sự xuất hiện của một thi nhân như họ là điều tất yếu của đất trời phong thuỷ, là sự kết tinh của hồn cốt quê hương và sự chuyển mình của thời đại. Đọc thơ Xuân Diệu bao nhiêu năm nay, ngay cả khi ông đã đi vào cõi vĩnh hằng, tôi vẫn luôn nghĩ như vậy.

Tôi đã đi lại, trò chuyện với nhiều bạn đọc khác – họ thuộc đủ lứa tuổi, ngành nghề và cả các xu hướng tư tưởng, thẩm mĩ khác nhau. Qua đó, tôi lại có dịp nhận ra một điều nữa: Xuân Diệu, dù đã rời xa chúng ta 40 năm, nhưng khi nhớ đến ông, ta vẫn thấy còn nhiều ý tứ để bàn luận, vẫn còn vô số câu chuyện có thể tiếp tục kể và suy ngẫm.

Từ khoảng năm 1972 – 1973 trở đi, tôi có may mắn được gặp Xuân Diệu trong nhiều bối cảnh khác nhau: khi thì ở một làng biển Thái Bình (nơi Hội Văn nghệ Thái Bình tổ chức trại sáng tác), khi thì trong một giảng đường đại học, hoặc nhiều lần trên một đoạn đường ở Thủ đô Hà Nội, và cả trong căn nhà số 24 phố Cột Cờ (phố Điện Biên Phủ mà Xuân Diệu và chúng tôi quen gọi như thế)... Tôi vẫn nhớ rất rõ những lần gặp ấy. Thoạt đầu, chúng tôi thường lúng túng, ngỡ ngàng trước niềm hạnh ngộ mà bản thân ít dám tin rằng mình được hưởng. Xuân Diệu là một thi nhân có hào quang. Đúng vậy, ông là một nhà

thơ mang trong mình hào quang và sức hút kì lạ. Ông cuốn người đối diện vào "từ trường" nghệ thuật và ngôn ngữ của mình. Khi được ở gần ông, cái cảm giác mình là một thân phận bé mọn dường như tan biến lúc nào chẳng hay.

Sự giao hoà tự nhiên với Xuân Diệu, cũng như với những người có mặt xung quanh ông, về sau nhớ lại, thường khiến nhiều người không khỏi bồi hồi, xao xuyến.

Theo thiển nghĩ của chúng tôi, số thi nhân tạo ra được nhiều ý tứ để bàn luận và còn có nhiều chuyện để suy ngẫm như Xuân Diệu trong thế kỉ XX, chỉ đếm trên đầu ngón tay – đầu thế kỉ là Phan Bội Châu, cuối thế kỉ là Phạm Tiến Duật. Riêng Xuân Diệu, ông không chỉ được bàn luận bằng niềm khâm phục, hâm mộ, mà còn bằng sự trìu mến thân thương. Nhiều thiếu nữ gọi ông là "anh", và có cụ bà, cụ ông vẫn coi ông như bạn đồng trang lứa, dù từng xem ông như em thời trẻ. Đến tuổi 40, 50, 60, được đời trìu mến gọi là anh, bạn, em một cách tự nhiên, với lòng tôn kính – thật hạnh phúc biết bao!

Sau năm 1975, đất nước thống nhất, nỗi niềm chia cách "ngày Bắc đêm Nam" của những người Việt tập kết ra Bắc và những gia đình có thân nhân sống, chiến đấu ở miền Nam dần vơi bớt. Tuy vậy, mỗi khi gặp Xuân Diệu, dù chỉ trong khoảnh khắc ngắn ngủi hay đôi lần lâu hơn, chúng tôi thường được nghe ông đọc lại:

Cha ở đàng ngoài mẹ ở đàng trong
Ông đồ Nghệ đeo khăn gói đỏ...
[...]
Quê mẹ gió nồm thổi lên, tươi mát
Bình Định lúa xanh ôm bóng Tháp Chàm...

(Cha đàng ngoài, mẹ ở đàng trong)

Tôi chẳng thể nào quên được tiếng lòng tha thiết, chân tình của ông khi ông giãi bày giọng đọc mấy câu thơ mộc mạc nhưng đầy rung động này: *"Đội ơn Thầy, đội ơn Má sinh con/ Cảm ơn Thầy vượt Đèo Ngang bất kể/ Cảm ơn Má biết yêu người xứ Nghệ/ Nên máu con chung hoà cả hai miền"*.

Đọc xong, ông lại kể về vạn Gò Bồi, về những Tháp Chàm gần đó, về vùng biển xanh, trời xanh, cát trắng, mây trắng của Nam Trung Bộ đầy tình cảm. Những lời kể ấy đã khơi dậy trong tôi một niềm ao ước khám phá, để rồi đến năm 1978, lần đầu tiên tôi thực hiện chuyến hành trình dài ngày vào Nam, qua các vùng Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà,... Suốt hành trình, tôi luôn cảm thấy như mình đang bước đi, nhìn ngắm, suy nghĩ và cảm nhận trong thế giới thơ của

ông – nơi đất và người nơi đây được khắc hoạ đầy sống động. Như vậy, ông đã kể, lại đã viết: *"Những lúc hiu hiu thổi gió nồm/ Hồn trong võng gió mát như ôm/ Những chiều kéo lưới thuyền về nặng/ Lanh lảnh nghe rao cá bánh đường!.../ Gành Ráng Đèo Son với Tháp Đôi/ Cảnh chung quanh đẹp. Vạn Gò Bồi/ Nơi sinh tôi đó, chao ôi nhớ!/ Nằm một đêm đò, sáng tới nơi" (Tâm sự với Quy Nhơn).*

Chúng ta hiểu rằng cảnh vật và con người, làn gió, và âm vang sóng ấy vốn dĩ đã hiện diện từ bao đời nay, tự nhiên như thế. Nhưng qua trang thơ, và đặc biệt là giọng đọc của Xuân Diệu, mọi thứ trở nên xao xuyến, lay động một cách khác thường. Đó là bởi lâu nay, người làm nên những dòng thơ ấy đã nung nấu:

Tôi cùng xương thịt với nhân dân của tôi
Cùng đổ mồ hôi cùng sôi giọt máu
Tôi sống với cuộc đời chiến đấu
Của triệu người yêu dấu gian lao.

(Những đêm hành quân)

Nhân đây, tôi cũng xin kể thêm về một buổi gặp gỡ với Xuân Diệu.

Đó là một sáng đầu hè, khi đã hoàn thành công việc tại Tạp chí *Văn nghệ Quân đội*, anh Hồ Khải Đại quay sang tôi và nói:

– Ta đến nhà ông Xuân Diệu chơi đi!

– Có hẹn trước chưa anh?

– Không hẹn chính xác, nhưng hôm nọ gặp nhau ở Hội Nhà văn, ông ấy có hỏi thăm mình và dặn là viết thêm được gì thì đến đọc cho ông ấy nghe.

Như để tôi thêm hăng hái, anh Đại nói tiếp:

– Đừng ngại, Xuân Diệu chan hoà lắm, thích gặp đồng hương xứ Nghệ lắm.

Lúc này, tôi đã được gặp và hầu chuyện ông mấy lần, nhưng vẫn chưa dám tin lời anh Đại. Xuân Diệu, phải, nhà thơ Xuân Diệu, là người của nhiều vùng quê rồi. Cái chất Nghệ là gì? Nó có ở ông ra sao? Lại còn cái mặn mòi của mắm, của gió Bình Định nữa, nó ngấm vào ông thế nào? Tôi đạp xe theo nhà thơ Hồ Khải Đại với miên man những ý nghĩ đại loại như thế...

Đi qua bóng mát của mấy tán cây thì đến trước cửa nhà Xuân Diệu. Không hiểu cái mát lạnh của ngôi nhà kiểu cổ, có tường dày, lại núp dưới bóng cây, hay chính cái ý nghĩ rằng mình sắp được trò chuyện với một người nổi tiếng tài tình, mà cũng hay trực ngôn lúc bình thơ, khiến tôi cứ hồi hộp. Như đã rất quen thuộc, anh Hồ Khải Đại gõ cộc cộc vào cánh cửa gỗ, cất tiếng gọi rất vang:

– Anh Xuân Diệu có nhà không?

Tôi hơi hoảng, sao ông Đại to giọng thế nhỉ? Có tiếng lịch kịch của ghế và bàn từ trong nhà. Một khoảng im lặng kéo dài, rồi nghe tiếng:

– Ai đấy? Hồ Khải Đại phải không? Gớm, người thì nhỏ, tên lại to, miệng thì bé, tiếng lại cả.

Nghe ông nói một hơi như vậy, tôi thở ra nhẹ nhàng. Trong đầu bỗng chợt hiện lên mấy câu thơ: *"Khi ta đến gõ lên từng cánh cửa/ Thì tin yêu chân thật đón ta vào..."* (Nguyễn Khoa Điềm, *Đất nước*).

Tôi đọc nhỏ nhẹ trong lúc chờ nhà thơ Xuân Diệu ra mở cửa.

Đợi một lúc, vẫn không thấy ai ra. Anh Đại tự mở hé cửa, tôi kịp nhìn thấy Xuân Diệu cởi trần, đang ngồi sau cái bàn viết. Sau đó, anh Đại từ từ mở rộng cửa, rồi hai anh em nhẹ nhàng bước vào. Chúng tôi tự ngồi vào bộ bàn ghế nhỏ ở góc phòng. Phải dăm bảy phút sau, Xuân Diệu mới đứng dậy. Ông lúc lắc cái đầu to, với mấy món tóc xoăn tự nhiên đang rủ xuống, mắt kính lấp loáng. Ông nói, như vẫn tiếp tục trò chuyện với chúng tôi từ nãy giờ.

– Nóng nhỉ. Đại kì này da dẻ tốt đấy. Có gì đọc nghe đi.

Anh Đại giới thiệu tôi với Xuân Diệu. Ông nhấc kính lên nhìn tôi, cặp môi dày mấp máy, hai cánh mũi động đậy, trông ông hệt như một con mèo đang đứng trước chú chuột nhắt, song đáng yêu một cách hồn nhiên. Ông hỏi:

– Em đọc Xuân Diệu cũng nhiều đấy chứ? Em thích câu nào?

Như chú học trò, tôi đọc thơ ông, chẳng bài nào ra bài nào, cứ nhớ đâu đọc đấy. Ông im nghe, mắt lúc lim dim, lúc mở to nhìn chăm chăm phía ngoài cửa sổ. Thốt nhiên, ông quay sang anh Đại hỏi:

– Đại thấy có nhiều người thuộc thơ Diệu thế không?

Anh Đại chưa kịp trả lời, ông lại tiếp:

– Mà em đọc có chỗ chưa đúng đâu, thơ mình được dân gian hoá đó, ông Đại ạ. May mà giọng nghe cũng được.

Ông cười, vẻ sảng khoái, rồi bảo tôi đọc lại mấy câu: *"Trái tim tôi một cái túi tràn trề..."* với *"Tôi muốn làm cây cải ven sông Ba!"*.

Ông ngồi im nghe, lừng lững như tháp Chàm Nam Trung Bộ, xa xăm, bí ẩn mà dãi dầu. Anh Đại đứng dậy cầm lấy cái khăn bông to như khăn tắm vẫn phủ trên vai ông xuống, gấp gấp lại rồi thấm mồ hôi trên lưng và trên bụng ông. Nhà thơ vẫn ngồi yên lặng, ông rên lên khe khẽ, vẻ mãn nguyện, miệng lập bập:

– Cảm ơn, cảm ơn Đại, thôi để mình, để mình...

Quay sang tôi, Xuân Diệu hỏi:

– Sao em lại thuộc những câu ấy?

Anh Đại đỡ lời:

– Nguyên An trước có dạy Văn cấp III và ở Đại học Sư phạm, thầy giáo Văn thuộc thơ Xuân Diệu là phải rồi.

Ông hỏi tôi còn thuộc thơ những ai và thích những bài nào, câu nào... Ông kể chuyện hồi nhỏ đi học, nhặt được một ý thơ hay thì vội ghi lại. Ông bảo:

– Thầy giáo Văn bây giờ nên hướng dẫn học sinh biết tự đọc sách, tự ghi chép. Học văn, dạy văn muốn cho giỏi, cho hay thì phải thuộc nhiều thơ văn. Thuộc thơ văn tức là có bột, để gột nên hồ là các bài luận.

Ngừng một lát, ông dặn:

– Hôm nào Nguyên An bảo với mấy thầy dạy Văn cho mình gặp các em học sinh với nhé!

Anh Đại đọc bài thơ mới viết, Xuân Diệu lắng nghe rất chăm chú. Chợt như sực nhớ ra điều gì, ông đứng dậy nhanh chóng, vội chạy vào góc phòng, loay hoay lôi kéo một chồng sách báo và bản thảo. Ông mang ra một tập giấy bìa cứng, khổ lớn, từng trang đều chép thơ ông bằng nét chữ khi uốn lượn, khi nhảy múa, rất phóng khoáng. Ông hồn nhiên, chân thành như khoe:

– Việt kiều ở Pháp, ở Canada người ta chép tặng mình đấy, thơ phải hay người ta mới chép trường nhau vậy chớ!

Trưa đến, tôi và anh Hồ Khải Đại định về, nhưng lại sợ ông cảm thấy hụt hẫng. Không biết Xuân Diệu có đoán ra điều đó không, thì chợt nghe ông nói:

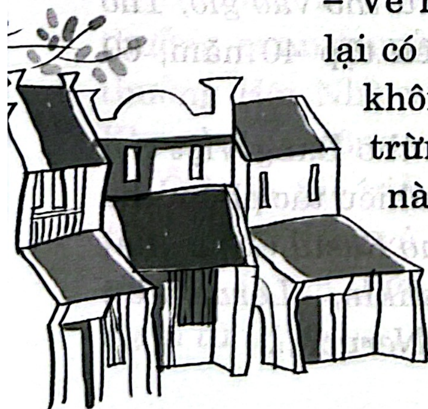
– Bây giờ thì mình có thể ngồi thêm với hai bạn dăm phút nữa. Rồi còn phải đọc, phải nghĩ, lại còn viết nữa chớ.

Ông nói, mái đầu gật gật nhẹ như cười.

Anh Đại đưa mắt cho tôi, vẻ thông cảm. Còn tôi, tự nhiên thấy thương ông quá. Ông như một người nông dân xứ Nghệ chính cống thuở nào: cặm cụi làm, hùng hục làm, hối hả ăn như để tiếp sức, rồi lại làm,... thiết thực thiết thân đến mức dường như vô ý. Đã thế, tiễn khách ra cửa, ông còn chép miệng:

– Về nhé, lại đến nữa nhé! Ờ, mà lát nữa thì các cậu lại có người lo lắng mà hỏi là: "Đi đâu về thế? Có mệt không?...". Còn mình thì chỉ có sách vở với giấy bút nó trừng trừng hỏi là: "Hôm nay Xuân Diệu đẻ được bài nào mới không?" thôi!

Xuân Diệu là một thi nhân còn có chuyện để kể, còn có tứ để bàn. Người như thế hẳn là không nhiều, không nhiều.



CHÂN DUNG VĂN HỌC

Ngày xuân gặp gỡ nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu tuổi Tỵ

Nhà văn Bùi Việt Thắng (thực hiện)

NHÀ THƠ BẰNG VIỆT (1941, TÂN TỴ)

Nhà thơ Bằng Việt (tên thật là Nguyễn Việt Bằng), sinh ngày 15/6/1941, quê quán tại xã Chàng Sơn, huyện Thạch Thất, Hà Nội. Ông tốt nghiệp ngành Luật tại Liên Xô và từng công tác tại Viện Luật học, thuộc Uỷ ban Khoa học Xã hội Việt Nam. Trong thời kì chiến tranh, ông là phóng viên chiến trường thuộc quân số Đoàn 559, Trường Sơn. Sau năm 1975, Bằng Việt làm biên tập viên tại tạp chí *Tác phẩm mới* (Hội Nhà văn Việt Nam). Ông từng giữ nhiều vị trí quan trọng như: Tổng thư kí Hội Văn nghệ Hà Nội, Tổng biên tập báo *Người Hà Nội*, Tổng biên tập tạp chí *Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam*, Chủ tịch Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Hà Nội, và Uỷ viên Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam (khoá III, V). Nhà thơ Bằng Việt nhận được giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam (2002), giải thưởng Văn học ASEAN (2003), giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật (2001),...

Các tác phẩm chính của ông gồm: *Hương cây – Bếp lửa* (in chung với Lưu Quang Vũ); *Những gương mặt, những khoảng trời; Đất sau mưa; Khoảng cách giữa lời; Cát sáng; Bếp lửa – Khoảng trời; Phía nửa mặt trăng chìm; Ném câu thơ vào gió; Thơ trữ tình; Thơ Bằng Việt* (tuyển tập 40 năm, 60 năm);...

Bên cạnh sáng tác, nhà thơ Bằng Việt còn là một dịch giả uy tín với nhiều tác phẩm thơ dịch thành công như: *Thơ Rasul Gamzatov, Tuyển thơ của Pushkin, Lermontov, Yannis Ritsos, Pablo Neruda,...*



PV: Bài thơ *Bếp lửa* của nhà thơ được đưa vào SGK *Ngữ văn 8* (bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*) và SGK *Ngữ văn 9* (bộ *Chân trời sáng tạo*). Theo ý kiến của các giáo viên, bài thơ đã chạm đến một vấn đề gốc rễ, nền tảng trong quá trình hình thành nhân cách con người - tình cảm ruột thịt, huyết thống; gia đình - những giá trị rất quan trọng và thiêng liêng, nhưng đôi khi bị xem nhẹ trong xu thế đề cao những tình cảm "hướng ngoại" nhiều hơn "hướng nội". Khi viết bài thơ *Bếp lửa*, nhà thơ có cùng suy nghĩ này không?

Nhà thơ Bằng Việt: Câu hỏi anh đặt ra rất trúng và đúng. Tôi vẫn luôn suy nghĩ: *Chúng ta từ đâu mà ra? Chúng ta bắt đầu từ đâu? Và chúng ta trở về nơi nào trong suốt cả cuộc đời, dù ngắn hay dài?* Rõ ràng, dưới thanh thiên bạch nhật, không ai trong chúng ta – dù là bậc quân vương hay người dân thường – có thể tách rời mái ấm gia đình, những người thân ruột thịt cùng huyết thống. Tất cả đều khởi đầu từ một gia đình bé mọn, rồi từ đó bước ra biển lớn của xã hội và cộng đồng.

Văn chương thời kì Đổi mới, theo tôi, đã có nhiều thành tựu trong việc khám phá và khắc hoạ nghệ thuật về "tế bào xã hội" là gia đình, điển hình như *Mùa lá rụng trong vườn* của Ma Văn Kháng hay *Gia đình bé mọn* của Dạ Ngân,... Trong dòng chảy văn chương hiện nay, khi đời tư và thế sự trở thành những đề tài chủ đạo, gia đình vẫn luôn là một tâm điểm sáng tạo của các nhà văn, nhà thơ.

GS.TS.NGND. LÊ VĂN LÂN (1941, TÂN TỴ)

GS.TS.NGND. Lê Văn Lân (bút danh Mã Giang Lân), sinh ngày 5/4/1941, quê quán tại thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá. Ông tốt nghiệp Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội năm 1965 và có hơn bốn thập kỉ giảng dạy, nghiên cứu văn học tại ngôi trường này (1965 – 2011). Nhà thơ Mã Giang Lân ghi dấu ấn với nhiều giải thưởng quan trọng: giải Ba Cuộc thi thơ báo *Văn nghệ* (1969), giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam (2013) và giải thưởng Nhà nước về Khoa học và công nghệ (2022),...

Ông là tác giả của nhiều tập thơ có giá trị như: *Bình minh và tiếng súng*, *Hoa và dòng sông* (in chung), *Một tình yêu như thế*, *Những mảnh vỡ tiềm thức*, *Về một cây cầu* (thơ và trường ca), *Những lớp sóng ngôn từ*, *Phía sau tưởng tượng*,...

Bên cạnh sáng tác thơ ca, nhà thơ Mã Giang Lân còn có nhiều công trình nghiên cứu, phê bình văn học: *Văn học Việt Nam 1945 – 1954* (chuyên khảo), *Thơ – những cuộc đời* (tiểu luận), *Tìm hiểu thơ* (chuyên khảo), *Tiến trình thơ hiện đại Việt Nam* (chuyên luận), *Thơ – hình thành và tiếp nhận* (chuyên luận), *Những cấu trúc thơ* (chuyên luận)... Đặc biệt, tuyển tập *Mã Giang Lân – Tuyển tập nghiên cứu phê bình* (3 tập) là công trình khái quát nhiều năm nghiên cứu, đóng góp quan trọng cho lĩnh vực lí luận phê bình văn học Việt Nam.

PV: Bước vào văn đàn từ năm 1964 bằng sáng tác thơ ca, tạo dựng "thương hiệu" với giải thưởng Cuộc thi Thơ báo *Văn nghệ* năm 1969, nhưng con đường dẫn đến thành công của ông lại chủ yếu gắn với giảng dạy, nghiên cứu và phê bình văn học. Tập chuyên khảo đầu tiên của ông, *Văn học Việt Nam 1945 – 1954*, được in năm 1990, và ông đã nhận Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ năm 2022. Liệu đó có phải là đặc trưng, cốt cách và đóng góp thực sự của một giảng viên đại học, một nhà nghiên cứu có uy tín và thẩm quyền chuyên môn, thưa nhà thơ Mã Giang Lân?

Nhà thơ Mã Giang Lân: Ở đây có vấn đề về "nghề" và "nghiệp". *Nghề* của tôi là dạy học – một công việc nuôi sống bản thân và gia đình. Trong xã hội, mỗi người làm một nghề khác nhau nhưng đều giống nhau ở chỗ cần sự lương thiện và tử tế. Nghề dạy học, tôi nghĩ, dù ở thời nào cũng được xem là lương thiện, tử tế trong một không gian văn hoá tôn sư trọng đạo – *nhất tự vi sư, bán tự vi sư, không thầy đố mày làm nên.*

Còn *nghiệp* của tôi là thơ. Mấy ai sống được bằng thơ? Nhưng làm thơ là một cách phóng chiếu, chia sẻ, tri âm, tri kỉ với đời, với người. Đó là hoạt động tinh thần cao nhất thuộc lĩnh vực tâm hồn và tâm linh. Nếu nghiên cứu phê bình thiên về cái đúng, cái lí lẽ thuyết phục, thì thơ ca lại nghiêng về cái hay, cái đẹp, cái tình - theo lí lẽ của trái tim.

Tôi nghĩ mình đã đứng vững trên đôi chân giữa *nghề văn* và *nghiệp văn,* không sợ chao đảo dù có lúc gặp sóng gió bất thường. Nghiên cứu văn học giúp tôi rèn luyện sự kiên nhẫn, còn làm thơ kích thích trí tưởng tượng bay bổng của tâm hồn. Hai lĩnh vực này bổ trợ nhau, thúc đẩy và nâng cánh nhau. Quan trọng nhất là tôi được bồi đắp cái đẹp khi làm thơ và yêu thơ.

GS.TS.NGND. TRẦN ĐĂNG XUYỀN (1953, QUÝ TỴ)

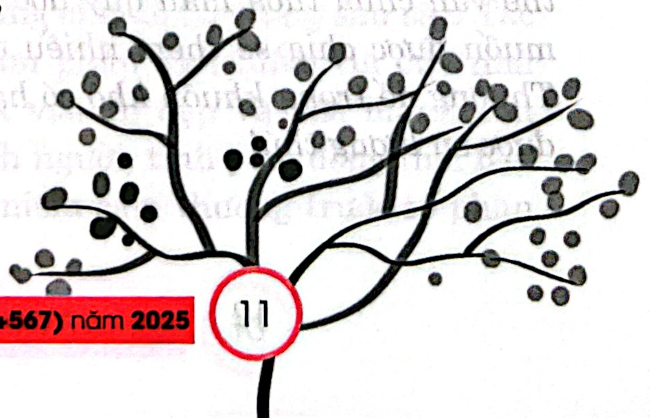
Giáo sư Trần Đăng Xuyền (bút danh Trần Đăng Suyền), sinh ngày 10/3/1953, quê quán tại xã Mỹ Hà, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Tham gia quân đội từ năm 1972 – 1975. Tốt nghiệp Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 1978. Từ năm 1978 – 2023, là giảng

viên Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Bảo vệ luận án Tiến sĩ tại Viện Phương Đông – Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô năm 1990. Ông là Nguyên Chủ nhiệm Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (1995 – 2024), Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2007 – 2012). Giáo sư Trần Đăng Suyền đã nhận giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam (2019), giải thưởng Nhà nước về Khoa học và công nghệ (2022).

Các công trình nghiên cứu: *Chủ nghĩa hiện thực Nam Cao* (chuyên luận), *Nhà văn – hiện thực đời sống và cá tính sáng tạo* (tiểu luận – phê bình), *Chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX* (chuyên luận), *Phương pháp nghiên cứu và phân tích tác phẩm văn học* (chuyên luận), *Tư tưởng và phong cách nhà văn – Những vấn đề lí luận và thực tiễn* (chuyên khảo).

PV: Thưa giáo sư, vấn đề dạy văn và học văn đang rất nóng hổi, thời sự, không chỉ trong phạm vi nhà trường phổ thông và đại học mà còn thu hút sự quan tâm của toàn xã hội. Theo giáo sư, với kinh nghiệm của một nhà giáo lão thành, có thành tựu trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu văn học, nếu cần đổi mới giáo dục thì khâu đột phá đầu tiên nên bắt đầu từ đâu?

GS.TS.NGND. Trần Đăng Xuyền: Mọi sự so sánh đều khập khiễng. Tuy nhiên, tôi tạm so sánh văn chương với điện ảnh để bật ra câu trả lời. Muốn có một bộ phim hay thì trước hết phải có kịch bản hay, đạo diễn giỏi, diễn viên tài năng (theo thứ tự ưu tiên). Nhìn sang văn chương cũng vậy. Muốn dạy văn và học văn tốt, trước hết cần phải có tác phẩm hay được chọn (*có bột mới gột nên hồ*). Nhưng có tác phẩm hay rồi mà lại rơi vào tay người dạy chưa đủ trình độ mĩ cảm thì chỉ có thể đem tới cho thực khách (người học văn) một “món ăn tinh thần” thiếu hấp dẫn. Cuối cùng, người học văn theo tâm thế “trả điểm” thì cũng như nước đổ lá khoai, ra khỏi lớp chữ thầy giả thầy ngay tức khắc. Qua đó, tôi rút ra kết luận, do lỗi hệ thống nên làm gì chúng ta cũng dễ bị rơi vào “điểm nghẽn”, gây “ùn tắc”. Để vượt qua cửa ải này, không phải anh, cũng không phải tôi mà tất cả chúng ta phải nỗ lực cao hơn nữa, bền vững hơn nữa để làm cho văn chương thực sự trở thành “ngôi đền thiêng”, “bộ hồ sơ tinh thần” của một dân tộc. Làm tốt việc này là chúng ta đã góp công sức di dưỡng tình yêu văn chương dân tộc và nhân loại ở thế hệ trẻ hôm nay.



PGS.TS. NHÀ VĂN PHÙNG GIA THẾ (1977, ĐINH TỴ)

Nhà văn Phùng Gia Thế, sinh ngày 08/04/1977, quê quán tại huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Ông là giảng viên cao cấp Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, hiện là Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Ông có nhiều công trình nghiên cứu, lí luận và phê bình văn học có giá trị, tiêu biểu gồm: *Những dấu hiệu của chủ nghĩa hậu hiện đại trong văn xuôi Việt Nam đương đại* (chuyên luận), *Văn học Việt Nam sau 1986 – Phê bình đối thoại, Văn học và giới nữ – Một số vấn đề* lí luận và lịch sử (biên soạn), *Hiểm địa văn chương* (tiểu luận – phê bình),... Ở địa hạt văn chương, ông cũng là một trong những tác giả của tập *Truyện ngắn tác giả họ Phùng* (nhiều tác giả).

PV: Nhà văn Phùng Văn Khai từng nhận xét về PGS.TS. Phùng Gia Thế: "Vẫn biết rằng văn chương nghệ thuật là biển rộng vô cùng, song Phùng Gia Thế ở nơi biển rộng ấy đã định hình và định vị một cách đầy cảm xúc trong lòng bạn đọc và giới văn bút trên cả nước" (*Nhà phê bình Phùng Gia Thế, Những song hành đối thoại*, in trong *Phùng Gia Thế – Hiểm địa văn chương*, NXB Hội Nhà văn, 2023). Nhận xét này, theo nhà văn, có sát thực với công việc viết của bản thân mình không? Liệu nó có nói lên tinh thần đối thoại của thế hệ 7X, 8X, 9X trong lĩnh vực văn chương?

Nhà văn Phùng Gia Thế: Tôi làm nghề dạy học, và việc viết phê bình ban đầu phục vụ cho công việc cá nhân. Làm phê bình, mỗi người có một thế mạnh riêng, sách vở cũng vậy, có bài dày, bài mỏng, ý này ý khác. Cá nhân tôi không mong cầu phê bình phải đi đến đâu, mà chỉ muốn nó trở thành tiếng nói song hành và đối thoại lành mạnh với những ấm lạnh của đời sống văn chương đương đại. Tôi vẫn nằm lòng ý kiến của E. Gombrich (sử gia nghệ thuật, người Áo, quốc tịch Anh, 1909 – 2001): "Trở ngại lớn nhất khi tiếp cận một tác phẩm nghệ thuật chính là sự ngoan cố bám víu vào những thói quen và định kiến". Viết, với tôi, vì thế là một cuộc vượt thoát khỏi những thói quen và định kiến.

***

Cuộc trò chuyện đầu xuân của chúng tôi với các tác giả tuổi Tỵ có thể vẫn chưa thoả mãn quý độc giả gần xa, những người hẳn mong muốn được chia sẻ thêm nhiều điều. Xin được tiếp tục hầu chuyện Thượng đế trong khuôn khổ có hạn của một bài báo nhỏ. Mong nhận được sự lượng thứ!

Hà Nội, áp Tết Ất Tỵ, 2025

B.V.T



Nguyễn Huy Thiệp (1950 – 2021) được đánh giá là một hiện tượng văn chương độc đáo, đồng thời là một trong những cây bút truyện ngắn hàng đầu của văn học Việt Nam từ năm 1975 đến nay. Trong sự nghiệp sáng tác của ông, *Trái tim hổ* (trích từ tập truyện *Những ngọn gió Hua Tát*) được coi là một truyện ngắn xuất sắc, lấy bối cảnh không gian núi rừng Tây Bắc hoang sơ và huyền bí.

Qua tác phẩm này, bạn đọc có thể cảm nhận rõ nét đặc trưng của thể loại truyện ngắn, đồng thời nhận thấy phong cách rất riêng của Nguyễn Huy Thiệp – một lối tự sự cô đọng, giàu sức hấp dẫn và khả năng gợi mở những tầng ý nghĩa tư tưởng sâu sắc. Tác phẩm được xây dựng bằng cái nhìn vừa sắc lạnh, thẳng thắn, vừa giàu lòng trắc ẩn, luôn hướng về những giá trị nhân sinh.

Trong số này, mời bạn đọc cùng khám phá tác phẩm *Trái tim hổ* từ góc nhìn đặc trưng thể loại truyện ngắn có yếu tố kì ảo qua bài viết của cô giáo Nguyễn Thị Thu Trang.

Trái tim hổ của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp nhìn từ đặc trưng thể loại truyện ngắn có yếu tố kì ảo

TS. Nguyễn Thị Thu Trang
GV. Trường Trung học Vinschool Times City, Hà Nội

Trái tim hổ – một nhan đề độc đáo, gợi mở nhiều tầng ý nghĩa. Đây là yếu tố kì ảo xoay quanh lời đồn về con hổ sở hữu trái tim khác thường: một trái tim *"chỉ bằng hòn sỏi và trong suốt"*, được xem như *"là bùa hộ mệnh, cũng là vị thuốc thần"*, ai sở hữu trái tim ấy sẽ gặp may mắn, giàu sang suốt đời. Nếu trái tim ấy được ngâm trong rượu, nó sẽ chữa được mọi bệnh tật hiểm nghèo. Tin vào những lời đồn đại ấy, nhiều người đã liều mình vào rừng săn hổ, nhưng không ít người phải trả giá bằng mạng sống hoặc chịu những vết thương chí mạng. Chính yếu tố kì ảo này đã góp phần tạo nên sức hấp dẫn, sự huyền bí xuyên suốt cốt truyện, đồng thời khơi gợi những chủ đề tư tưởng sâu sắc. Tác phẩm phản ánh niềm tin của nhà văn vào vẻ đẹp và sức mạnh của tình người, tình yêu, đồng thời bày tỏ niềm cảm thương trước số phận



con người khi lí trí bị che mờ bởi những điều huyễn hoặc. Qua đó, *Trái tim hổ* đặt ra những suy tư về bản chất con người, cũng như mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Những chủ đề tương tự đã được Nguyễn Huy Thiệp khai thác trong các tác phẩm khác, điển hình là truyện ngắn *Muối của rừng* (1986), với câu chuyện về hành trình săn hổ kì lạ của nhân vật ông Diểu.

Truyện ngắn *Trái tim hổ bắt* đầu giống như một câu chuyện cổ tích, với lời giới thiệu về cô gái tên Pùa – người sở hữu sắc đẹp vượt trội khắp các mường. Chỉ có một điều đáng tiếc, Pùa lại bị liệt hai chân, suốt ngày nằm một chỗ. Vì vậy, nhiều chàng trai trong bản Hua Tát, trong đó có Khó, đã quyết tâm vào rừng để săn tìm trái tim hổ – một phương thuốc truyền tụng rằng có thể chữa khỏi bệnh cho Pùa. Thế nhưng, kết cục không như mong đợi: sau những chuyến đi săn hổ kéo dài hết mùa đông năm đó, hơn mười người đã chết. Khó – với quyết tâm mang trái tim hổ về cho người mình yêu – cuối cùng cũng bắn chết được hổ. Nhưng anh lại bị ngã xuống vực sâu, bị gãy lưng, mặt đầy vết cào cấu của hổ. Con hổ bị bắn chết, nhưng trái tim hổ đã bị ai đó lấy mất. Câu chuyện khép lại với cái kết mở, gợi nhiều suy tư: Khó và Pùa "chết dần", còn người dân bản Hua Tát chôn con hổ ngay chỗ nó chết, không ai nhắc lại huyền thoại về sự kì diệu của trái tim hổ nữa. Có thể thấy, cốt truyện của *Trái tim hổ* thể hiện rõ sự cô đọng của một truyện ngắn, vừa mang hơi hướng của truyện cổ với những sự kiện nhuốm màu huyền bí, vừa có tính hiện đại với cái kết mở không có hậu.

Nhân vật Pùa và Khó được miêu tả chủ yếu từ điểm nhìn bên ngoài, qua lời kể của người kể chuyện ngôi thứ ba, với nét chấm phá về ngoại hình và số phận. Điều này rất gần gũi với bút pháp xây dựng nhân vật trong những câu chuyện cổ. Pùa là cô gái có sắc đẹp *"khắp các mường không ai bì kịp"*, với làn da trắng như trứng gà bóc, mái tóc mượt mà dài, và đôi môi đỏ như son, nhưng lại bị liệt chân. Còn Khó, trai bản Hua Tát, vốn mồ côi cha mẹ, sống lặng lẽ và cô đơn *"như con don con dim"* giữa rừng sâu. Khó vừa nghèo, khuôn mặt lại rỗ chằng chịt, thân hình dị dạng: *"hai tay dài chấm đầu gối, đôi chân khẳng khiu lúc nào cũng như chạy"*. Hai con người, hai số phận khác nhau, nhưng đều mang vẻ đẹp của con người nơi núi rừng hoang sơ. Ở Pùa, nổi bật là vẻ đẹp ngoại hình, còn ở Khó, là vẻ đẹp tâm hồn của chàng trai bản dũng cảm, yêu si mê. Họ đều là những số phận đáng thương: Pùa tật nguyền, bất lực trước bệnh tật, còn Khó nghèo khổ, cô độc và dị dạng. Đáng buồn thay, vì tin vào những điều hão huyền, cả hai phải trả giá đắt. Sau khi trái tim hổ bị cướp mất, Khó và Pùa đều "chết dần". Về

thể xác, Pùa sẽ tiếp tục bị bệnh bại liệt hành hạ, trong khi Khó, với khuôn mặt biến dạng do bị hổ cào và vết thương chí mạng ở lưng, phải chịu đựng đau đớn. Hai con người trẻ tuổi ấy không chỉ chết dần về thể xác mà còn về tinh thần, vì những thất vọng và cay đắng. Pùa, với tâm hồn ngây thơ, đơn thuần của cô gái mới mười sáu tuổi, trải qua những tháng ngày chán nản vì quá đặt niềm tin vào trái tim hổ nhiệm màu. Còn Khó, chàng trai xấu xí, cô độc, đã hi vọng và rồi chìm trong tuyệt vọng vì không thể mang trái tim hổ về cứu cô gái mình yêu.

Từ nhan đề, cốt truyện, nhân vật, chủ đề tư tưởng của truyện đã được bộc lộ rõ nét. Trước hết, truyện ngợi ca và trân trọng vẻ đẹp tình người, tình yêu, cùng những phẩm chất đáng quý của con người Hua Tát. Dù sống trong nghèo khó, họ vẫn tốt bụng, chân thành, dũng cảm và luôn hết lòng vì người khác. Tuy nhiên, thông điệp sâu sắc nhất mà tác phẩm truyền tải chính là lời cảnh tỉnh về lối sống thiếu lí trí, dễ dàng tin vào những điều huyễn hoặc, dẫn đến những hậu quả đau buồn. Pùa, thay vì dũng cảm đối mặt với bệnh tật, đã đặt niềm tin vào phương thuốc hoang đường, để rồi rơi vào tuyệt vọng và đau đớn. Tương tự, Khó cũng ngây thơ tin vào phép màu, cuối cùng chuốc lấy thương tích nặng nề và sự suy sụp tinh thần.

Ngoài ra, câu chuyện của Khó và Pùa giúp tác giả thể hiện cái nhìn thẳng thắn về lòng người – sự tham lam, nhẫn tâm, độc ác. Vì tin vào trái tim hổ như bùa hộ mệnh mang lại may mắn và chữa bách bệnh, nhiều người đã đi săn hổ một cách mù quáng. Hay *“Đã có kẻ nào đánh cắp trái tim con hổ!”* – khi Khó bị thương dưới vực sâu để làm của riêng mình. Hành động này khiến *“Tất cả trai bản Hua Tát lặng im, cúi gằm mặt xuống. Họ hổ thẹn, căm giận, chua xót”*. Đây cũng chính là nỗi căm giận và chua xót của tác giả khi nhìn vào mặt tối của xã hội. Dù tác giả viết: *“Trách họ thế nào? Đời người ta, ai đã chẳng từng săn đuổi bao nhiêu phù du?”*, nhưng rõ ràng, thái độ của người cầm bút là sự cảnh tỉnh và chê trách.

Kết thúc truyện, nhà văn Nguyễn Huy Thiệp đã viết:

Người bản Hua Tát đã chôn con hổ ngay chỗ nó chết. Không ai nhắc lại huyền thoại về sự mầu nhiệm của trái tim hổ. Người ta đã quên nó đi như quên bao điều cay đắng xảy ra trên thế gian này. Điều ấy cũng cần.

Còn nhớ chuyện ấy, bây giờ có lẽ chỉ rất ít người.

Có lẽ, con người cần quên đi những ảo tưởng viển vông để đối mặt với hiện thực – dù bất như ý – là điều chúng ta đều cần.

Bên cạnh đó, chủ đề mối quan hệ giữa con người và tự nhiên cũng được gợi ra trong tác phẩm. Trong *Trái tim hổ*, chủ đề này được thể hiện

qua việc nhà văn chọn trái tim hổ làm yếu tố kì ảo trung tâm – biểu trưng cho sức mạnh và vẻ đẹp của tự nhiên hoang dã. Qua lời đồn đại và động cơ săn tìm trái tim hổ, câu hỏi được đặt ra là: Liệu con người có tàn sát tự nhiên để thoả mãn ham muốn, tham vọng, hay những điều hão huyền do chính con người tự thêu dệt? Cái chết thảm của hổ, cùng với cái chết dần của Khó và Pùa, và những mạng người đi săn bị hổ trả thù phải chăng chính là lời đáp trả rằng: Còn đối kháng và huỷ hoại tự nhiên vì lòng tham, con người chỉ chuốc lấy bi thảm. Chủ đề này cũng được Nguyễn Huy Thiệp đề cập trong một số tác phẩm của mình, như trong *Muối của rừng*, tác giả gửi lời cảnh báo con người về hậu quả khi đối kháng với tự nhiên. Chỉ khi biết trân trọng và bảo vệ thiên nhiên, con người mới nhận được điềm lành. Sau chuyến săn khỉ, ông Diểu trở về nhà với một cơ thể trần trụi, mất quần áo, súng ống, và ngực đầy vết thương do khỉ cào. Dù vậy, sự thức tỉnh của lòng trắc ẩn khi phóng sinh cho khỉ đực đã giúp ông tìm lại sự bình thản và ấm áp trong tâm hồn. Điều kì diệu đã xảy ra: hoa tử huyền – ba chục năm mới nở một lần – nở rộ nhiều không kể xiết, báo hiệu đất nước thanh bình, mùa màng phong túc.

Có thể thấy, truyện ngắn *Trái tim hổ* của Nguyễn Huy Thiệp bộc lộ một tư tưởng sâu sắc, đậm đà, mang đậm màu sắc văn hoá dân tộc. Đây là một đặc điểm của truyện ngắn có yếu tố kì ảo: mặc dù cô đọng, nhưng vẫn gợi mở, phân tích, lí giải chủ đề một cách sâu sắc và thuyết phục. Truyện ngắn này mang phong cách vừa hiện đại, vừa pha lẫn những yếu tố cổ xưa, với bối cảnh và ngôn ngữ đậm màu sắc văn hoá dân tộc Tây Bắc. Từ bản làng, nhà sàn, khèn bè, tục cúng ma, đến những chuyến đi săn; từ rừng cây, khe suối, vực sâu, nương rẫy, đến sương muối, hổ dữ, con don, con dim,... tất cả tạo nên một thế giới thiên nhiên và con người nơi vùng đất này. Ngôn ngữ và bối cảnh truyện giúp bạn đọc hoà mình vào quang cảnh thiên nhiên và cuộc sống con người Tây Bắc: là bản làng, nhà sàn, khèn bè,...; là rừng cây, khe suối, vực sâu, sương muối, hổ dữ, con don,... Hay những hình ảnh so sánh sinh động và trực quan như: *"Tin đồn như con chim cắt truyền khắp thung lũng"*, *"Chàng mồ côi cha mẹ, sống như con don con dim"*, *"Người ta nản chí dần, số người đi săn rụng nhanh như bứa chín cây..."*, *"Cả bản kinh hoàng xôn xao như rừng gặp bão"*. Nét cổ điển của truyện thể hiện qua việc sử dụng điểm nhìn bên ngoài của người kể chuyện ngôi thứ ba, với nghệ thuật tả chân dung nhân vật chủ yếu từ ngoại hình và số phận. Các chi tiết về tâm lí nhân vật không đi sâu, mà mang tính khái quát cao. Câu chuyện phát triển tuyến tính theo dòng thời gian,

được mở đầu như những câu chuyện cổ: *"Ngày ấy, ở Hua Tát có một cô gái tên Pùa"*. Giọng kể khá khách quan, tạo cảm giác huyền bí, thu hút sự tò mò của người đọc.

Sự hiện đại của truyện được thể hiện qua nhịp kể nhanh, các sự việc không rải đều theo dòng đời nhân vật như trong truyện cổ, mà được kể đan xen với những điểm nhấn, diễn biến nhanh và đầy bất ngờ. Truyện tập trung vào những sự kiện xảy ra trong mùa đông năm ấy, khi Pùa mười sáu tuổi, gắn với những chuyến săn tìm trái tim hổ. Lời văn thiên về kể tả nhưng xen lẫn những lời bình luận, cảm thán, bày tỏ quan điểm của người kể chuyện hiện đại. Chẳng hạn, *"Không ai đi lấy cô gái liệt cả hai chân làm vợ"*, *"Tin đồn bao giờ cũng thế, qua miệng của những kẻ ngu dốt thì quái lạ thay, thường thú vị hơn qua những con người từng trải"*, *"Người ta đã quên nó đi như quên bao điều cay đắng xảy ra trên thế gian này. Điều ấy cũng cần"*,... Giọng văn của Nguyễn Huy Thiệp vừa có chút gì đó cổ xưa, vừa hiện đại, với các sắc thái khác nhau: lúc bình thản, tỉnh lạnh, lúc lại chan chứa cảm thương, cảm phục, đau đớn, mỉa mai, chua chát.

Trái tim hổ là một truyện ngắn mang yếu tố kì ảo hấp dẫn, đưa người đọc vào thế giới văn hoá độc đáo của các dân tộc Tây Bắc. Qua câu chuyện của Khó và Pùa, tác phẩm không chỉ phản ánh những vấn đề của đời sống hiện tại mà còn gợi lên nhiều suy tư sâu sắc. Truyện ngắn được xây dựng cô đọng nhưng giàu sức gợi, kết hợp hài hoà giữa hơi hướng truyện cổ và phong vị hiện đại, giữa chất kì ảo và hiện thực. Chính sự hoà quyện thú vị này đã tạo nên sức hút riêng biệt, khẳng định tài năng và phong cách sáng tác độc đáo của Nguyễn Huy Thiệp – một trong những cây bút truyện ngắn xuất sắc và hiếm có của văn học Việt Nam đương đại.

Tài liệu tham khảo

1. Trương Chí Hùng, *Những nét chính trong phong cách truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp*, nguồn: https://vanvn.vn, đăng ngày 25/10/2021.

2. Diệp Ninh, *Nguyễn Huy Thiệp – "của hiếm", "hiện tượng độc đáo" của văn đàn Việt Nam*, nguồn: https://tapchimattran.vn, đăng ngày 21/03/2021.

3. Huỳnh Như Phương, *Nguyễn Huy Thiệp: Người đạt đỉnh cao nghệ thuật của truyện ngắn*, nguồn: https://tapchimattran.vn, đăng ngày 22/03/2021.

4. Nguyễn Huy Thiệp (2017), *Những ngọn gió Hua Tát*, NXB Trẻ.



Đọc tác phẩm ***Trái tim hổ***
quét mã **QR** ➢

Theo Julia Kristeva, "tất cả các văn bản đều đang trò chuyện với các văn bản khác". Nhờ sự kết nối của người đọc, các văn bản hỗ trợ lẫn nhau, cùng tạo ra những ý nghĩa, góp phần làm nên một "bức tranh nghệ thuật" rộng lớn và giàu giá trị. Qua đó, mỗi người có thể cảm nhận được sự giăng mắc nhẹ nhàng nhưng sâu sắc về tư tưởng của các tác giả, cũng như vẻ đẹp lấp lánh của các tín hiệu nghệ thuật trong sáng tác của họ – hiện diện đâu đó trên khắp thế gian, kết nối các châu lục và liên kết quá khứ, hiện tại, tương lai. Trong bài viết dưới đây, tác giả vận dụng lí thuyết liên văn bản để tiếp cận chủ đề tình bạn thông qua một số đoạn trích trong SGK *Ngữ văn 6* và *Ngữ văn 7* (bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*), dựa trên các tác phẩm quen thuộc với bạn đọc: *Dế Mèn phiêu lưu kí* (Tô Hoài), *Hoàng tử bé* (Antoine de Saint-Exupéry) và *Tottochan bên cửa sổ* (Kuroyanagi Tetsuko). Không còn là những bài học rời rạc, khi áp dụng lí thuyết liên văn bản, các văn bản này kết hợp với nhau, tạo nên một bức tranh tình bạn đa sắc màu và giàu ý nghĩa thông qua các tín hiệu nghệ thuật.

Tình bạn đồng hành cùng chúng ta
bất kể không gian thời gian

ThS. Dương Hoàng Hạnh Nguyên
GV. Trường THCS Nguyễn Chí Diểu,
Q. Thuận Hoá, Huế



1. Tình bạn "đưa đường dẫn lối"

Trong chủ đề *Tôi và các bạn* (SGK *Ngữ văn 6*, tập một, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*), hai đoạn trích *Dế Mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài và *Hoàng tử bé* của S. Exupéry đã làm rõ giá trị cao đẹp của tình bạn đối với mỗi người. Độc giả dễ dàng nhận thấy tính liên văn bản của hai đoạn trích này qua cặp hình tượng nhân vật, diễn biến câu chuyện và thông điệp nghệ thuật.

Dế Mèn và Dế Choắt vô tình trở thành hàng xóm của nhau, cũng như hoàng tử bé vô tình gặp con cáo. Sự gặp gỡ này là minh chứng cho một vấn đề: tình bạn có những khởi xuất bất ngờ, tự nhiên.

Thấy anh hàng xóm gầy còm ốm yếu, Dế Mèn trịch thượng gọi là Dế Choắt; rồi lớn tiếng quở trách khi sang chơi và thấy *"nhà cửa tuềnh toàng luộm thuộm"*. Dế Choắt cũng tự biết mình *"nghèo sức"*, cũng đã nhờ vả tha thiết Dế Mèn, mong được đào một cái ngách sang bên nhà *"anh bạn cường tráng"* để khi gặp nguy có chỗ trú thân. Dế Mèn ngông nghênh tự đắc không bao giờ nghĩ, sự từ chối thẳng thừng của mình lúc đó, cộng với cái thói hay *"nghịch ranh"* – trêu chị Cốc, đã gây ra một hậu quả khiến bản thân phải ân hận suốt đời: Dế Choắt chết vì bị chị Cốc mổ mấy cái liền.

Hình tượng Dế Choắt ban đầu vốn khá mờ nhạt, nhưng đến cuối đoạn trích lại trở thành một người bạn đáng quý nhờ lòng bao dung và sự sâu sắc trong phút hấp hối: *"Thôi, tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh: ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn cũng mang vạ vào mình đấy."*. Điều mà Dế Mèn nhận được từ lời khuyên ấy chính là *"bài học đường đời đầu tiên"* vô cùng sâu sắc. Nhờ Dế Choắt, Dế Mèn mới thấm thía rằng: không bao giờ được xem thường người khác chỉ vì vẻ bề ngoài; không bao giờ được tự mãn với những gì mình đang có; không bao giờ được trêu chọc người khác mà không lường trước hậu quả; và càng không bao giờ được sống thiếu sự cảm thông.

Không mang không khí căng thẳng, kịch tính như *Bài học đường đời đầu tiên,* đoạn trích *Nếu cậu muốn có một người bạn* mở ra một không gian rộng lớn với tình bạn hồn nhiên, bất ngờ mà sâu sắc giữa chàng hoàng tử bé ở hành tinh xa xôi B612 với con cáo.

Ngay trong cuộc gặp gỡ tình cờ, hoàng tử bé ngây thơ *"xin chào"* kèm lời khen *"bạn dễ thương quá"* dành cho con cáo. Chính lời chào lịch sự và thái độ đầy tôn trọng, rất chân thành này của hoàng tử bé đã cảm hoá được con cáo. Vậy nên, con cáo "đưa đường dẫn lối" để hoàng tử bé hiểu về tình bạn.

Trước hết, tình bạn là sự *"cảm hoá"* – *"làm cho gần gũi"*. Chính sự gần gũi ấy tạo nên tình cảm chân thành, sâu sắc, giúp bạn dễ dàng nhận ra người bạn của mình giữa hàng triệu triệu người khác, và thậm chí yêu cả những điều tưởng như không liên quan: *"Bạn thấy không, cánh đồng lúa mì ở đằng kia? Mình không ăn bánh mì. Lúa mì chẳng có ích gì cho mình... nhưng bạn có mái tóc vàng óng... Lúa mì óng ả sẽ làm mình nhớ đến bạn. Và mình sẽ thấy thích tiếng gió thổi trên đồng*

lúa mì...”. Và muốn “cảm hoá”, thì phải “rất kiên nhẫn”. Ban đầu, hãy xích lại gần một chút, rồi mỗi ngày sẽ xích lại gần hơn. Chính thời gian bạn dành cho ai đó sẽ khiến người đó trở nên quan trọng đối với bạn. Đồng thời, bạn phải *“có trách nhiệm mãi mãi với những gì bạn đã cảm hoá”*. Hoá ra, tình bạn là sự chân thành, là kiên nhẫn, là sẵn sàng hi sinh thời gian quý giá của bản thân để yêu quý từng đặc điểm thuộc về người bạn của mình. Và hơn hết, tình bạn còn là sự chung thuỷ, được cảm nhận qua sự tinh nhạy của trái tim: *“Người ta chỉ thấy rõ bằng trái tim. Điều cốt lõi vô hình trong mắt trần.”*.

Chính sự *liên văn bản* đã khiến hai đoạn trích thuộc hai tác phẩm từ hai châu lục xa xôi xích lại gần nhau, cùng thì thầm với độc giả những câu chuyện ý nghĩa nhất về tình bạn.

2. Tình bạn vượt qua khó khăn, luôn bao dung và thấu hiểu

Trong chủ đề *Bầu trời tuổi thơ* (SGK *Ngữ văn 7*, tập một, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống)*, đoạn trích *Ngôi nhà trên cây* của K. Tetsuko, cùng với cặp đôi nhân vật đồng hành, đã *liên văn bản* với hai đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* và *Nếu cậu muốn có một người bạn.*

Không bắt đầu bằng một tình bạn “miễn cưỡng” như trong *Bài học đường đời đầu tiên, Ngôi nhà trên cây* đã tạo nên một tình huống tự nhiên để cặp đôi nhân vật Tottochan và Yasuaki quen biết nhau rồi trở thành bạn. Điều đáng chú ý về sự *liên văn bản* giữa hai trích đoạn này chính là, sau quá trình “vượt khó”, mỗi nhân vật đều nhận ra sự chân thành và ý nghĩa sâu sắc của tình bạn.

Ở đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên*, lòng bao dung của Dế Choắt dành cho Dế Mèn được thể hiện sau biến cố chị Cốc mổ trúng lưng. Dù chịu đựng đau đớn, trong phút hấp hối, Dế Choắt vẫn dành cho Dế Mèn những lời chân tình và thấm thía, để lại bài học sâu sắc về sự hối hận và trách nhiệm. Còn trong *Ngôi nhà trên cây*, đó là hành trình đầy thử thách nhưng giàu cảm xúc của Tottochan khi cố gắng giúp Yasuaki, cậu bé bại liệt cả tay lẫn chân, thực hiện ước mơ ngồi trên cây. Với sự kiên nhẫn và thông minh của Tottochan, từ việc dùng chiếc thang dựa thân cây đến chiếc thang gấp vững chắc, Yasuaki từng bước trèo lên cây – một điều tưởng như không thể. Khoảnh khắc đáng nhớ là khi Tottochan đứng bên chạc cây, còn Yasuaki ở bậc thang trên cùng. Bằng tất cả sức lực và sự nhiệt thành, cô bé đã kéo bạn mình sang chạc cây, tạo nên cảnh tượng đầy xúc động và ý nghĩa, chắc chắn sẽ khiến bất kì người lớn nào cũng ngạc nhiên *“người lớn sẽ hét toáng lên khi trông thấy”* và cảm phục.

Là *sự tình cờ liên văn bản*, cả hai đoạn trích đều cho chúng ta thấy được, bạn là người sẽ mang lại điều bất ngờ cho ta, mở mang tầm mắt cho ta sau những phút giây vượt khó bởi vì bạn luôn bao dung và thấu hiểu ta.

Trong đoạn trích *Nếu cậu muốn có một người bạn*, con cáo thể hiện sự thấu hiểu sâu sắc với hoàng tử bé – một cậu bé cô độc tại vùng đất mới, đang khao khát tìm hiểu về tình bạn và mong muốn có một người bạn đích thực. Với tấm lòng vị tha, con cáo không chỉ khuyến khích hoàng tử bé *"cảm hoá"* mình mà còn giúp cậu cảm nhận được ý nghĩa thực sự của tình bạn. Chính tình bạn đặc biệt này đã giúp hoàng tử bé hiểu rõ cảm giác quý giá khi *"có một người bạn"* đồng hành. Dù biết rằng cuộc chia tay là không thể tránh khỏi:

– A!... Mình sẽ khóc mất.

– Lỗi do bạn đó – hoàng tử bé nói – mình không muốn làm bạn đau lòng chút nào, nhưng bạn lại muốn mình cảm hoá bạn...

– Tất nhiên rồi – con cáo nói.

– Nhưng bạn sẽ khóc – hoàng tử bé nói – vậy thì bạn chẳng được gì cả.

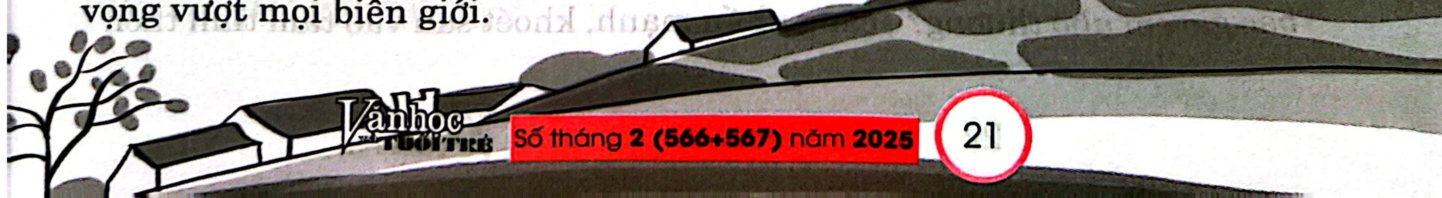
– Mình được chứ – con cáo nói – bởi vì còn đồng lúa mì.

Cái mà cả con cáo lẫn hoàng tử bé nhận được dĩ nhiên là một tình bạn đúng nghĩa và một người bạn ý nghĩa.

Các nhà văn đã cùng *tình cờ liên văn bản* qua hình tượng cặp nhân vật sóng đôi luôn bao dung và thấu hiểu nhau để làm nên giá trị của tình bạn. Rồi cuối cùng, độc giả có thể thấu suốt được sự liên kết nhẹ nhàng như tơ mà vô cùng bền chặt, ý nghĩa giữa các đoạn trích – tác phẩm. Những sợi tơ liên kết đó tình cờ đã cùng nhau dệt nên một tấm tranh lụa quý giá, đa màu sắc về tình bạn.

***

Bài học đường đời đầu tiên, Nếu cậu muốn có một người bạn và *Ngôi nhà trên cây* chung quy đều nói về giá trị và ý nghĩa của tình bạn. "Lời thì thầm" của các tác giả ẩn sau những cặp hình tượng nhân vật song hành, những tình tiết giản đơn mà đầy dụng ý, cùng những câu thoại hồn nhiên nhưng chất chứa tầng tầng ý nghĩa. Độc giả nhỏ tuổi có thể học cách nhìn nhận đúng đắn về bạn bè và tình bạn, trong khi độc giả lớn tuổi tìm thấy sự đồng điệu để chiêm nghiệm giá trị tình bạn qua những thăng trầm cuộc đời. Dù ở những không gian và thời gian khác nhau, Tô Hoài, S. Exupéry và K. Tetsuko đã cùng ngợi ca tình bạn đích thực – một cảm quan đồng vọng vượt mọi biên giới.





Người tình thơ độc đáo trong *Mắt người Sơn Tây*

TS. Đoàn Minh Tâm

Quang Dũng là một trong những gương mặt tiêu biểu của nền thơ ca kháng chiến chống thực dân Pháp, được biết đến với giọng thơ hào hoa, lãng mạn nhưng không kém phần sâu sắc. Trong số các sáng tác của ông, *Mắt người Sơn Tây* nổi bật như một thi phẩm kết tinh vẻ đẹp của tâm hồn thi nhân trước nỗi nhớ thương quê hương và hình bóng người con gái xứ Đoài. Bài thơ không chỉ phản ánh phong cách nghệ thuật đặc trưng của Quang Dũng mà còn trở thành đối tượng nghiên cứu, bình giảng trên nhiều phương diện, từ thi pháp, hình tượng đến tư tưởng thẩm mĩ. Trong phạm vi bài viết này, chúng ta sẽ cùng khám phá một khía cạnh nho nhỏ của tác phẩm: nhân vật em.

Mở đầu bài thơ, hình ảnh em xuất hiện qua sự miêu tả của nhân vật tôi:

Em ở thành Sơn chạy giặc về
Tôi từ chinh chiến cũng ra đi
Cách biệt bao ngày quê Bất Bạt
Chiều xanh không thấy bóng Ba Vì

Câu thơ đầu khắc hoạ hoàn cảnh đáng thương của "em" – phải rời bỏ quê hương Sơn Tây để chạy giặc, tình cờ gặp "tôi" – một người đồng hương xa quê đã lâu vì nghĩa vụ thời chiến. Cảnh "tha hương ngộ cố tri" lẽ ra là niềm vui lớn, nhưng ở đây lại nhuốm màu man mác buồn. Sự xuất hiện của "em" khơi dậy trong nhân vật trữ tình "tôi" nỗi nhớ quê hương da diết. Và ở đó, những địa danh thân thuộc như *"Bất Bạt"*, *"Ba Vì"* hiện lên qua hình ảnh *"cách biệt"* và *"không thấy"*, càng làm nổi bật nỗi buồn thương quê hương giữa khung cảnh chiến tranh chia lìa.

Nỗi nhớ quê hương được đẩy lên sâu lắng, da diết và mạnh mẽ hơn, khiến nhân nhân vật tôi không kìm nổi lòng mình nữa mà phải thốt lên thành tiếng: *"Tôi nhớ xứ Đoài mây trắng lắm"*. Và câu hỏi tu từ *"Em có bao giờ em nhớ thương?"*, càng nhấn mạnh, khoét sâu vào tâm tình thổn

thức, nỗi nhớ quê hương của tác giả. Trong tâm trạng đó, qua con mắt của nhân vật tôi, em không còn đơn thuần là một người con gái – một cá nhân cụ thể – mà là một "hoá thân", biểu tượng của vùng đất xứ Đoài. Nhìn "em", nhân vật tôi như thấy cả bầu trời quê hương hiện diện trong hình ảnh ấy. Đó là vầng trán cao rộng như bầu trời quê, là đôi mắt buồn mang nét đặc trưng của người Sơn Tây, một nỗi buồn vương vấn cả ngàn năm, buộc thi sĩ phải cất lên: *"Vầng trán em vương trời quê hương/ Mắt em dìu dịu buồn Tây Phương"*.

Đến khổ thơ thứ ba, hình ảnh nhân vật em gắn liền với những cảnh hoang tàn, đau khổ của quê hương. Nếu ở câu thơ đầu tiên của khổ một, Quang Dũng mới chỉ hé lộ về hoàn cảnh *"chạy giặc"* em, thì đến khổ thơ này, ông đã tái hiện chi tiết quang cảnh hoang tàn, *"trông thấy mà đau đớn lòng"* của nơi mình chôn nhau cắt rốn khi quân giặc đến:

Từ độ thu về hoang bóng giặc
Điêu tàn thôi lại nối điêu tàn
Đất đá ong khô nhiều ngấn lệ
Em có bao giờ lệ chứa chan

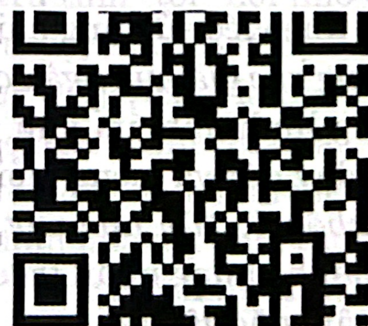
Việc sử dụng lối "đầu cuối tương ứng" trong câu thơ *"Điêu tàn thôi lại nối điêu tàn"* tạo ra một khung cảnh tàn tạ, đổ nát, rộng lớn đến vô tận, không có điểm bắt đầu hay kết thúc. Cả mảnh đất xứ Đoài chìm trong màu điêu tàn, thê lương. Sự tàn tạ ấy được đẩy lên đỉnh điểm qua hình ảnh *"Đất đá ong khô nhiều ngấn lệ"*. Đá ong, loại đá nổi tiếng vì sự rắn chắc của Sơn Tây, vậy mà lại bị "mềm hoá" bởi những *"ngấn lệ"*. Đây là hình ảnh giàu tính biểu cảm, gợi nhiều cách hiểu khác nhau. *"Ngấn lệ"* có thể là phép nhân hoá của tác giả, cho đá ong thương xót những cảnh đời cơ cực khi giặc đến. Hoặc có thể, đây là hình ảnh sáng tạo độc đáo của tác giả, khi liên tưởng cảnh những giọt lệ của người dân xứ Đoài rơi xuống rồi khô đi thành vệt trên những tảng đá ong. Dù hiểu theo nghĩa nào, câu thơ vẫn toát lên sự đau khổ đến cùng cực của người dân Sơn Tây khi bị giặc chiếm đóng. Một sự đau khổ khiến đá cũng phải rơi nước mắt xót thương.

Mạch cảm xúc đau đớn, xót xa lan toả đến khổ thơ thứ tư. Quang Dũng khéo léo sử dụng hai hình ảnh đắt giá để tố cáo tội ác quân giặc: *"Những xác già nua ngập cánh đồng"*, *"Bao nhiêu rồi xác trẻ trôi sông"*. Những hình ảnh ám ảnh ấy được nối tiếp bởi các câu hỏi tu từ chan chứa day dứt và mong mỏi của "tôi" dành cho "em": *"Mẹ tôi em có gặp đâu không"*, *"Tôi nhớ một thằng em bé nhỏ"*. Vậy là nhân vật em đã trở thành chứng nhân trực tiếp cho những đau thương do chiến tranh và quân giặc gây ra.

Đến đây, nhân vật em đã trở thành niềm hi vọng của "tôi": *"Tôi gửi niềm nhớ thương/ Em mang giùm tôi nhé/ Ngày trở lại quê hương/ Khúc hoàn ca rớm lệ"*. Lời kí thác, gửi gắm của nhân vật trữ tình tôi dành cho nhân vật em trong tâm trạng buồn *"viễn xứ khôn khuây"* giữa buổi chiều lưu lạc u uẩn vừa phản ánh nỗi nhớ quê của một người trai trong hoàn cảnh chiến tranh, chưa rõ sống chết, chưa biết có trở về hay không, vừa lấp lánh niềm tin vào một tương lai có thể trở về quê hương trong niềm vui trào nước mắt của ngày chiến thắng. Đó là ngày mà tôi và em lại được chứng kiến mảnh đất Sơn Tây ấm no, trù phú, cảnh vật thơ mộng, hữu tình và con người dạt dào tình yêu nghệ thuật: *"Bao giờ trở lại đồng Bương Cấn/ Về núi Sài Sơn ngó lúa vàng/ Sông Đáy chậm nguồn qua Phủ Quốc/ Sáo diều khuya khoắt thổi đêm trăng"*.

Niềm khát khao về hoà bình, hạnh phúc ấy còn lắng đọng đến khổ thơ cuối. Trong ba câu đầu của khổ này, chúng ta vẫn bắt gặp niềm khao khát ấy: *"Bao giờ tôi gặp em lần nữa/ Chắc đã thanh bình rộn tiếng ca/ Đã hết sắc mùa chinh chiến cũ"*. Và chỉ đến câu thơ cuối cùng *"Em có bao giờ em nhớ ta?"* thì hình ảnh nhân vật em mới mang một nét nghĩa khác. Ở đây, em không còn là nỗi nhớ quê hương, không còn là chứng nhân cho tội ác của giặc hay niềm hi vọng vào hoà bình, độc lập, mà đã trở thành "một người tình thơ" đúng nghĩa của nhân vật trữ tình tôi. Câu chuyện về quê hương, đất nước, về hoà bình, độc lập, giải phóng đã được thay thế bằng một câu hỏi mang tính chất cá nhân hơn, riêng tư hơn, đầy thi vị hơn: *"em nhớ ta?"*. Nếu như các câu hỏi tu từ trước gợi nên những nỗi niềm đau đáu, thì câu hỏi cuối này lại mang đến những bâng khuâng, những chờ mong về một kết thúc viên mãn của nhân vật trữ tình tôi.

Nhân vật em là sự kết hợp hài hoà giữa tình cảm riêng và nỗi lòng chung, vừa phản ánh hoài vọng của một cá nhân, vừa mang mong ước chung của cả cộng đồng. "Em" không chỉ là hình ảnh phản chiếu của hiện thực trước mắt mà còn là niềm hi vọng vào tương lai. Có thể nói, đây là một nhân vật độc đáo trong đời thơ Quang Dũng...



Quét mã QR để đọc tác phẩm

ĐI TÌM VẺ ĐẸP VĂN CHƯƠNG

Lễ tình nhân 14/2 là dịp để mỗi người cảm nhận sức mạnh của tình yêu qua những lời nói ngọt ngào nhất. Trong truyện ngắn *Một chuyện đùa nho nhỏ* của Anton Chekhov (SGK *Ngữ văn 10,* tập một, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*), những tiếng thì thầm *"Nadia, anh yêu em!"* vang lên giữa những đợt gió rít đã tạo nên một câu chuyện tình vừa ngọt ngào, vừa bí ẩn.

Hãy cùng lắng nghe "lời yêu trong gió" để cảm nhận hương vị ngọt ngào của tình yêu – món quà ý nghĩa nhất trong cuộc sống nhé.

Lời yêu trong gió



Chu Thị Hảo
Hội viên Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Phú Thọ

"*Nadia, anh yêu em!*". Đó là lời tỏ tình của nhân vật tôi trong truyện ngắn *Một chuyện đùa nho nhỏ* của Anton Chekhov, khi anh cùng Nadia trượt tuyết lần đầu.

Truyện kể về một kỉ niệm đẹp giữa nhân vật tôi và Nadia. Vào một buổi trưa mùa đông, nhân vật tôi mời Nadia đi trượt tuyết, nhưng cô rất sợ: *"Cả khoảng không gian từ đôi giày cao su của nàng đến chân quả đồi phủ đầy băng thật ghê sợ, tưởng như là một vực sâu vô tận."*. Sau ba lần thuyết phục, Nadia cuối cùng đồng ý. Điều kì lạ xảy ra khi chiếc xe lao xuống dốc *"vun vút như một viên đạn, gió như muốn giật phăng đầu ra khỏi vai"*, và trong khoảnh khắc đó, nhân vật tôi thì thầm: *"Nadia, anh yêu em!"*. Nadia không biết câu nói ấy là của nhân vật tôi hay chỉ là tiếng gió. Cô tiếp tục trượt tuyết lần hai, lần ba, và những lần sau đó. Mỗi khi xe lao xuống dốc nhanh nhất, trong tiếng gió gào rít, nhân vật tôi lại thì thầm: *"Nadia, anh yêu em!"*. Dần dần, Nadia quen thuộc với những lời yêu ấy, sống không thể thiếu chúng. Nàng không biết liệu đó là lời gió hay lời anh thổ lộ. Thế rồi, một buổi trưa, Nadia quyết định trượt tuyết một mình để xem có còn nghe thấy những lời ngọt ngào ấy không. Khi bước ra khỏi xe, mệt mỏi và gần như kiệt sức, cô cũng không rõ mình có nghe được lời yêu ấy hay không. Rồi mùa xuân đến, tuyết tan, và Nadia chẳng còn nơi nào để nghe lại những lời dịu dàng ấy nữa. Khoảng hai ngày trước khi lên đường đi Petersburg, nhân vật tôi đứng bên hàng rào, nhìn qua khe hở và chờ khi ngọn gió xuân thổi tới, anh lại thì thầm: *"Nadia, anh yêu em!"*. Nhiều năm trôi qua, Nadia đã có chồng. Cô không còn nghe thấy lời ấy nữa, nhưng chúng đã trở thành kí ức hạnh phúc, xúc động, và đẹp nhất trong cuộc đời cô.

Lời yêu trong gió, *"Nadia, anh yêu em!"*, thật ngọt ngào và quyến rũ. Chẳng thế mà sau lần đầu tiên xe trượt tuyết lao xuống chân đồi, Nadia, mặt tái nhợt vì sợ hãi, thở không ra hơi, đã nguyền rằng: *"Có các vàng tôi cũng không trượt nữa đâu... Các vàng tôi cũng chịu! Chỉ thiếu chút nữa thì tôi chết mất"*. Thế nhưng, dần dà, nỗi sợ tan biến, nàng lại rụt rè rủ rê: *"Này anh, chúng ta cùng nhau... lao dốc lần nữa đi"*. Và khi chiếc xe lao xuống vực thẳm khủng khiếp, vào đúng lúc chiếc xe đạt tốc độ nhanh nhất, tiếng gió gào rít ghê gớm nhất, nàng lại nghe thấy: *"Nadia, anh yêu em!"*. Khi chiếc xe dừng lại, Nadia nhìn quanh quả đồi, dò xét xem câu nói ấy là do nhân vật tôi thốt ra hay chỉ là tiếng gió gào thét bên tai. Toàn thân nàng toát lên vẻ hoài nghi. Những câu hỏi không lời giải đáp hiện rõ trong ánh mắt rầu rĩ của nàng, như thể nàng muốn khóc. Nhưng rồi nàng bất ngờ từ chối về nhà, bộc bạch: *"Không, tôi thích trượt thế này!"*. Đồng thời, nàng lại thăm dò: *"Hay chúng ta cùng trượt lần nữa đi?"*.

Nàng "thích" trượt thế nhưng ngồi lên xe, gương mặt nàng vẫn tái nhợt, hơi thở ngắt quãng vì sợ hãi. Lần thứ ba cùng nhân vật tôi trượt dốc, nàng nhìn vào khuôn mặt nhân vật tôi. Xe xuống lưng chừng đồi, nhân vật tôi lại nói: *"Nadia, anh yêu em!"* đầy bí ẩn. Nàng cố dằn lòng *"Không, gió không thể nói những lời ấy, mà mình cũng không muốn nghe gió nói những lời ấy!"*. Nàng hẹn hò: *"Nếu hôm nay anh có đi trượt tuyết, đến rủ tôi cùng đi nhé"*. Để rồi ngày nào Nadia cũng cùng nhân vật tôi trượt tuyết, quen nghe những lời yêu *"Nadia, anh yêu em!"* mỗi lần xe từ trên đồi xuống dốc.

Điều gì đã khiến một thiếu nữ sợ hãi trượt tuyết, run rẩy khi ngồi trên xe, hơi thở ngắt quãng tưởng sắp chết vẫn muốn trượt dốc lần sau, lần sau và những lần sau nữa nếu không phải là hương vị ngọt ngào của lời yêu? Vì lời yêu ngọt ngào đầy bí ẩn trong gió mà Nadia đã chiến thắng nỗi sợ hãi của chính mình để đi tìm sự thật. Lời yêu cho Nadia dũng khí hẹn hò, dũng khí bước lên xe trượt tuyết cùng nhân vật tôi. Và hơn thế, lời yêu ngọt ngào say đắm ấy tiếp thêm cho Nadia sức mạnh để làm nên điều phi thường: trượt tuyết một mình! Trượt tuyết một mình đáng sợ biết bao, gương mặt Nadia tái nhợt, trắng như tuyết, toàn thân run rẩy, nhưng nàng vẫn xăm xăm đi, cô muốn biết khi không còn nhân vật tôi bên cạnh, cô có nghe được những lời ngọt ngào ấy không? Tất nhiên, nỗi sợ hãi khi xe lao xuống đồi khiến nàng không nghe, không phân biệt được lời của gió hay của nhân vật tôi, nhưng bước chân xăm xăm và quyết định trượt tuyết một mình của cô khiến người đọc thêm trân trọng. Hoá ra món quà của tình yêu không phải là vàng hay kim cương mà là sự ngọt ngào, chân thật của tình yêu!

Sang xuân, không còn trượt tuyết nữa nhưng làn gió xuân gợi cho nàng tiếng gió rít trên đồi tuyết và những tiếng: *"Nadia, anh yêu em!"*. Nàng đưa tay về phía trước như cầu xin gió đem đến cho nàng lời yêu đương lần nữa. Kì diệu thay, chờ khi ngọn gió tới, nhân vật tôi lại thì thào: *"Nadia, anh yêu em!"*. Lời yêu trong gió làm gương mặt nàng rạng rỡ, xinh đẹp và hạnh phúc! Để rồi sau này khi đã có gia đình, có con, nhưng những kỉ niệm trượt tuyết đã trở thành kí ức đẹp, hạnh phúc nhất trong cuộc đời của Nadia!

Rõ ràng, lời yêu trong gió không thể đo lường được mà chỉ có thể cảm nhận được bằng trái tim khao khát yêu, được yêu chân thành của Nadia. Và dù chỉ là *Một chuyện đùa nho nhỏ* nhưng Chekhov đã để lại cái dư vị ngọt ngào của tình yêu./.



VH&TT giới thiệu tới các bạn đọc chuỗi bài viết của PGS.TS. Dương Tuấn Anh (GV. Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội) về những hình ảnh có nghĩa biểu tượng, từ Hán Việt có trong các văn bản ngữ liệu của SGK Ngữ văn (CTGDPT 2018). Các bài viết sẽ giúp các em học sinh:

▲ *Giải đáp các thắc mắc về từ Hán Việt xuất hiện trong các văn bản đọc.*

▲ *Tìm hiểu những hình ảnh có ý nghĩa biểu tượng trong văn học, văn hoá phương Đông để có thêm tri thức đọc hiểu.*

▲ *Có thêm tư liệu để có thể hiểu sâu hơn về tác phẩm.*

Ngọc – vẻ đẹp thuần khiết và cao quý

PGS.TS. Dương Tuấn Anh

Nhân loại đã tiếp cận và sử dụng các loại đá (trong đó có ngọc – đá quý) từ thời kì đồ đá và vẫn còn tiếp tục cho đến ngày nay. Từ chỗ là một loại vật liệu phục vụ cho đời sống vật chất (chế tác công cụ, đồ dùng, đồ trang sức,...), ngọc dần dần chiếm một vị trí đặc biệt trong đời sống văn hoá tinh thần của con người, trong đó có ngôn ngữ, văn học.

Một trong những tác phẩm thi ca sớm nhất sử dụng hình tượng ngọc là *Kinh Thi*. Bài *Vị Dương* trong *Kinh Thi* ra đời cách đây hơn hai ngàn sáu trăm năm có câu:

Ngã tống cữu thị,
Du du ngã tư.
Hà dĩ tặng chi?
Quỳnh khôi ngọc bội.

(Ta đưa tiễn cậu của ta/ Ta suy ngẫm thật lâu/ Lấy gì để tặng cho cậu?/ Lấy ngọc bội làm bằng ngọc quỳnh khôi (mà tặng để bày tỏ lòng hiếu kính của ta) vậy.)

Tác phẩm được cho là lời vua Tần Khang Công (? – 609 TCN) lúc tiễn người cậu trở về nhà. Món quà là miếng ngọc bội làm bằng ngọc quỳnh khôi, một vật quý giá người xưa thường dùng đeo bên mình, đã thể hiện tấm lòng trân trọng nhưng cũng rất đỗi gần gũi, yêu thương mà nhà vua dành cho người cậu của mình.

Khuất Nguyên (khoảng 340 TCN – 278 TCN) khi viết những lời ngợi ca vị thần Đông Hoàng Thái Nhất trong *Cửu ca* đã nhiều lần sử

dụng hình tượng ngọc. Hình tượng ngọc xuất hiện trên chuôi kiếm, bên thân mình, trên chiếu ngồi... đã được tác giả dùng để khắc hoạ hình ảnh về một vị thần cao quý và trường tồn:

Cát nhật hề thì lương,
Mục tương du hề thượng hoàng.
Phủ trường kiếm hề ngọc nhị,
Cầu thương minh hề lâm lang.
Dao tịch hề ngọc chấn,
Hạp tương bả hề quỳnh phương...

(Ngày lành giờ tốt/ Cung kính mừng vui đón ngài/ Vỗ gươm dài chuôi đeo ngọc/ Ngọc bội (đeo bên mình) va vào nhau tiếng trong trẻo ấy là ngọc lâm lang/ Chiếu cỏ dao chặn bằng ngọc/ Bó hoa quỳnh thơm ngát.)

Trải suốt chiều dài hàng ngàn năm lịch sử, hình tượng ngọc đã trở thành biểu tượng mang đậm ý nghĩa sâu sắc và phong phú, gắn liền với giá trị thẩm mĩ, tinh thần và triết lí nhân sinh. Từ những tác phẩm cổ điển đến hiện đại, hình tượng này được các nhà văn, nhà thơ sử dụng như một phương tiện để truyền tải những thông điệp cao cả và sâu xa.

So với đá thông thường, độ trong của ngọc được người xưa dùng làm ***biểu tượng cho sự thuần khiết***. Người xưa còn có thành ngữ "băng thanh ngọc khiết" với nghĩa là trắng trong và thuần khiết như băng như ngọc, tỉ dụ cho sự ngây thơ, thuần khiết trong tâm hồn hoặc phẩm hạnh cao khiết. Từ "ngọc lộ" được dùng để chỉ sương giá mùa thu đọng thành giọt tinh khiết như ngọc. Trong bài thơ *Thu hứng* (bài 1), Thánh thi đời Đường là Đỗ Phủ viết:

Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm,
Vu sơn, Vu giáp khí tiêu sâm.

(Sương móc như ngọc làm tàn tạ rừng phong/ Núi Vu và kẽm Vu khí trời ảm đạm hiu hắt.)

Thi sĩ Xuân Diệu khi miêu tả những giọt nước mắt tuôn rơi trong bài thơ *Lệ* đã không chỉ khắc hoạ đặc điểm trong suốt của những giọt nước mắt, mà còn mĩ hoá, thi vị hoá những giọt nước mắt ấy khi dùng hình ảnh "lệ ngọc":

Vẫy mùi soa đưa tiễn cả thời gian,
Gắng ươm hoa trên những đống tro tàn!
Sa mạc đời tỉ tê dòng suối khóc,
Kho của cải chỉ còn hàng lệ ngọc!

Ngọc lôi cuốn thị giác của con người nhờ độ trong trẻo và những sắc màu rực rỡ. Không giống như các loại đá thông thường, ngọc có khả

năng phản chiếu ánh sáng độc đáo, tạo ra hiệu ứng lấp lánh và thay đổi màu sắc khi nhìn từ các góc khác nhau. Đặc điểm này khiến ngọc từ chỗ là một danh từ được sử dụng như một tính từ, ***biểu trưng cho vẻ đẹp***. Chẳng thế mà tiên nữ trong truyền thuyết hay những cô gái xinh đẹp, lôi cuốn được gọi là "ngọc nữ" (như trong *"Ngọc nữ về tay chân chủ"* – SGK *Ngữ văn 9*, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*). "Ngọc nữ" cũng được người Việt Việt hoá bằng danh xưng "người ngọc". Thi sĩ Hàn Mặc Tử trong *Duyên kì ngộ* cũng từng dùng hình tượng này để nói về những cô gái xinh đẹp:

Phải chăng anh tài hoa cao trọng lắm,
Đã bao lần khét tiếng ở đền vua,
Bao người ngọc đắm say lời ngọc thắm,
Bao giai nhân hâm mộ tấm tình thơ?...

Người có khuôn mặt ngời sáng đẹp đẽ (thường là của người nữ) được gọi là "ngọc diện". Thi nhân Trung Quốc thời Sơ Đường là Tống Chi Vấn trong bài *Hoạ Triệu viên ngoại "Quế Dương kiều ngộ giai nhân"* (Hoạ lại bài thơ *Gặp người đẹp ở cầu Quế Dương* của viên ngoại họ Triệu) có dùng hình ảnh "ngọc diện" để tả khuôn mặt người đẹp như sau:

Giang vũ triêu phi ấp tế trần,
Dương kiều hoa liễu bất thăng xuân.
Kim yên bạch mã lai tòng Triệu,
Ngọc diện hồng trang bản tính Tần.

(Mưa trên sông lúc sáng sớm bay ướt những hạt bụi nhỏ/ Dương liễu bên cầu Quế Dương nở hoa tươi thắm không thể tả hết vẻ xuân/ Nàng cưỡi ngựa trắng, yên vàng từ đất Triệu đến đây/ Mặt đẹp như ngọc, tô điểm phấn hồng, vốn là người họ Tần.)

Từ "ngọc diện" cũng được Việt hoá thành "mặt ngọc". Vua Lê Thánh Tông trong bài thơ Nôm *Cái nón* đã ngợi ca công năng đáng quý của cái nón là che chở cho con người, trong đó có việc che chở cho gương mặt của những cô gái xinh đẹp:

Mưa nào lệ, nắng nào âu?
Các cứ làm nên nón đội đầu.
Vành vạnh dường bằng vầng nhật nguyệt,
Vần vần mấy tựa tán công hầu.
Trùm mặt ngọc, mùi hương đượm,
Dạo đường hoa, bóng ác thâu.
Cả mọn thế gian nhờ phủ rợp,
Nào ai là chẳng đội lên đầu?

Thi nhân Phạm Quý Thích cảm thương cho số phận nàng Kiều đã làm bài thơ *Đoạn trường tân thanh đề từ* (Đề từ tác phẩm *Đoạn trường tân thanh*), cũng dùng từ "ngọc diện" để ngợi ca nhan sắc của Thuý Kiều như sau:

Giai nhân bất thị đáo Tiền Đường,
Bán thế yên hoa trái vị thường.
Ngọc diện khởi ưng mai Thuỷ quốc,
Băng tâm tự khả đối Kim lang.

(Người đẹp mà không đến sông Tiền Đường/ Thì nửa đời lầu xanh vẫn chưa trả xong nợ/ Khuôn mặt xinh đẹp của nàng đâu cần phải chôn vùi xuống thuỷ cung/ Lòng trắng trong của nàng thì xứng đáng gặp được Kim Trọng)

Riêng trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du cũng có tới gần 30 lần dùng hình tượng ngọc, trong đó nhiều lần dùng hình tượng này để khắc hoạ vẻ đẹp của các nhân vật nữ, như khi tả vẻ đẹp của Thuý Vân:

Vân xem trang trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang,
Hoa cười ngọc thốt đoan trang,
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.

Hoặc khi tả Thuý Kiều:

Rõ ràng trong ngọc trắng ngà,
Dày dày sẵn đúc một toà thiên nhiên...

Vẻ đẹp ấy của ngọc khiến nó thậm chí được dùng làm thứ ***biểu trưng cho điều tốt đẹp, sự toàn mĩ***. Tục ngữ có câu "ngọc còn có vết" với nghĩa gốc để chỉ thứ hoàn hảo như ngọc còn có tì vết với hàm ý rằng không có gì là hoàn hảo tuyệt đối. Sách *Tam tự kinh* có câu "Ngọc bất trác bất thành khí, nhân bất học bất tri nghĩa", nghĩa là một khối ngọc tốt nếu không trải qua quá trình đẽo gọt, tạo hình thì nó vĩnh viễn chỉ là một khối ngọc thô kệch, chẳng dùng được vào việc gì, cũng như con người, cho dù đó là một người có tư chất thông minh như thế nào đi nữa nếu không dụng tâm học tập thì không thể có hiểu biết nghĩa lí, không hiểu được lẽ phải. Trong các trường hợp diễn đạt trên, ngọc được lựa chọn làm vật mang tính biểu tượng chứ không phải một sự vật nào khác bởi ý nghĩa biểu trưng cho sự tốt đẹp, toàn mĩ vốn có này của nó.

Ngọc không chỉ lôi cuốn thị giác, biểu trưng cho sự thuần khiết và cái đẹp, mà còn ***biểu trưng cho sự quý giá***. Sự quý giá của ngọc không chỉ đến từ độ "hiếm có khó tìm", mà còn bởi độ cứng. Độ cứng khiến việc chế tác ngọc không hề dễ dàng, đòi hỏi người chế tác phải

tốn công sức và phải đủ tài năng. Độ cứng cũng cũng giúp ngọc tăng giá trị nhờ bền vững hơn trước những tác động. Đó cũng là lí do khiến các vật phẩm bằng ngọc không phải thứ phổ biến trong đời sống mọi người, mà thường xuất hiện hạn chế trong một phạm vi hẹp, thuở xưa thường gắn với đời sống giới quý tộc hay những gia đình giàu có. Bởi vậy, hình tượng ngọc được biểu trưng cho sự quyền quý, giàu sang (nhiều tiền của, có địa vị xã hội cao). Người xưa dùng cụm từ "ngọc diệp kim chi" (lá ngọc cành vàng) để chỉ con cháu nhà quyền quý; những nhà giàu có, sang trọng được gọi là "ngọc đường"; con dấu, ấn chương của nhà vua được gọi là "ngọc tỉ" (cho dù nó được làm bằng ngọc hay bằng vàng); vị chúa tể ngự trị ở cõi trời được gọi là "ngọc hoàng"; bản ghi chép công trạng của các vị thần thánh được gọi là "ngọc phả"; giới quý tộc xưa thường đeo ngọc bội trên dải thắt lưng, nên ngọc bội cũng tượng trưng cho quyền quý... Khi thuật lại cuộc gặp giữa Kim Trọng và Thuý Kiều trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du không ít lần sử dụng hình tượng ngọc:

Khen: Tài nhả ngọc phun châu,
Nàng Ban ả Tạ cũng đâu thế này!
Kiếp tu xưa ví chưa dày,
Phúc nào nhắc được giá này cho ngang!
Nàng rằng: Trộm liếc dung quang,
Chẳng sân bội ngọc cũng phường kim môn...

Nếu "tài nhả ngọc phun châu" là lời khen tặng của Kim Trọng về tài năng thơ phú của Kiều (mỗi từ, mỗi ý đều đẹp như châu, như ngọc) thì cụm từ "sân bội ngọc" lại là lời Kiều ca ngợi phong thái ngời vẻ quý phái của chàng Kim.

Vào thời cổ đại, gối ngọc tượng trưng cho sự cao quý và giàu có, đại diện cho danh tính và địa vị của người sử dụng. Vua Lê Thánh Tông trong bài thơ *Chức Nữ nhớ Ngưu Lang* đã dùng hình tượng "gối ngọc", vừa để ngợi ca địa vị cao quý của Chức Nữ, vừa ngầm biểu thị vẻ đẹp của nàng (gối của ngọc nữ):

Một mình vò võ chốn Hà Đông,
Nhớ khách đầy vơi luống những trông.
Gối ngọc giấc màng êm lưới đệm,
Thoi vàng tay ngại mắc trên không...

Bởi ngọc cũng được dùng để tượng trưng cho những điều quý giá, nên "ngọc thể" là lời tôn xưng thân thể của người tôn kính; có một thứ măng quý gọi là "ngọc trúc"; cơm gạo quý giá với sự sinh tồn của con người nên được gọi là "ngọc thực"... Một trong những thứ quý giá nhất

mà con người có là sinh mệnh, nên người xưa ví mạng sống quý giá như vàng như ngọc. Sau khi bị Hồ Tôn Hiến lừa ép hầu đàn, hầu rượu, sau lại gán cho tên thổ quan, vô cùng tủi nhục, Kiều đã không tiếc tính mạng của mình, quyết liều bỏ mình ở sông Tiền Đường:

Đã không biết sống là vui,
Tấm thân nào biết thiệt thòi là thương.
Một mình cay đắng trăm đường,
Thôi thì nát ngọc tan vàng thì thôi.

Hình ảnh "nát ngọc tan vàng" chính là để nói về việc Thuý Kiều không còn tiếc sinh mạng, sẵn sàng liều bỏ tính mạng của mình.

Với những đặc tính tự nhiên quý giá sẵn có của mình, người xưa tin rằng ***ngọc có ngũ đức*** (năm đức quý: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín), là biểu tượng của người quân tử. *Kinh Lễ* có câu: 君子比德于玉 *quân tử tỉ đức vu ngọc* (người quân tử có đức như ngọc), bởi cho rằng ngọc cũng như người quân tử có năm đức quý. Theo đó, ngọc tạo cảm giác ôn nhuận như lòng nhân của người quân tử; tinh tế và kiên định như đạo nghĩa của người quân tử; thường được tạo hình có đường nét cân đối, ngay ngắn, chuẩn chỉ giống điều lễ ở người quân tử; trong suốt, có thể nhìn thấu như cái trí của người quân tử; cứng chắc mà không dễ vỡ như đức tín của người quân tử. Người xưa tin rằng với năm đức ấy, ngọc có thể đem lại cảm giác dịu nhẹ, sưởi ấm trái tim con người, giống như tấm lòng nhân từ có thể lay động người khác; kết cấu tinh tế và cứng cáp của ngọc tượng trưng cho ý thức kiên định về công lí và nguyên tắc của đạo nghĩa mà con người có thể dựa vào; tính cân đối xứng, chuẩn chỉ của hình dáng ngọc phản ánh sự chuẩn mực và trật tự của các nghi thức mà con người cần tuân theo; độ trong suốt của ngọc đại diện cho ánh sáng của trí tuệ của con người có thể thấu triệt mọi thứ; độ cứng không dễ vỡ của ngọc tượng trưng cho lòng chính trực, thành thực mà con người có thể tin tưởng.

Như vậy, ngọc không chỉ là một vật phẩm quý giá mà còn mang trong mình những ý nghĩa sâu sắc đối với đời sống con người. Từ biểu tượng của sự cao quý, trường tồn, đến khát vọng hoàn thiện bản thân, ngọc nhắc nhở chúng ta về những giá trị đẹp đẽ và ý nghĩa của cuộc sống. Chính vì thế, ngọc không chỉ là món quà của tự nhiên mà còn là một nguồn cảm hứng, một bài học quý giá cho con người trên hành trình tìm kiếm giá trị đích thực của mình. Thông qua hình tượng ngọc, các thi nhân không chỉ làm giàu thêm giá trị nghệ thuật cho tác phẩm mà còn gửi gắm những thông điệp sâu xa về đạo đức, triết lí sống và vẻ đẹp của con người.

14.1.2025



Về thể loại nhật kí văn học

ThS. Đào Tiến Thi

1. Khái quát về thể loại nhật kí

Nhật kí là một trong các thể kí, thể loại ghi chép người thực việc thực, thuộc loại văn học phi hư cấu.

Về đại thể, nhật kí phân biệt với các loại kí khác ở chỗ: các ghi chép không những phải theo trật tự ngày tháng mà còn phải là cái vừa xảy ra hoặc xảy ra chưa lâu so với thời điểm ghi chép. Có nghĩa là về nguyên tắc, thời gian xảy ra sự việc và thời gian ghi chép là đồng thời. Hai chữ "nhật kí" có nghĩa là ghi chép theo từng ngày.

Ngoài nhật kí văn học còn có nhật kí công tác, nhật kí hành trình,... là những văn bản có tính chất sự vụ. Ở đây chỉ đề cập nhật kí văn học, là những ghi chép mang nặng cảm quan của cá nhân, được biểu đạt bằng ngôn ngữ giàu hình tượng và được cá nhân lưu giữ, chỉ một số rất ít được xuất bản.

Số nhà văn Việt Nam để lại nhật kí không nhiều. Trong văn học hiện đại chỉ có vài nhà văn có số trang nhật kí tương đối bề thế như Nguyễn Huy Tưởng và Phan Quang. Nguyễn Huy Tưởng ghi nhật kí từ năm 1930, khi ông mới 18 tuổi và viết liên tục cho đến năm 1960, chỉ ít ngày trước khi ông qua đời vì trọng bệnh. Phan Quang chỉ viết nhật kí trong khoảng 6 năm (1949 – 1955) khi ông còn trẻ nhưng gần đây tập hợp lại cũng được một tập sách trung bình (tập *Từ nguồn Thạch Hãn đến bờ Hồ Gươm*, 450 trang khổ 16 x 24). Thời kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954) và chống đế quốc Mỹ (1955 – 1975) là thời kì nở rộ của nhật kí. Tuy vậy, do hoàn cảnh chiến tranh, không ít nhật kí bị thất lạc. Ngoài ra, do bối cảnh lịch sử và tính chất riêng tư của nhật kí, cho nên nhiều nhật kí thời kháng chiến, vì nhiều lí do, vẫn chưa tiện công bố. Thời kháng chiến chống đế quốc Mỹ có hai cuốn nhật kí nổi tiếng nhưng mãi ba, bốn mươi năm sau mới được công bố: *Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm* của bác sĩ quân y Đặng Thuỳ Trâm và *Mãi mãi tuổi hai mươi* của chiến sĩ Nguyễn Văn Thạc. Hai cuốn nhật kí trở thành hiện tượng văn học những năm 2005 – 2007 với số lần tái bản và lượng

bản in cực lớn, vượt trội hơn tất cả các tác phẩm văn học đương thời.

2. Nội dung của nhật kí

Do là những ghi chép tức thời nên nhật kí giữ nguyên vẹn được cách nhìn sự việc và con người của "người đương thời" (của cá nhân người viết nhật kí cũng như của dư luận xã hội). Sự kiện, con người chép trong nhật kí, ngoại trừ phần cảm quan cá nhân, nhìn chung là sự thật đáng tin cậy. Không chỉ là các sự kiện, con người mà còn là suy nghĩ, tâm trạng của người viết trước hiện thực đó. Nếu tổng hợp được nhiều nhật kí của một giai đoạn sẽ hình dung được không khí một thời đại. Do đó, nhật kí có giá trị tư liệu rất lớn mà khó có thể loại văn học nào có thể thay thế.

Sự kiện, con người chép trong nhật kí, ngoại trừ phần cảm quan cá nhân, nhìn chung là sự thật đáng tin cậy. Không chỉ là các sự kiện, con người mà còn là suy nghĩ, tâm trạng của người viết trước hiện thực đó. Nếu tổng hợp được nhiều nhật kí của một giai đoạn sẽ hình dung được không khí một thời đại. Do đó, nhật kí có giá trị tư liệu rất lớn mà khó có thể loại văn học nào có thể thay thế.



Tính chất "tức thời" của nhật kí còn thể hiện ở chỗ: một số nội dung sau này chính tác giả đọc lại cũng không hiểu. Khi viết "Lời thưa" cho cuốn nhật kí của mình đã ghi từ 70 năm trước, nhà báo Phan Quang thú nhận: *"Có những dòng ngày nay bản thân người ghi cũng không tường tận lắm về nội dung, bối cảnh và chắc có thể nhầm do trình độ hạn chế và một số tên đất tên người phải viết tắt để giữ bí mật [...]. Từ ngữ có nhiều tiếng địa phương nay không thông dụng, đến người ghi cũng chẳng lần ra nổi"*.

Đối tượng hướng tới của nhật kí không phải là độc giả mà là bản thân người viết. Nói cách khác, đương thời tác giả viết nhật kí trước hết là để dành cho mình chứ không có ý định xuất bản. Cho đến một lúc nào đó

(thường về cuối đời hoặc khi tác giả đã qua đời) những trang nhật kí đó mới được xuất bản do ý muốn của bạn bè, người thân hoặc của nhà xuất bản. Cũng do tính chất riêng tư ấy nên việc xuất bản nhật kí cũng có tính chất đặc thù. Khi xuất bản, tức công bố công khai trước độc giả, tác giả hoặc người thân hoặc nhà xuất bản có thể cắt một số ghi chép do nhận thấy thời điểm công bố chưa thích hợp hoặc có những chỗ quá riêng tư, không tiện "phơi" ra trước số đông. Nhưng cũng có thể sau một thời gian, tác giả hoặc người được uỷ quyền thấy cần phải công bố đầy đủ thì những nội dung đó lại được đưa vào tác phẩm. Và như vậy có thể có hai, ba văn bản nhật kí, như đã xảy ra với *Nhật kí Anne Frank*[1].

Người ta trong cuộc sống hằng ngày, từ việc làm đến giao tiếp, phát ngôn thể hiện ra bên ngoài có khi không trùng với suy nghĩ, tình cảm thật của mình, nhưng khi viết nhật kí con người sống đúng là mình, thật nhất với mình. Người viết nhật kí trải lòng mình ra trang giấy, bộc lộ tất cả những yêu ghét, tin tưởng, nghi ngờ, sợ hãi, vụng dại, hèn nhát,... Chính vì thế khi đọc nhật kí ta đọc được những điều "gan ruột" của người viết mà nhiều khi không thể bộc lộ ở bất kì chỗ nào. Chẳng hạn, nhìn bề ngoài, đời văn cũng như đời người của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng không phức tạp, không gai góc, cũng không "ương bướng", sự nghiệp văn chương của ông có vẻ như thuận buồm xuôi gió, không mắc "tai nạn nghề nghiệp", nhưng đọc hồi kí[2] của ông mới thấy ông là người cả nghĩ, đầy những băn khoăn, trăn trở, đớn đau, đầu óc thường xuyên căng thẳng, thậm chí nhiều khi bất bình cực độ trước những ngang trái, oái oăm của đời sống chính trị và văn nghệ.

Không ở thể loại nào, "văn là người" như trong nhật kí. Cựu sĩ quan quân báo Mỹ Frederic Whitehurst kiên trì 35 năm đi tìm tác giả của cuốn nhật kí mà ông thu được hồi chiến tranh – cuốn nhật kí của bác sĩ quân y Đặng Thuỳ Trâm, một người ở bên kia chiến tuyến với ông. Ông kính trọng, khâm phục tác giả của nó. Vì qua những trang nhật kí đó, ông thấy một con người yêu nước, yêu quê hương và yêu thương đồng đội tha thiết. Cũng vậy, ông Robert Whitehurst, anh trai của Frederic Whitehurst, sau khi đọc nhật kí đã xúc động thốt lên: "*Khi rời Hà Nội để dấn thân vào cuộc chiến, Thuỳ chưa biết chiến tranh là thế nào. Hơn ba năm ở Đức Phổ [...], chị đã trưởng thành. Những điều chị học được đã củng cố thêm lòng quyết tâm đã được gia đình nuôi dưỡng từ nhỏ. Chị học được những điều mà tất cả chúng ta cần phải học. Những bài học về danh dự. Những bài học về lòng trắc ẩn [...]. Chị đã nêu một tấm gương về tình yêu đối với mọi người, với cái đẹp và với con người*".

Các ghi chép trong nhật kí luôn song hành hai đối tượng: hiện thực cuộc sống xung quanh tác động trực tiếp đến người viết cùng những suy nghĩ, cảm xúc của người viết trước hiện thực đó. Có người thiên về ghi chép (miêu tả hoặc kể sự việc) ngoại cảnh, có người thiên về bộc lộ tâm trạng (gần như miêu tả nội tâm nhân vật trong truyện). Về ngoại cảnh cũng có hai loại: có người thiên nói về con người trong đời thường (bản thân, người thân, bạn bè, hàng xóm, các đồng nghiệp cùng làm việc hằng ngày hoặc một sự gặp gỡ,...), có người thiên về mặt chính trị – xã hội (các sự kiện chính trị – xã hội, các chính khách, các nhân vật của công chúng,...), khi đó những sự kiện và con người không nhất thiết phải sống hoặc gặp trực tiếp mà có thể chỉ nghe trên báo chí, trên dư luận xã hội.

3. Văn phong nhật kí

Trong nhật kí, các mạch, thậm chí các câu kể, miêu tả và bộc lộ tâm trạng thường đan xen vào nhau. Tuy vậy, tỉ lệ cũng rất khác nhau. Người viết nhật kí quan tâm đến ngoại cảnh thì mạch kể và tả là chủ đạo, còn người sống nhiều về nội tâm thì mạch bộc lộ tâm trạng là chủ đạo. Đọc nhật kí *Mãi mãi tuổi hai mươi* của Nguyễn Văn Thạc, ta thấy tác giả kể việc, tả cảnh rất ít, còn hầu hết là giãi bày tâm trạng. Có những lúc tác giả độc thoại triền miên, ví dụ, nhật kí các ngày 20/11/1971, 4/12/1971, 18/4/1972,... (nhật kí ngày 18/4/1972 nay in ra hết gần 12 trang giấy, khổ 13 x 19),... Cũng trong nhật kí này, có khi tả ngoại cảnh và bộc lộ tâm trạng hoà vào nhau (nhật kí ngày 3/10/1971, 4/10/1971, 29/11/1971,...). Đó là những trang nhật kí đặc sắc, ta tưởng như đang đọc những trang tuỳ bút hay một bài thơ trữ tình.

Vì viết cho mình cho nên giọng văn chủ đạo trong nhật kí là giọng độc thoại. Tác giả đồng thời là nhân vật "tôi" (xưng là "tôi", "mình", "ta" hoặc vô nhân xưng). Cũng có khi người viết hình dung như mình đang nói chuyện, đang tranh luận với ai đó, do đó tạo ra những "đối thoại ngầm". Nhưng do mình viết cho mình, đối thoại và tranh luận ở đây đa số không cần cứ liệu, không cần dẫn giải như trong văn nghị luận. Ví dụ: *"Đã có ai trên đời này lấy Dyuishen thay cho Coocsaghin? Cuộc sống này thì vị biết bao và cần nghị lực biết bao [...] Nếu như Altynai và Dyuishen lại ở bên nhau như hai cây phong tuyệt diệu như vậy thì ông già Dyuishen cũng là một cái "tôi" to tướng"* (Nguyễn Văn Thạc). Đọc đoạn trên chỉ ai đã đọc tiểu thuyết *Thép đã tôi thế đấy* (Ostrovsky) và truyện ngắn *Người thầy đầu tiên* (Aitmatov) mới hiểu.

Cũng bởi nhật kí cần ghi nhanh và ghi chỉ để cho mình, câu văn trong nhật kí có thể rất ngắn gọn và nhiều khi không có chủ ngữ (vì chủ

thể thường là bản thân mình), nhiều chữ viết tắt (để nhanh hoặc để giữ bí mật). Trang nhật kí thường có nhiều xuống dòng (để chuyển ý mà không cần từ ngữ nối). Ví dụ:

Nghĩ ngợi về tác phẩm. Viết kịch, tiểu thuyết hay cái gì? Chương trình, kế hoạch? Rồi cái gánh nặng gia đình.

Tiểu thuyết: dự định viết về 1956 hay kháng chiến? Hay về cải cách ruộng đất? Vẩn vơ. Chợt nghĩ lại đề tài Trung đoàn Thủ đô: sống ở ngay Hà Nội. Nhân vật ở đây. Khung cảnh ở đây. Còn đi đâu nữa? Tài liệu có ít nhiều rồi.

Mừng và thấy có hướng đi. Rồi cứ theo đấy mà tiếp tục cái xê-ri truyện kháng chiến. Rồi Việt Bắc. Rồi Cao Lạng.

Ông TC nói chuyện. Cũng khá. Nhưng quan niệm văn nghệ của ông này vẫn giản đơn.

(Nguyễn Huy Tưởng, 24/2/1957)

4. Phân biệt nhật kí với các thể loại văn học khác

a. Phân biệt nhật kí với hồi kí

Hồi kí là thể kí viết sau khi các sự kiện đã xảy ra một khoảng thời gian nhất định, tương ứng với một hay nhiều giai đoạn đã qua của cuộc đời tác giả. Thường là về già người ta mới viết hồi kí. Cũng có người còn trẻ đã viết hồi kí, như Nguyên Hồng (*Những ngày thơ ấu*), Tô Hoài (*Cỏ dại*), Mạnh Phú Tư (*Sống nhờ*)[3], những nhà văn này viết các hồi kí trên từ lúc mới trên dưới hai mươi tuổi. Tuy rằng thời gian được trần thuật (thời gian xảy ra sự kiện) và thời gian trần thuật (lúc viết tác phẩm) cách xa nhau không nhiều nhưng vẫn là hai đoạn đời khác biệt, ở đây là giữa tuổi ấu thơ và tuổi vừa mới trưởng thành. Vì vậy, khác biệt cơ bản giữa nhật kí với hồi kí là điểm nhìn trần thuật: nhật kí là cái nhìn của người đương thời (tại thời điểm ghi nhật kí), trong khi ở hồi kí là cái nhìn về sau, dù nhiều khi tác giả trần thuật như người đương thời. Con người về sau là con người đã qua nhiều sự trải nghiệm, có khi cách nhìn ngược lại. Cho nên trong hồi kí, nhiều khi tác giả dừng lại để "ghi chú" cách hiểu về sau.

b. Phân biệt nhật kí với du kí

Nhật kí khi ghi lại những chuyến đi cũng phần nào giống du kí. Tuy nhiên, nếu du kí "hướng ra" – muốn giới thiệu cho độc giả càng nhiều càng tốt, luôn ham mê cung cấp thông tin, phân tích, giải thích, bình luận, dẫn tài liệu,... còn nhật kí thì "hướng vào" – mình nói với mình, đa số không cần giải thích, chứng minh.

Một số tác phẩm du kí viết dưới hình thức nhật kí như *Tây hành nhật kí* (hay *Giá Viên biệt lục*) của Phạm Phú Thứ, *Pháp du hành*

trình nhật kí của Phạm Quỳnh,... Ở đây, không những tên tác phẩm có chữ "nhật kí" mà hình thức cũng hoàn toàn viết theo thể nhật kí. Xét về nội dung, các du kí này pha trộn với nhật kí sự vụ (chủ yếu là công vụ). Đây là đặc trưng của du kí Việt Nam cận đại (nửa sau thế kỉ XIX cho đến những năm hai mươi của thế kỉ XX).

c. Phân biệt nhật kí với một số tác phẩm mang tên "nhật kí" hoặc viết theo hình thức nhật kí nhưng không phải nhật kí

Có một số tác phẩm văn học hư cấu có khi mang tên "nhật kí" nhưng không phải thể nhật kí, ví dụ, *Nhật kí trong tù* của Hồ Chí Minh là một tập thơ trữ tình, *Nhật kí người điên* (*Cuồng nhân nhật kí*) của Lỗ Tấn là một truyện ngắn.

Lại có những tác phẩm hư cấu viết theo hình thức nhật kí nhưng cũng không phải nhật kí, ví dụ, *Nhân vật của thời đại chúng ta* của Lermontov, *Chàng ngốc* của Dostoyevsky là những tiểu thuyết.

Ngày nay, hình như người ta ít viết nhật kí, kể cả nhà văn. Phải chăng cuộc sống hối hả cùng với Internet và các phương tiện nghe nhìn xâm nhập ngày càng nhiều khiến cho con người ít có thời gian để "độc thoại"? Như thế là một thiệt thòi không nhỏ cho kho kinh nghiệm sống và nhất là cho sự phong phú của tâm hồn và đối với nhà văn thì thiếu đi hẳn một nguồn tài liệu sống động. Có người coi viết Facebook hằng ngày cũng là viết nhật kí. Nhưng trên Facebook không phải cái gì cũng có thể đưa lên, trong khi nhật kí lúc nào cũng có thể gửi vào đó tất cả riêng tư.



Ghi chú:

1. *Nhật kí Anne Frank* (tác giả Anne Frank). Cô bé Anne (người Đức gốc Do Thái), phải sang Hà Lan lánh nạn phát xít Đức. Ban đầu, cô viết nhật kí không hề có ý định xuất bản, nhưng sau khi nghe bài phát biểu của ông Gerrit Bolkestein, rằng sau chiến tranh ông sẽ thu thập tư liệu của các nhân chứng là nạn nhân của phát xít Đức, đặc biệt là tư liệu qua các nhật kí và thư từ thì từ đấy Anne vừa viết tiếp nhật kí, vừa chỉnh sửa phần đã viết, chú ý trau chuốt lời văn và viết thêm một số đoạn theo trí nhớ. Do đó, *Nhật kí Anne Frank* có bản viết lần đầu và bản sửa chữa, bổ sung. Về sau, khi Anne đã qua đời, ông Otto Frank, cha của Anne, theo di nguyện của con gái muốn công bố nhật kí này, ông đã kết hợp hai bản để biên tập lại, do đó, bản công bố là bản thứ ba.

2. *Hồi kí Nguyễn Huy Tưởng*, NXB Kim Đồng, 2016.

3. Gần đây các tác phẩm này có khi được xếp vào thể loại tự truyện.



ĐỒNG HÀNH CÙNG CT&SGK

Hình tượng chàng rắn trong một số truyện kể dân gian về rắn ở miền Trung và Tây Nguyên

ThS. Phạm Huyền Trâm
GV. Trường Đại học Nguyễn Huệ, Đồng Nai

Loài người từ thuở ban sơ luôn cho rằng trong mọi vật đều tồn tại thần thánh. Theo họ, thần thánh không chỉ hiện hữu trong động vật và thực vật mà còn tồn tại trong cả thời gian và không gian nhất định. Đó là những thời gian và không gian "mở ra" về phía trên hoặc phía dưới, khi con người có thể giao lưu với thế giới thần thánh. Những dân tộc ít người, những cư dân sinh sống trong rừng sâu, nơi chan hoà giữa cây cối và muông thú, thường có quan niệm này càng mạnh mẽ. Cuộc sống gần gũi với tự nhiên đã khơi gợi trong họ những ý tưởng và cảm xúc về mối quan hệ mật thiết giữa con người và tự nhiên. Trong số đó, truyện kể về những cuộc hôn nhân giữa người và rắn chính là biểu tượng đẹp đẽ của ước mơ hoà hợp giữa con người và thần linh.

Trong nhóm truyện kể dân gian về rắn ở miền Trung và Tây Nguyên, chúng tôi thường bắt gặp sự xuất hiện của motif "người mang lốt rắn". Chính từ motif này, ta có thể nhận thấy rằng hầu hết các truyện thuộc nhóm này đều mang tên gọi như *Chàng rắn*, *Chàng tiên rắn*, hoặc *Chàng rể rắn*. Hầu hết những con rắn trong kiểu truyện này đều có đặc điểm chung là biết nghe và nói tiếng người, và khi cởi bỏ lốt rắn, chúng đều hoá thành người.

Những nhân vật mang lốt rắn thường xuất hiện khi một người nào đó gặp khó khăn mà không ai giúp đỡ. Rắn đề nghị giúp đỡ với điều kiện được lấy con gái của họ làm vợ. Trong truyện *Chàng rể rắn*, có một người đàn bà goá chồng, một lần vào rừng chặt song để bán, bà buột miệng kêu: *"Ai kéo cây song này ra khỏi bụi thì ta sẽ gả con gái cho"* [1, 360]. Cuối cùng, bà buộc phải gả người con gái duy nhất của mình cho rắn. Còn trong *Chàng rắn* (người Gia Rai), lão Pơtao trong một lần

đi chặt luồng gặp trời mưa lớn, không có cầu để qua sông về làng. Lão lẩm bẩm 3 – 4 lần: *"Bây giờ ai bắc cầu cho tôi sang sông thì tôi sẽ gả con gái cho"* [6, 106]. Ngay lập tức, rắn xuất hiện, giúp lão qua sông với điều kiện được gả con gái theo lời hứa. Trong truyện *Người con gái Mnông thứ bảy*, vào một lần lên nương làm cỏ lúa, cha của bảy cô con gái do quá bất lực vì cỏ nhổ đến đâu lại mọc lên đến đó, đã mệt mỏi kêu lên: *"Trời ơi! Đói khổ mất thôi! Ai thương tôi làm cỏ giúp tôi, tôi sẽ gả con gái cho, muốn chọn con nào cũng được"* [4, 198]. Vừa dứt lời, ông nghe thấy tiếng đáp lại, nhưng không biết từ đâu. Ba ngày sau, khi lên thăm, đồi lúa đã sạch bóng cỏ, ông mới biết người làm giúp mình là một con rắn lớn.

Những câu nói lẩm bẩm vô tình, tưởng như vô hại, không ngờ đều lọt vào "tai rắn", đặt cha hoặc mẹ của các cô gái vào tình thế không thể chối từ. Tuy nhiên, đôi khi, chẳng cần đến những câu nói "lẩm bẩm", rắn cũng xuất hiện, khiến mọi người vừa ghét vừa sợ hãi. Trong truyện *Nàng Piarơchôn* (dân tộc Tà Ôi), mẹ của Piarơchôn lên rẫy chặt chuối, vô tình làm rơi mũi rựa trúng rắn. Rắn ngóc đầu, lè lưỡi và nói: *"Bà già muốn lấy rựa thì đem tôi về bỏ lên giàn, không thì tôi cuốn chân bà, tôi mổ mắt bà!"* [2, 425]. Sau khi được mang về nhà, rắn lại yêu cầu: *"Tôi ưng Piarơchôn làm vợ cả, bà già kêu nó về đây ăn chuối"* [2, 425]. Đôi khi, việc các cô gái lấy rắn lại được xem như "ý trời đã định". Trong truyện *Chàng Rắn* của dân tộc Chăm, nàng công chúa út cùng hai chị gái khấn nguyện với thánh thần rằng: *"Trên đường đi, hễ ai bị vấp mà gọi tên người nào thì sẽ lấy người đó làm chồng."*. Người mà nàng út vô tình gọi tên là Chay-ma-ki-rum, trong tiếng Chăm có nghĩa là "chàng rắn khổng lồ". Mặc dù xấu hổ với việc nàng út nguyện lấy rắn, hoàng hậu và đức vua chỉ im lặng, cho rằng đây có lẽ là ý trời sắp đặt cho số phận của nàng. Có lúc, con người dường như đã chấp nhận sự việc một cách bình thản, xem sự xuất hiện của một con rắn biết nói là điều bình thường. Trong truyện *Người lấy rắn* của dân tộc Mạ, ông K'Đoi, khi đi săn bắn, thấy một con rắn lớn cuốn mình dưới gốc cây đa. Ông liền hỏi thẳng rắn: *"Nếu là thần rắn, hãy theo tôi về nhà, tôi gả con gái cho"* [5, 17]. Cũng có trường hợp, người rắn xuất hiện nguyên hình như trong *Bô-lô Đu-lơ* (truyện *Trầu cau*) của dân tộc Cơ Tu. Rắn nói với bà mẹ của mười cô gái xinh đẹp: *"Bà gả con gái cho tôi, tôi trả lại rìu cho bà ngay bây giờ"* [3, 42].

Tuy với những cách xuất hiện khác nhau, tất cả các truyện kể trên đều nhằm thể hiện một motif quen thuộc: hôn nhân do thực hiện lời hứa. Vấn đề đặt ra ở đây chính là mối quan hệ hôn nhân giữa rắn và

cô gái đẹp. Chính vì thế, các chàng rắn không cần dò hỏi xa xôi mà đi thẳng vào vấn đề: *"Gả con gái cho tôi..."*. Câu hỏi đặt ra là: Tại sao các cô gái lại lấy chàng rắn? Như đã đề cập, trong cuộc sống nơi núi rừng và muông thú, người dân tộc thiểu số luôn nảy sinh những ý tưởng và cảm xúc gần gũi với tự nhiên. Với niềm tin thần thánh hoá tự nhiên và quan niệm về sự sống, họ tin rằng sự tác hợp giữa con người và tự nhiên có thể mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn. Vì vậy, "người lấy rắn" chỉ là một trong những kiểu truyện phổ biến trong nhóm truyện người lấy vật trong kho tàng truyện kể dân gian của các dân tộc thiểu số. Chúng ta có thể tìm thấy nhiều câu chuyện tương tự với các motif khác như: *Người lấy vượn* (Mạ), *Chàng tôm* (K'ho), *Chàng cóc* (Kadong, Xê Đăng, Mạ, Ê Đê), *Chàng khỉ* (Mạ), *Chàng rể cóc* (Vân Kiều), *Chàng lợn* (Gia Rai),...

Trở lại với motif người mang lốt rắn, có thể thấy rằng những nhân vật này thường được lí tưởng hoá về ngoại hình sau khi cởi bỏ lớp vỏ rắn. Vẻ đẹp đó chỉ được hé lộ khi họ gặp được những cô gái tốt bụng, hiếu thảo, và thông minh. Trong truyện *Bô lô Đu lơ* của dân tộc Cơ Tu, cô gái út Bum Viêm đã chứng minh điều này. Sau khi nghe mẹ nói sẽ gả cả mười cô con gái cho chàng rắn đẹp trai, tất cả các chị đều háo hức đồng ý. Tuy nhiên, khi lần lượt các cô chị đến chỗ rắn, họ chỉ gặp một con rắn hổ mang to lớn và đáng sợ. Chỉ có cô út Bum Viêm, với lòng dũng cảm và sự chân thành, cô đã được gặp một chàng trai trẻ trung, khôi ngô. Trong *Chàng rắn* của dân tộc Chăm, nàng út chỉ được thấy người chồng khôi ngô, tuấn tú của mình khi anh bước ra từ lớp vỏ rắn vào đêm tân hôn. Tương tự, trong *Chàng rắn* của dân tộc Gia Rai, nàng Lúi phải sống cùng chồng một thời gian trước khi thấy được vẻ ngoài đẹp trai của anh.

Đáng chú ý, trong một số trường hợp, các cô gái đã quen sống với hình hài rắn của chồng đến mức, khi chồng họ xuất hiện dưới dạng con người, họ không tin đó là sự thật. Nàng Min-dích trong truyện của người Ê Đê đã quen sống nghèo khổ cùng một con trăn trong ngôi nhà dột nát. Khi chàng trai đẹp đẽ tự xưng là Kơlăn – người chồng của nàng – xuất hiện, nàng nhất quyết không tin. Chỉ đến khi Kơlăn trở lại hình dáng trăn quen thuộc, nàng mới vui mừng và chấp nhận sự thật.

Tại sao các chàng trai mang lốt rắn? Đa số các truyện không giải thích nguyên nhân tại sao những chàng trai lại mang lốt rắn, ngoại trừ hai truyện: *Chàng rể rắn – con Long Vương* và *Chàng rắn – chàng trai chưa tới hạn trở lại kiếp người*.

Ngoài hai nguyên nhân trên, người đội lốt rắn được xem là thử thách đối với cuộc hôn nhân. Các chàng rắn thường bí mật biến thành

những chàng trai khôi ngô, tuấn tú để dụ dỗ vợ mình, nhưng đều thất bại vì những người con gái mà họ chọn đều là những người thuỷ chung. Lốt rắn chính là thử thách để đánh giá vẻ đẹp tâm hồn của người con gái. Nàng AĐưn, sau khi bị chàng trai khôi ngô tuấn tú dụ dỗ, đã kiên quyết nói: *"Dù chồng tôi có là một con rắn độc, tôi vẫn chung thuỷ với anh ấy trọn đời"* [1, 54].

Bên cạnh đó, lốt rắn còn chính là ranh giới giữa con người và thần linh. Khi cởi lốt, con người và thần linh trở nên gần gũi, thân thiện hơn. Cuộc sống hiện thực giữa tự nhiên hoang dã vô cùng khó khăn, vất vả đã khiến người nghèo khổ luôn mơ ước về cuộc sống tốt đẹp hơn. Hôn nhân với thần linh là một ước mơ đẹp, và nếu nó trở thành hiện thực, họ sẽ nhanh chóng thoát khỏi cuộc sống khó khăn hiện tại. Trừ truyện *Bô lô Đu lơ*, những cô gái xinh đẹp, tốt bụng và hiếu thảo sau khi lấy rắn đều trở nên giàu có, sung túc hơn, gia đình được no đủ.

Trong kiểu truyện này, chúng ta còn thấy mơ ước về sự công bằng trong xã hội, khi những kẻ xấu bị trừng phạt. Đây là nét đặc trưng mang màu sắc triết lí của truyện cổ tích, phản ánh những mâu thuẫn trong mối quan hệ gia đình và xã hội. Trong *Chàng rể rắn*, khi thấy mẹ con người đàn bà goá nghèo khổ trở nên giàu có, hạnh phúc, mụ vợ goá đạo mường giàu có sinh lòng ghen tị. Mụ bắt cô con gái phải vào rừng tìm một con rắn để làm chồng, với hi vọng sẽ được giàu có hơn nữa. Nhưng kết quả là con gái mụ bị trăn nuốt. Trong lúc cô gặp hoạn nạn, người yêu cô đã ra tay cứu cô thoát chết. Trong *Chàng rắn* của dân tộc Gia Rai khi thấy em gái Lúi lấy được chàng rắn đẹp trai, Hơ-bia – người chị cũng sinh lòng ghen tị, muốn cướp chồng của Lúi và hãm hại cô. Nhưng cuối cùng, người chị cũng bị chàng rắn dạy cho một bài học đích đáng.

Dựa trên những nội dung đã phân tích, chúng ta có thể đưa ra sơ đồ kết cấu chung cho kiểu truyện này (chúng tôi tạm gọi là kiểu truyện chàng rắn):

Cha mẹ các cô gái tình cờ gặp rắn và được rắn giúp đỡ.



Rắn đề nghị được lấy con gái của họ.



Người con gái tốt bụng, thương cha mẹ nên chịu lấy rắn.



Rắn cởi lốt trở thành chàng trai khôi ngô tuấn tú, sống hạnh phúc bên người vợ của mình.

Bên cạnh đó, một số truyện còn có thêm nội dung sau:

Cô chị (hoặc những người con gái khác) thấy cô gái tốt bụng lấy được chồng rắn đẹp trai, giàu có nên đem lòng ghen ghét

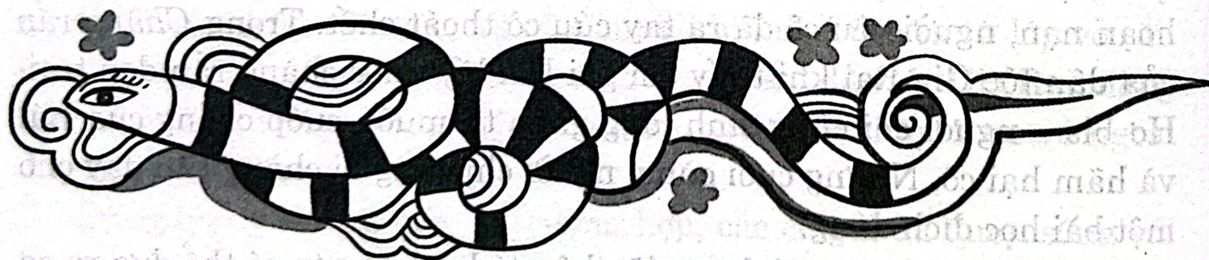
▼

Cô chị (hoặc những người con gái khác) nổi lòng tham hoặc hãm hại người con gái tốt bụng

▼

Cô chị (hoặc những người con gái khác) bị trừng phạt

Trong một số truyện kể khác, motif người mang lốt rắn còn gắn liền với motif hôn nhân đã định. Người dân tộc miền núi đã thầm gửi vào đó những ước mong về cuộc sống hạnh phúc cho những con người tốt bụng. Những người con gái xinh đẹp, tốt bụng sẽ luôn tìm được hạnh phúc trong hôn nhân như họ mong muốn. Con rắn – một con vật gần gũi, linh thiêng với đồng bào dân tộc ít người – đã được nhân cách hoá thành những chàng trai khôi ngô, tuấn tú mang sứ mệnh là người chồng lí tưởng của thế giới thần thánh (cả về nhân cách và hình thức), đem hạnh phúc đến với những người con gái lí tưởng của cộng đồng. Cuộc hôn nhân giữa rắn và người còn là ước mơ hoà nhập giữa tự nhiên với con người. Chàng trai rắn là hình tượng đẹp đẽ về một tự nhiên bình yên, hiền hoà.



Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hữu Chúc, Ninh Viết Giao, Trần Hoàng, Phùng Sĩ Hoà, Trần Trọng Tân, Mai Văn Tấn (2001), *Truyện cổ các dân tộc miền núi Bắc miền Trung*, NXB Thuận Hoá.

2. Hà Liên, Anh Thư (2002), *Truyện cổ chọn lọc các dân tộc thiểu số Việt Nam*, NXB Văn hoá dân tộc, Trung tâm Văn hoá ngôn ngữ Đông Tây.

3. Bùi Văn Nguyên, Đỗ Bình Trị, Nguyễn Ngọc Côn, Nguyễn Nghĩa Dân (1968), *Truyện cổ Ca Tu*, NXB Văn học.

4. Hà Văn Thư, Võ Quang Nhơn (1975), *Truyện cổ các dân tộc thiểu số miền Nam* tập 2, NXB Văn hoá.

5. Lâm Tuyền Tĩnh (1987), *Sự tích Langbiang: Truyện cổ các dân tộc thiểu số Lâm Đồng*, Sở VHTT Lâm Đồng.

6. Tổ Văn học dân gian các dân tộc – Viện Văn học (1986), *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt Nam*, tập 3, NXB Văn học.



Các bạn thân mến! Chuyên mục "HỎI VẮN - ĐÁP...VĂN" do PGS.TS. Ngô Văn Giá phụ trách giúp các bạn giải mã những vẻ đẹp tiềm ẩn, thú vị của văn chương. Với tiêu chí là những câu hỏi "VẮN" (ngắn), các bạn hãy cứ yên tâm sẽ nhận được câu trả lời rất rất "VĂN" mà vẫn giải đáp mọi thắc mắc... Vậy còn đợi gì nữa mà không soạn thật nhiều câu hỏi hay gửi về VH&TT theo địa chỉ: Văn học và Tuổi trẻ, 187B Giảng Võ, P. Cát Linh, Q. Đống Đa, Hà Nội (trong thư ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại để Toà soạn tiện liên hệ).

Các bạn có câu hỏi hay, thú vị được chọn đăng trên VH&TT sẽ được nhận tạp chí và nhuận bút. Ngoài các câu hỏi được đăng hàng tháng, VH&TT cũng sẽ dành tặng một phần thưởng đặc biệt cho các bạn có câu hỏi xuất sắc nhất trong quý.

Nhà văn Nam Cao đến với văn chương bằng thơ?

Thưa thầy, em được biết rằng ban đầu nhà văn Nam Cao đến với văn chương bằng thơ, có đúng không ạ? Thầy có thể giới thiệu cho em một bài thơ của ông được không?



Có một thực tế khá phổ biến, hầu hết các nhà văn bước đầu đến với văn chương thường là làm thơ. Rồi sau một số năm, có người ở lại với thơ, và có người chuyển sang theo đuổi các thể loại khác; hoặc cũng có khi vừa viết thơ vừa viết một số thể loại nào đó mà họ yêu thích.

Tại sao có hiện tượng các tác giả bắt đầu văn nghiệp phần lớn bằng thơ nhỉ? Có thể tạm giải thích thế này: Thơ là kết quả của của cảm xúc trữ tình mãnh liệt. Ở thể loại nào đó có thể khác chút, nhưng với thơ, nếu không có cảm xúc và bắt đầu bằng cảm xúc thì sẽ không có gì hết. Mỗi bài thơ là sản phẩm của những rung động tức thì, đột khởi, thăng hoa trực tiếp. Mà phàm là con người, ở trong tuổi hoa niên, mới lớn, cái tuổi đang ngập tràn cảm xúc tươi non, trẻ trung, lãng mạn, nên thật tự nhiên, họ tìm đến thơ, yêu thơ, tập làm thơ, mượn thơ để bày tỏ cảm xúc đang đầy ắp của mình... Nói như thế không có nghĩa bảo rằng các thể loại khác (thí dụ như truyện ngắn, tiểu thuyết,...) không cần cảm xúc. Chúng vẫn cần nhiều cảm xúc, nhưng không theo cách

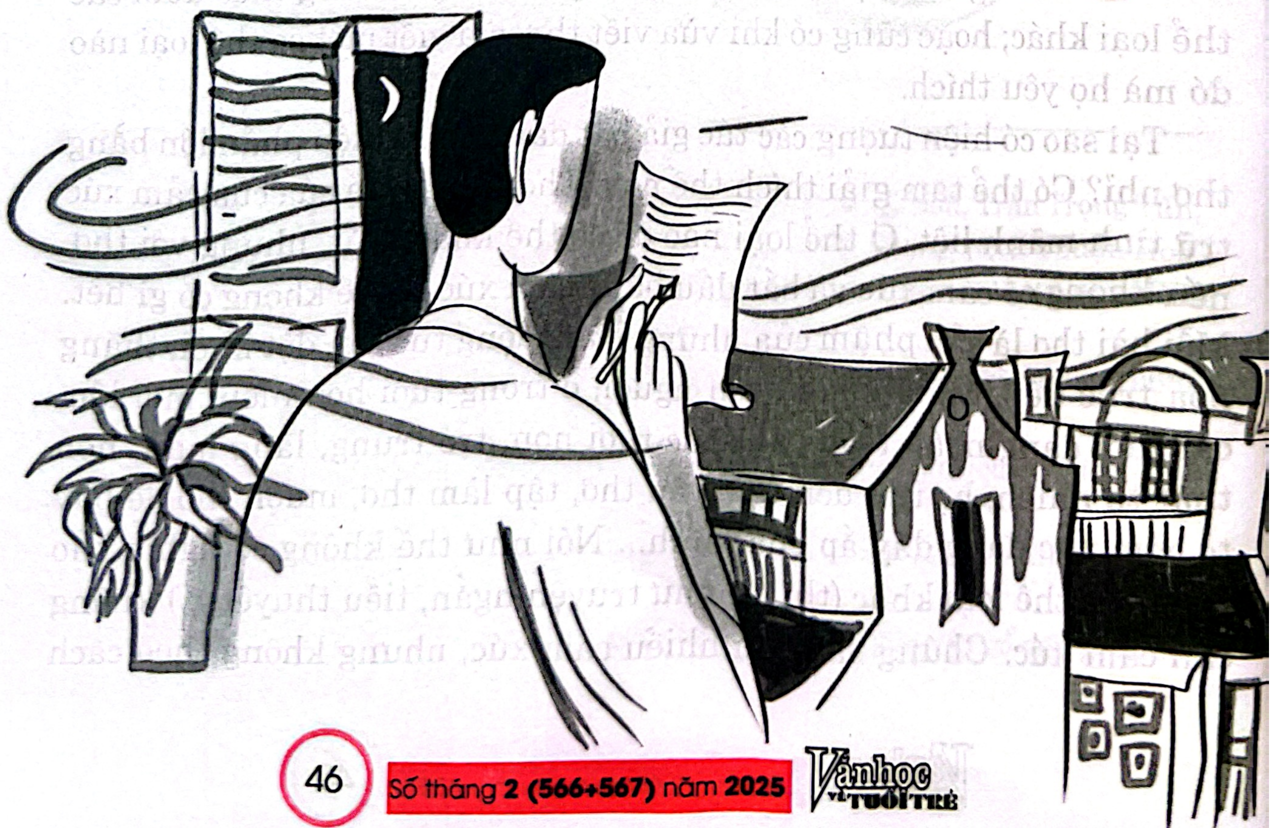
lập tức xâm chiếm tâm hồn làm nên cơn hưng phấn sáng tạo kì diệu như thơ mà được chủ thể sáng tạo kiểm soát, điều hành, phối hợp với lí tính.

Cũng như những gã trai tuổi mười chín đôi mươi khác, Nam Cao mang trái tim yêu đương nồng nàn và lắm khi bất kham như con ngựa chứng vậy. Và thế là Nam Cao tìm đến thơ để tỏ bày. Ban đầu còn rất rụt rè, chắc có phần ngại ngần, chưa dám chọn một bút danh xác định ngay từ đầu. Những bài thơ đầu tiên của Nam Cao kí bút danh Thuý Rư, một cái tên không được thuận âm cho lắm, cố ý tạo khác biệt. Dưới đây là trích đoạn bài thơ *Nếu ta bảo...* được Thuý Rư (Nam Cao) in trên tờ *Tiểu thuyết thứ bảy*, số 228, ra ngày 8 tháng 10 năm 1938:

Nếu ta bảo những khi ta lặng ngắm
Ngón tay em thoăn thoắt chiếc kim thêu
Là những lúc lòng ta đang say đắm
Thì biết đâu em đã chẳng tin yêu

Nếu ta bảo bao đêm ta ngớ ngẩn
Bên đèn mờ nhớ lại dáng hình em
Thì biết đâu em đã không thờ thẫn
Vén rèm trông trăng lạnh rụng bên thềm

Khốn nỗi không bao giờ ta nói cả
Chỉ bằng lòng yên lặng ngắm em thôi
Mới có thế đã sợ là suồng sã
Đã sợ em phật ý tránh ta rồi...



Tôi, người viết bài này cũng sưu tầm được thêm vài bài thơ nữa của Nam Cao đã in trên báo ở Hà Nội trong những năm 1939 – 1940. Toàn là thơ tình. Toàn những yêu đương, buồn, nhớ, thất tình và đau khổ... Chúng ta còn nhớ, vào những năm này, phong trào Thơ mới đang vào giai đoạn thứ hai, giai đoạn đỉnh cao với những tên tuổi rực rỡ như Nguyễn Bính, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử,... thì việc Nam Cao lúc này mới đi vào thơ, và viết những vần thơ như thế thì đã bị lạc hậu và quá muộn.

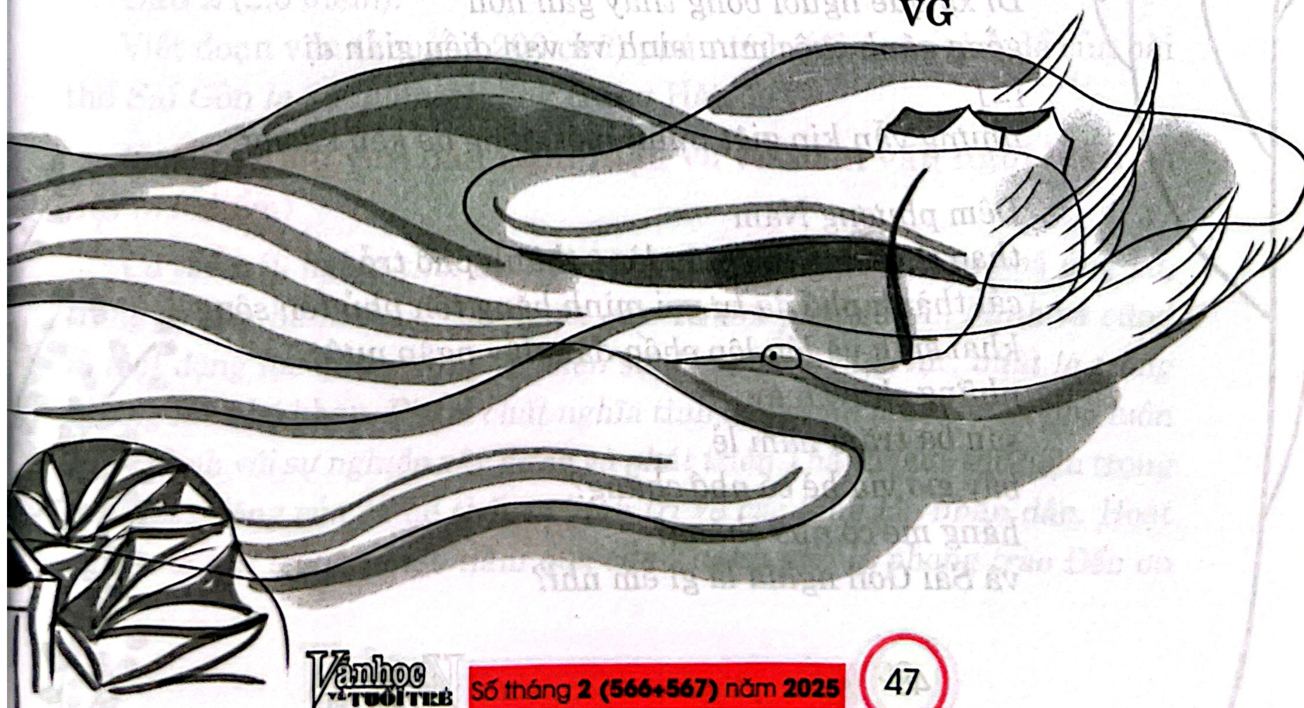
Cũng những năm này, cùng với thơ, Nam Cao bắt đầu viết một số truyện đăng rải rác như *Hai cái xác* (1936), *Những cánh hoa tàn* (1937), *Một bà hào hiệp* (1937),... Các truyện cũng đều đi vào đề tài tình ái với những cảm xúc thơ mộng đầu đời hoặc những khổ đau lâm li thống thiết. Nếu lại ngó sang bên Tự lực văn đoàn tại thời điểm này thì cũng thấy văn của Nam Cao chưa thể vượt được họ.

Chắc trải qua nhiều nghĩ ngợi, dằn vặt, đau khổ, phải chờ đến những năm 1941 – 1942 trở đi, Nam Cao mới tự vượt thoát, dứt khoát lựa chọn con đường của một cây bút hiện thực chân chính. Nam Cao cay đắng nhận ra rằng: *"Trước khi nghĩ đến việc đặt cái hôn lên miệng hoa của người yêu cũng nên nghĩ đến việc đổ cơm vào đấy đã"; "Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối; nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than";...* (*Giăng sáng*).

Nhờ có một lựa chọn quyết liệt hướng về chủ nghĩa hiện thực như vậy, cộng thêm một trái tim nhân đạo và một tài năng xuất sắc, Nam Cao đã mau chóng có những tác phẩm thuộc hàng kiệt tác, đưa ông lên vị trí bậc thầy của nền văn xuôi Việt Nam hiện đại.

Tháng 01/2025

VG





Thử sức trước kì thi vào lớp 10

môn Ngữ văn, năm 2025

(Thời gian làm bài: 120 phút)

ThS. Nguyễn Phước Bảo Khôi
GV. Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh

I. Đọc hiểu văn bản văn học và viết đoạn văn nghị luận văn học (5,0 điểm)



Tôi từ phương Bắc đến
nên gọi là khách lạ phải không em?
đêm,
đi giữa phồn hoa loang loáng ánh đèn
sao bàn chân không biết ngại
gió triền sông vọng về thổi mãi
mát rượi nỗi hoài mong

Thành phố buổi sớm mai
dịu sàng thức dậy một nụ cười thật êm
hình như là em gái
nồng nã bụi xe và giọng người tứ xứ
trò chuyện quê hương giữa Sài thành ồn ã
ngỡ thân nhau như tự bao giờ...



Đi xa quê người bỗng thấy gần hơn
gồng gánh cuộc mưu sinh và vạn điều giản dị
[...]
nhưng vẫn kịp giật mình một tiếng dế kêu sương

Đêm phương Nam
thao thiết cơn mơ giữa lòng thành phố trẻ
cái thành phố đã tự gọi mình bằng tên phủ tên sông
khai sinh và lớn lên chốn đầm lầy ngập nước
những chuyện ấy...
sau ba trăm năm lẻ
bây giờ vỉa hè có nhớ chăng?
hàng me có nhớ chăng?
và Sài Gòn nghĩa là gì em nhỉ?



cho tôi hay
để thân quen
nhung nhớ bữa mai về...

(*Sài Gòn lạ và quen*, Hoàng Hùng Hà, nguồn: *https://voh.com.vn*, ngày 28.10.2024)

Câu 1 (3,0 điểm)

a. Chỉ ra hai hình ảnh trong bài thơ thể hiện sự náo nhiệt và thịnh vượng của Sài Gòn. (0,5 điểm)

b. Xác định và nêu tác dụng của 01 biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau (0,75 điểm):

sau ba trăm năm lẻ
bây giờ vỉa hè có nhớ chăng?
hàng me có nhớ chăng?
và Sài Gòn nghĩa là gì em nhỉ?
cho tôi hay
để thân quen
nhung nhớ bữa mai về...

c. Nêu cách hiểu của em về đoạn thơ sau (0,75 điểm):

Tôi từ phương Bắc đến
nên gọi là khách lạ phải không em?
đêm,
đi giữa phồn hoa loang loáng ánh đèn
sao bàn chân không biết ngại
gió triền sông vọng về thổi mãi
mát rượi nỗi hoài mong

d. Theo em, học sinh của Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh cần làm những điều gì để thể hiện tình cảm đối với nơi đây? (1,0 điểm)

Câu 2 (2,0 điểm):

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích nội dung chủ đề của bài thơ *Sài Gòn lạ và quen* (Hoàng Hùng Hà).

II. Đọc hiểu văn bản nghị luận và viết bài văn nghị luận xã hội (5,0 điểm)

Có thể nói, nghĩa tình đã trở thành đặc trưng trong văn hoá ứng xử, trong tư duy hành động của người dân Thành phố Hồ Chí Minh và cũng là một động lực quan trọng tạo nên sự đồng lòng, hiệp lực, nhất là trong những lúc khó khăn. Phẩm chất nghĩa tình của nhân dân Thành phố luôn đồng hành với sự nghiệp xây dựng và phát triển Thành phố, thể hiện trong mọi hoạt động của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân. Hoạt động nổi bật trong nhiều năm qua của Thành phố là phong trào Đền ơn

đáp nghĩa. Thông qua hoạt động của các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội, người dân thành phố không chỉ đóng góp bằng vật chất để xây dựng hàng ngàn nhà tình nghĩa, tình thương; chăm lo vật chất cho các Mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình chính sách, có công, mà các đoàn thể như Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên còn phân công hội viên, đoàn viên thường xuyên chăm sóc các Mẹ Việt Nam anh hùng neo đơn, gia đình liệt sĩ, thương binh khó khăn. Nhiệm kì qua, công tác vận động đã mang về quỹ Đền ơn đáp nghĩa 52.318 tỉ đồng, xây mới 418 căn nhà tình nghĩa, 541 căn nhà tình thương cho diện chính sách, tặng 2.154 sổ vàng tiết kiệm,... Đó là những con số "biết nói" thể hiện một cách thuyết phục phẩm chất nghĩa tình của nhân dân Thành phố mang tên Bác kính yêu.

[...] Không chỉ các hoạt động của hệ thống chính trị mà phẩm chất nghĩa tình, nhân ái dường như thấm đẫm trong mỗi con người Thành phố. Có những hành động nhỏ nhưng ấm áp tình người, tạo nên sự lan toả lớn, giúp mọi người gắn kết, san sẻ tình thương để gánh nặng âu lo nhẹ bớt phần nào khi gặp khó khăn, như việc những thanh niên mang cơm cho các cụ già neo đơn; những người buôn bán nhỏ đặt tủ bánh mì miễn phí trên đường; những hộp cơm nhân đạo tại các bệnh viện cho người nghèo; những điểm sửa xe, quán ăn miễn phí cho người nghèo, người khuyết tật; những bình nước mát miễn phí cho người đi giữa trời trưa nắng gắt...

[...] Xây dựng "Thành phố Hồ Chí Minh – Thành phố nghĩa tình" cốt lõi chính là phát huy những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc và bồi đắp thêm những phẩm chất mang giá trị con người văn hoá, thích ứng phù hợp với yêu cầu phát triển Thành phố trong tương lai, làm dày thêm truyền thống năng động, sáng tạo, nghĩa tình và cũng rất anh hùng của Thành phố mang tên Bác Hồ kính yêu.

(Trích *Nghĩa tình – giá trị đặc trưng của Thành phố Hồ Chí Minh*, Thân Thị Thư, nguồn: *https://www.hcmcpv.org.vn*, ngày 21.10.2024)

Câu 1 (1,0 điểm): Hãy phân tích tác dụng của bằng chứng đối với luận điểm trong văn bản trên.

Câu 2 (4,0 điểm):

"Thành phố nghĩa tình" vốn là một danh xưng, một đặc điểm rất đáng tự hào của Thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, có người muốn bổ sung những đặc điểm khác cho nơi đây như *"Thành phố sáng tạo"*, *"Thành phố năng động"*, *"Thành phố xanh"*, ...

Từ văn bản trên và những suy nghĩ riêng, em hãy viết bài văn trình bày ý kiến về một đặc điểm quan trọng mà em mong muốn mọi người nhớ đến đầu tiên khi nói về Thành phố Hồ Chí Minh.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. Đọc hiểu văn bản văn học và viết đoạn văn nghị luận văn học

Câu 1. a. Hai hình ảnh trong bài thơ thể hiện sự náo nhiệt và thịnh vượng của Sài Gòn: *loang loáng ánh đèn, nồng nã bụi xe.*

b. Biện pháp tu từ: câu hỏi tu từ (*bây giờ vỉa hè có nhớ chăng?, hàng me có nhớ chăng?, và Sài Gòn nghĩa là gì em nhỉ?*). Tác dụng: Khiến đoạn thơ gây ấn tượng mạnh với người đọc, nhấn mạnh tình cảm gắn bó của tác giả cùng Sài Gòn.

c. Cách hiểu của bản thân về đoạn thơ:

– Tác giả đã tái hiện quá trình bản thân ở Sài Gòn, từ những ngày đầu còn nhiều xa lạ, bỡ ngỡ đến lúc dần thích nghi và gắn bó với nơi đây.

– Qua đó, tác giả đã ngợi ca sự thịnh vượng của Sài Gòn và thể hiện nỗi niềm thương nhớ về quê nhà.

d. Người viết tự do trình bày quan điểm cá nhân, miễn hợp lí và thuyết phục.

Có thể theo gợi ý sau:

– Tìm hiểu thêm về lịch sử, về truyền thống của Thành phố qua sách vở, internet hoặc trải nghiệm thực tế ở các bảo tàng.

– Tham gia phong trào "Ngày chủ nhật xanh" để làm đẹp phố phường ở nơi mình đang sống.

– Đóng góp phù hợp với lứa tuổi, khả năng cho những phong trào thiện nguyện được khu phố, nhà trường phát động nhằm hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn ở địa phương.

– Xây dựng những kênh truyền thông cá nhân, tập thể để giới thiệu về nét đẹp, về truyền thống và thành tựu của Thành phố.

Câu 2. Có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu của đề bài.

Sau đây là một số gợi ý:

– Chủ đề: Những cảm xúc của tác giả đối với Sài Gòn.

– Chủ đề này được thể hiện qua các nội dung sau:

+ Cảm xúc bỡ ngỡ (tự nhận mình là khách lạ từ phương Bắc đến) trước sự náo nhiệt và thịnh vượng của Sài Gòn (*loang loáng ánh đèn, nồng nã bụi xe*) trong những ngày đầu đến đây.

+ Giữa Sài Gòn ồn ã, điểm đến của bao người từ nhiều nơi khác đổ về (*người tứ xứ*), nghe giọng nhiều vùng miền để thấy thân thương, quen thuộc (*ngỡ thân nhau như tự bao giờ, đi xa quê người bỗng thấy gần hơn*), để có lúc khơi lên nỗi niềm thương nhớ về quê nhà (*mát rượi nỗi hoài mong, kịp giật mình một tiếng dế kêu sương*).

+ Dân hiểu hơn về lịch sử Sài Gòn sau ba trăm năm lẻ (*cái thành phố đã tự gọi mình bằng tên phủ tên sông, khai sinh và lớn lên chốn đầm lầy ngập nước*), gắn bó hơn cùng thành phố này với từng điều nhỏ bé thân thương (*vỉa hè, hàng me*), nuôi dưỡng bao khát khao tốt đẹp, bao ước mơ cháy bỏng từ nơi đây (*thao thiết cơn mơ giữa lòng thành phố trẻ*).

II. Đọc hiểu văn bản nghị luận và viết bài văn nghị luận xã hội

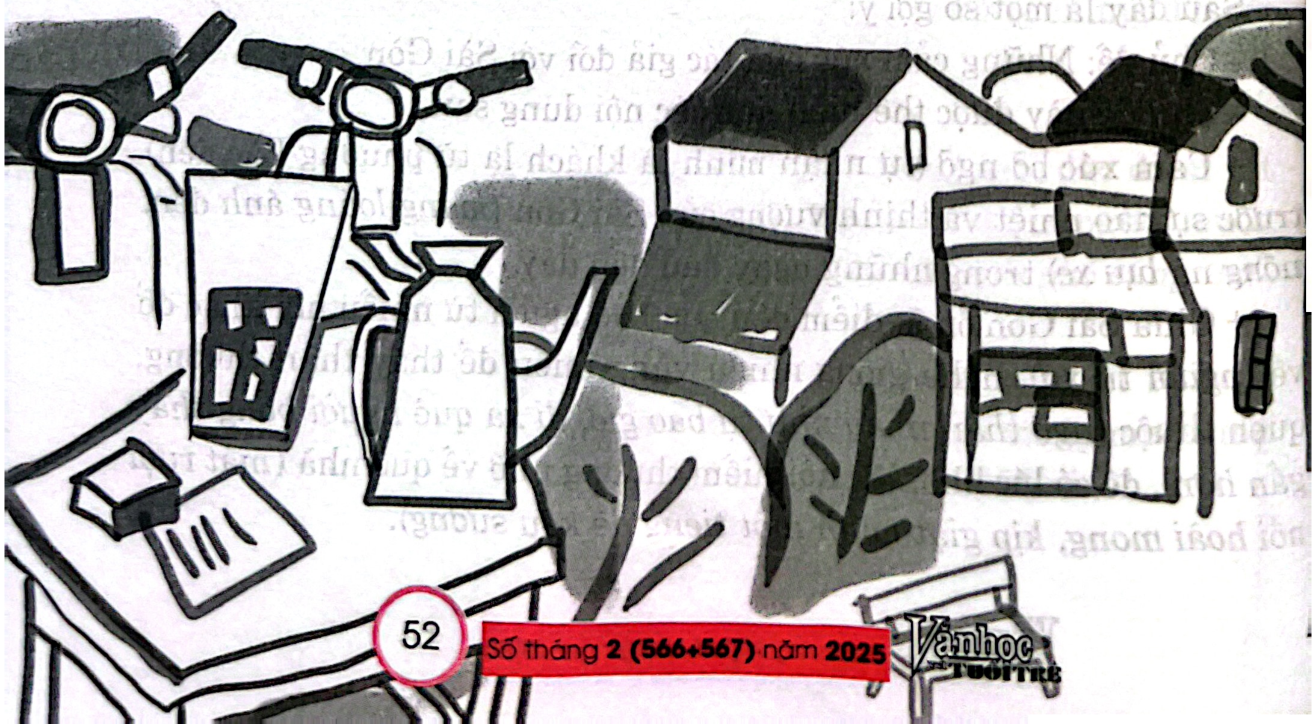
Câu 1.

– Luận điểm của văn bản: Phẩm chất nghĩa tình của nhân dân Thành phố [...] thể hiện trong mọi hoạt động của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân.

– Các bằng chứng phục vụ cho luận điểm: "Phẩm chất nghĩa tình của nhân dân Thành phố [...] thể hiện trong mọi hoạt động của cả hệ thống chính trị": *phong trào Đền ơn đáp nghĩa; xây dựng hàng ngàn nhà tình nghĩa, tình thương; chăm lo vật chất cho các Mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình chính sách, có công; quỹ Đền ơn đáp nghĩa 52.318 tỉ đồng, xây mới 418 căn nhà tình nghĩa, 541 căn nhà tình thương cho diện chính sách, tặng 2.154 sổ vàng tiết kiệm.*

– Các bằng chứng phục vụ cho luận điểm: "Phẩm chất nghĩa tình của nhân dân Thành phố [...] thể hiện trong các tầng lớp nhân dân": *những thanh niên mang cơm cho các cụ già neo đơn; những người buôn bán nhỏ đặt tủ bánh mì miễn phí trên đường; những hộp cơm nhân đạo tại các bệnh viện cho người nghèo; những điểm sửa xe, quán ăn miễn phí cho người nghèo, người khuyết tật; những bình nước mát miễn phí cho người đi giữa trời trưa nắng gắt...*

– Các bằng chứng này đã làm tăng sức thuyết phục, độ tin cậy cho luận điểm.



Câu 2. Có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu của đề bài.

Sau đây là một số gợi ý:

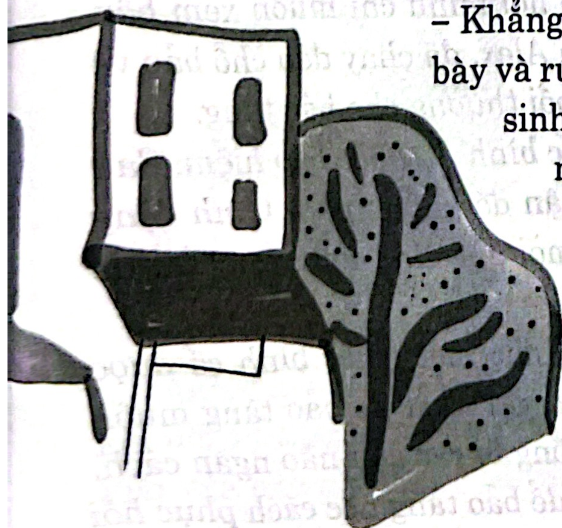
– Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề đã lựa chọn (Gợi ý: Thành phố nghĩa tình).

– Triển khai vấn đề nghị luận:

+ Giải thích vấn đề nghị luận (Khái niệm "nghĩa tình" không đơn giản theo cách hiểu là "sống có trước có sau, hợp với lẽ phải, với đạo lí làm người" mà cần được hiểu là nét đặc trưng văn hoá rõ nét ở Thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện lối sống coi trọng ân tình của nhân dân nơi đây).

+ Làm rõ ý nghĩa tốt đẹp của danh xưng "Thành phố nghĩa tình": danh xưng này nêu bật được nét tính cách, phẩm chất đặc trưng của người dân vùng đất Gia Định trong lịch sử hàng trăm năm qua, vốn được kế thừa từ tinh thần yêu nước, thương người truyền thống của dân tộc; danh xưng này biến Thành phố trở thành điểm đến lí tưởng thu hút người dân từ nhiều vùng miền khác nhau tụ họp về đây làm ăn sinh sống, đóng góp công sức vào việc xây dựng nơi này ngày càng phát triển mạnh mẽ; danh xưng này cũng dần trở thành một mạch ngầm trong lành của Thành phố mang tên Bác, nuôi dưỡng tâm hồn của những con người, đặc biệt là lớp thanh thiếu niên được sinh ra trên mảnh đất này, chính họ sẽ là những người tiếp nối truyền thống ấy bằng lòng tự hào và biết ơn sâu sắc.

+ Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện (cần phê phán những biểu hiện sai trái, đi ngược lại với truyền thống nghĩa tình của Thành phố; bên cạnh nghĩa tình, Thành phố vẫn xây dựng thương hiệu năng động, phát triển, văn minh và hiện đại – đó cũng là những yếu tố hỗ trợ hiệu quả cho những phong trào nghĩa tình của Thành phố).



– Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân (bản thân học sinh/mỗi người trẻ cần học hỏi nhiều hơn nữa, luôn nâng cao ý thức về việc gìn giữ và phát huy truyền thống nghĩa tình của Thành phố bằng những việc làm cụ thể, phù hợp với lứa tuổi và khả năng của mình).



Đề thi chọn đội tuyển học sinh giỏi THPT

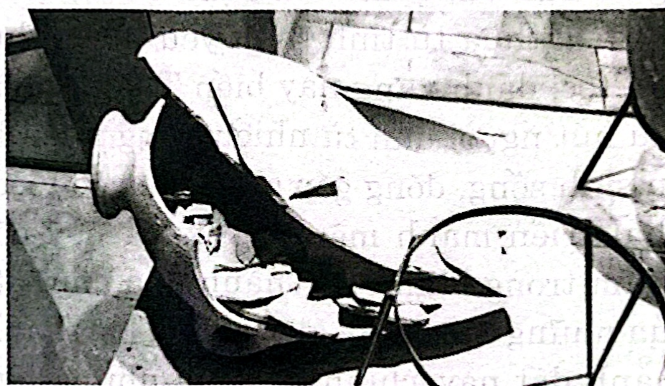
môn Ngữ văn; năm học: 2024 – 2025, TP. Hồ Chí Minh

(Thời gian làm bài: 180 phút)

ThS. Trần Tiến Thành
CV. Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh

Câu 1 (8,0 điểm)

Ngày 23/8/2024, gia đình Anna Geller đưa cậu con trai 4 tuổi Ariel Geller tới bảo tàng Hecht tại thành phố Haifa, Israel. Khi con trai chiêm ngưỡng các hiện vật cổ, Anna quay ra hướng khác trong giây lát. Đột nhiên, một tiếng động lớn vang lên và điều tiếp theo cô nhìn thấy là chiếc bình gốm 3.500 tuổi quý hiếm đã vỡ thành nhiều mảnh trên sàn nhà, còn cậu bé Ariel đứng cạnh đó với vẻ mặt kinh hãi.



Chiếc bình 3.500 tuổi bị vỡ tại bảo tàng Hecht
(Nguồn ảnh: *Bảo tàng Hecht*)

Chiếc bình gốm từ thời đại đồ đồng do Ariel làm vỡ đã được trưng bày ở bảo tàng Hecht trong 35 năm. Nó có niên đại khoảng năm 2.200-1.500 trước Công nguyên. Đây là một trong số ít những chiếc bình với kích thước như vậy từ thời kì đó còn nguyên vẹn khi được phát hiện.

Anna đã cố hết sức trấn an con trai sau khi chiếc bình bị vỡ. Cô chia sẻ: "Ariel vốn là một đứa bé hiếu kì. Nó nói mình chỉ muốn xem bên trong chiếc bình có gì". Bố của Ariel, anh Alex, đã chạy đến chỗ bảo vệ để thông báo sự việc. Anh đề nghị được bồi thường cho bảo tàng.

Tuy nhiên bảo tàng báo lại rằng chiếc bình đã được bảo hiểm. Sau khi kiểm tra camera an ninh và xác nhận đó không phải hành động phá hoại, bảo tàng còn gọi điện thoại mời gia đình anh quay lại để tham quan bù.

Bà Inbal Rivlin, giám đốc bảo tàng, cho biết chiếc bình cổ được trưng bày ngoài tủ kính cùng nhiều hiện vật khác do bảo tàng muốn du khách được khám phá lịch sử mà không bị rào cản nào ngăn cách. Bà nói việc chiếc bình bị vỡ là cơ hội tốt để bảo tàng học cách phục hồi

cổ vật, đồng thời khẳng định mong muốn gia đình Geller, những người đã tạm hoãn chuyến tham quan sau khi sự cố xảy ra, cảm thấy được chào đón khi trở lại.

Các chuyên gia của bảo tàng đã sử dụng công nghệ 3D và video độ phân giải cao để phục chế chiếc bình. Nó có thể được trưng bày lại sớm nhất là vào tuần tới. Roee Shafir, chuyên gia phục chế tại bảo tàng, cho biết việc sửa chữa khá đơn giản vì các mảnh vỡ đều thuộc về một chiếc bình hoàn chỉnh.

(Theo Phạm Giang, *Mẹ kể lại khoảnh khắc con trai làm vỡ bình cổ 3.500 tuổi, VnExpress*, ngày 03/9/2024)

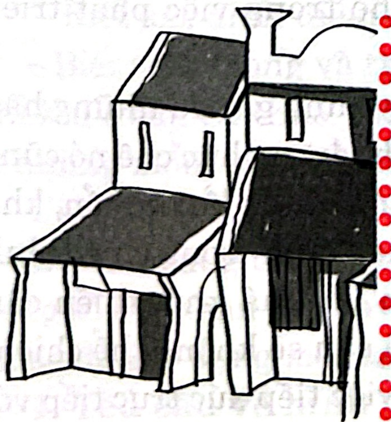
Trong phần bình luận dưới bài báo, có người khen ngợi quan điểm và cách ứng xử của bảo tàng nhưng cũng có người không đồng tình với quan điểm và cách ứng xử ấy.

Còn anh/chị, anh/chị suy nghĩ gì về quan điểm và cách ứng xử của bảo tàng? Từ đó, hãy bàn luận về điểm tựa cho sự lựa chọn của mỗi người trong cuộc sống.

Câu 2 (12,0 điểm)

Trong quyển *Nhà văn nói về nghề* (Nhiều tác giả, NXB Văn học, 2022), nhiều nhà văn đã bày tỏ những trăn trở, suy ngẫm của mình về sáng tác văn chương. Anh/chị hãy đọc một số nhan đề của các bài viết trong mục lục cuốn sách:

MỤC LỤC



Anh/chị hãy lựa chọn ít nhất ba nhan đề trong số các nhan đề trên, kết nối ý tưởng để tạo thành một vấn đề văn học mà anh/chị quan tâm. Viết văn bản nghị luận về vấn đề ấy.

Câu 1 (8,0 điểm)

1. Suy nghĩ về quan điểm và cách ứng xử của bảo tàng

** Quan điểm và cách ứng xử của bảo tàng*

– Quan điểm của bảo tàng: *muốn du khách được khám phá lịch sử mà không bị rào cản nào ngăn cách; xem việc chiếc bình bị vỡ là cơ hội tốt để bảo tàng học cách phục hồi cổ vật.*

– Cách ứng xử của bảo tàng: *mua bảo hiểm cho chiếc bình, không bắt gia đình cậu bé Ariel bồi thường mà còn mời họ quay lại để tham quan bù.*

– Quan điểm của bảo tàng đã chi phối cách ứng xử của họ. Bảo tàng có thể có những cách ứng xử khác (để chiếc bình cổ trong tủ kính; có hình phạt, lời nhắc nhở,... cho những người làm hư hại cổ vật) nhưng bảo tàng đã lựa chọn cách ứng xử như trong văn bản vì tin vào điểm tựa (căn cứ, cơ sở, lí do) cho *sự lựa chọn* của mình: mục đích quan trọng của bảo tàng là khơi dậy sự quan tâm của mọi người với lịch sử, hơn nữa chiếc bình đã được bảo hiểm và có chuyên gia có thể phục hồi.

** Các suy nghĩ về quan điểm và cách ứng xử của bảo tàng*

Người viết có thể bày tỏ thái độ đồng tình/không đồng tình/đồng tình một phần với quan điểm và cách ứng xử của bảo tàng. Sau đây là một hướng làm bài:

– Quan điểm và cách ứng xử của bảo tàng có những điểm tích cực, đáng quý: xem trọng yếu tố con người, tạo điều kiện tốt nhất cho khách tham quan được tiếp xúc trực tiếp với cổ vật để khám phá lịch sử; khoan dung trước những hành vi gây hại không cố ý của khách; thấy được cơ hội trong thách thức: việc chiếc bình vỡ là dịp để bảo tàng học cách phục hồi cổ vật; biết vận dụng công nghệ trong việc phát triển ngành khảo cổ,...

– Tuy nhiên, quan điểm và cách ứng xử này cũng gây ra những hậu quả nghiêm trọng: chiếc bình cổ là duy nhất, dù được phục chế nó cũng đã không còn là chiếc bình ban đầu, chưa kể nếu nhiều lần hư tổn, khả năng phục chế được sẽ không cao; hành vi thiếu trân trọng chiếc bình cổ là một biểu hiện của sự thiếu trách nhiệm với quá khứ, thiếu cân nhắc cho quyền lợi của thế hệ tương lai (người sau sẽ không thể chiêm ngưỡng chiếc bình nguyên vẹn như ban đầu); việc tiếp xúc trực tiếp với chiếc bình cổ không hẳn sẽ xoá đi rào cản ngăn cách giữa con người với lịch sử; việc không nhắc nhở cậu bé có thể dẫn đến sự tái diễn các hành vi tương tự,...

2. Bàn luận về điểm tựa cho sự lựa chọn của mỗi người trong cuộc sống

– Cuộc sống luôn đặt con người trước những *lựa chọn*: lựa chọn nghề nghiệp tương lai, lựa chọn công việc cụ thể, lựa chọn một quan điểm sống, lựa chọn cách ứng xử trước một hoàn cảnh, lựa chọn bạn bè, người yêu,...

– Bất cứ *sự lựa chọn* nào cũng cần một điểm tựa vững chãi. Điểm tựa là khởi nguồn cho *lựa chọn*, là nguyên nhân khởi đầu, chi phối quyết định của con người, khiến họ vững tin vào cách hành xử của mình. Những điểm tựa đúng đắn, tích cực, giàu giá trị nhân văn sẽ dẫn đến những *lựa chọn* sáng suốt, mang lại kết quả tốt đẹp. Ngược lại, những điểm tựa sai lầm, tiêu cực sẽ dẫn lối con người đến với những *lựa chọn* nông nổi, gây hối tiếc về sau.

– Việc xác định điểm tựa cần linh hoạt theo theo thời gian, hoàn cảnh, môi trường cụ thể. Giữa bao nhiêu điểm tựa, cần tìm thấy điểm tựa phù hợp với mình và với đạo đức, pháp luật của xã hội, từ đó mới có thể đưa ra *lựa chọn* tối ưu.

– Không đồng tình với những kẻ *lựa chọn* vội vã, thiếu cân nhắc suy nghĩ, thiếu điểm tựa vững chắc; những kẻ xác định sai *điểm tựa* dẫn đến lựa chọn hồ đồ, mù quáng.

Lưu ý: Người viết sử dụng kiến thức đời sống và trải nghiệm cá nhân để bàn bạc vấn đề; bài viết cần phải đậm hơi thở của cuộc sống, mang tính thời sự.

3. Bài học nhận thức

– Nhận thức được cùng một vấn đề có thể có nhiều cách đánh giá; khi đánh giá *sự lựa chọn* của người khác, cần xem xét điểm tựa cho *sự lựa chọn* của họ.

– Biết xác định điểm tựa phù hợp cho những *lựa chọn* của mình.

– Biết trân trọng và tạo dựng năng lực và phẩm chất của bản thân. Chỉ khi có đủ tri thức, con người mới có thể *lựa chọn* sáng suốt trên cơ sở những điểm tựa hợp lí.

Câu 2 (12,0 điểm)

Đề bài mang tính mở, người viết tự do lựa chọn ít nhất ba nhan đề trong số các nhan đề của các bài viết trong mục lục cuốn sách, kết nối ý tưởng để xây dựng một một vấn đề nghị luận mà mình quan tâm.

1. Yêu cầu về hình thức, kĩ năng

– Người viết nắm vững yêu cầu đề bài, lựa chọn ba nhan đề trong số nhan đề gợi ý trong đề bài, kết nối ý tưởng để tạo thành một vấn đề nghị luận và tạo lập được một bài văn nghị luận văn học.

– Lựa chọn được hình thức trình bày phù hợp nhất với nội dung; vận dụng phối hợp các thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, bình luận,...) một cách hiệu quả.

– Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

– Biết chia vấn đề nghị luận thành các luận điểm phù hợp; các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ; lập luận đầy đủ tiền đề – kết luận; lập luận có cơ sở khoa học, triết học,...; dẫn chứng cần đa dạng và được sắp xếp một cách hệ thống (văn học Việt Nam và văn học nước ngoài; văn học dân gian, văn học trung đại và văn học hiện đại); biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng; có góc nhìn mới, sâu sắc để khai thác dẫn chứng.

– Không mắc lỗi diễn đạt, không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

2. Yêu cầu về nội dung

– Về điểm nhìn: Đánh giá cao điểm nhìn khởi đầu từ đặc trưng văn chương, biết gắn kết và phát hiện các vấn đề cốt lõi, bản chất của nghệ thuật văn chương.

– Về kiến thức, năng lực: phải có hiểu biết sâu rộng về vấn đề văn học mà mình lựa chọn. Bài viết phải "có tầm"; gợi mở nhiều suy tư, trăn trở; thể hiện được năng lực văn chương, thẩm mĩ, sáng tạo; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy phản biện.

– Về thái độ, tình cảm: cần thể hiện tình cảm sâu sắc và mức độ quan tâm cao đối với vấn đề đã chọn; cảm xúc chân thành; đậm chất văn chương.

** Lưu ý: Người viết có thể trình bày suy nghĩ của mình theo nhiều cách khác nhau về vấn đề nghị luận (đã nêu) nhưng phải hợp lí, có sức thuyết phục; không đánh giá cao những bài viết chỉ kết nối các nhan đề một cách đơn giản, thiếu sâu sắc và những bài viết chỉ trình bày suy nghĩ một cách cảm tính, hời hợt, một chiều.*

Một số gợi ý các vấn đề nghị luận: *Viết là bắt đầu từ những con chữ để gọi đời về trong chữ; Nhà văn – người học nghề mê mải, luôn đãi cát tìm vàng để viết từ khi chưa đặt bút; Tác phẩm là hình chiếu của tâm hồn, là một thế giới soi chiếu và tự soi chiếu, bởi lí trí quá sẽ không còn văn chương; Có một cuốn sách bên trong bạn, hãy dùng chữ, tiếng nói để viết nên cuốn sách ấy.*

Lưu ý: Người viết có thể kết nối ý tưởng để tạo thành vấn đề để bàn luận, không nhất thiết phải tạo thành một câu mới từ ba nhan đề như trên. Ví dụ: các nhan đề: "Tác phẩm là hình chiếu của tâm hồn", "Một thế giới soi chiếu và tự soi chiếu", "Lí trí quá sẽ không còn văn chương tạo thành vấn đề: Văn học là tiếng nói của tâm hồn, cảm xúc".



THỬ SỨC TRƯỚC KÌ THI TỐT NGHIỆP THPT

môn Ngữ văn; năm học: 2024 – 2025

(Thời gian làm bài: 120 phút)

TS. Nguyễn Thị Bích
GV. Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

(1) Có lẽ chưa bao giờ lĩnh vực xuất bản cởi mở như hiện nay. Sự nở rộ các đơn vị xuất bản và cơ chế linh hoạt trong việc in ấn, phát hành sách đang tạo ra nhiều cơ hội cho người viết xuất bản tác phẩm của mình. Họ có thể bán tác phẩm cho nhà xuất bản, nhưng cũng có thể xin giấy phép rồi tự tổ chức in và phát hành. Tuy nhiên, sự cởi mở này cũng đang khiến cho thị trường sách "vàng – thau" lẫn lộn. Dạo qua các nhà sách, có thể nhận thấy tình trạng "loạn" sách best seller đang diễn ra khá phổ biến; bởi nhìn đâu cũng thấy sách "best seller"(*) với những tiêu chí không đồng nhất, thậm chí thiếu minh bạch trong việc dán nhãn "best seller". Giữa thời buổi "người người làm sách", không ít đơn vị xuất bản luôn tìm cách dán thêm nhãn mác sách bán chạy cho các sản phẩm của mình, hi vọng thu hút sự chú ý tìm mua của độc giả. Đương nhiên, giữa cả một rừng sách, cuốn nào có mác "best seller" độ tin cậy sẽ cao hơn với người tiêu dùng. Nhưng sự "lạm phát nhãn mác" xảy ra trong khi chất lượng không tương xứng khiến cho thị trường sách càng thêm hỗn loạn, độc giả hoang mang.

(2) Khảo sát danh mục sách văn học bán chạy hiện nay của các đơn vị kinh doanh sách, có thể nhận thấy mảng sách thị trường đang chiếm lĩnh một thị phần đáng kể. Đặc điểm của những tác phẩm này là đáp ứng thị hiếu của số đông; nặng tính giải trí; cách viết dễ dãi, thậm chí khá phóng túng. Chủ đề được đề cập nhiều nhất là về tình yêu với những câu chuyện xa rời thực tế, hoặc những chuyện tình tay ba tay tư hoang mang đổ vỡ; một số tác phẩm không ngần ngại phơi bày thế giới trần trụi của đồng tính nam, đồng tính nữ để thu hút sự tò mò của độc giả. Sự "thống trị" của loại sách này được coi là hệ quả tất yếu của việc du nhập ồ ạt truyện ngôn tình những năm gần đây; tác giả phần

(*) Best seller: bán chạy.

lớn là người trẻ. Điều đáng lo là khi những tác phẩm này trở thành sách bán chạy, được quảng bá ồn ào sẽ tác động đến độc giả, trong đó lớp trẻ chiếm số đông. Họ sẽ coi đó là "mẫu mực" của văn chương trong khi những tác phẩm văn học đỉnh cao, có giá trị bị xếp kho, hoặc bày bán "đồng giá" 5.000 – 10.000 đồng/cuốn vẫn không ai tìm mua thì đó quả là điều đáng buồn cho văn hoá đọc; chưa kể những người trẻ có xu hướng học theo sách để điều chỉnh cách hành xử của mình trong cuộc sống. Giải trí là một nhu cầu không thể thiếu của con người. Nhưng con người cần làm giàu thêm tri thức bằng những cuốn sách bổ ích, hướng đến những giá trị nhân văn, giúp họ sống tốt đẹp hơn. Khi cán cân giải trí – trí tuệ trở nên lệch lạc thì đó là biểu hiện xuống cấp của văn hoá đọc [...]. Có độc giả chia sẻ: "Tôi không muốn văn học Việt Nam trở nên suy thoái bởi dòng văn học thị trường; để lại một thế hệ trẻ yếu đuối, hoang mang, non nớt. Tôi không muốn bao nhiêu tinh hoa, ước vọng của người xưa bị quên lãng, để rồi sau cùng chúng ta bỗng chốc chẳng còn gì nữa".

(Phong Điệp, trích *Đi tìm giá trị của sách bán chạy*,
in trong *Đường băng cho sáng tạo nghệ thuật*,
NXB Hội Nhà văn, 2023)

Trả lời câu hỏi/thực hiện yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm). Câu nào nêu luận điểm chính trong đoạn (1)?

Câu 2 (0,5 điểm). Trong đoạn (2), tác giả đã kể ra những đặc điểm nào của mảng sách thị trường?

Câu 3 (1,0 điểm). Trong đoạn trích, tác giả đã chỉ ra mối tương quan nào giữa sách thị trường và những tác phẩm văn học đỉnh cao?

Câu 4 (1,0 điểm). Đoạn trích thể hiện thái độ gì của tác giả với hiện tượng sách kém chất lượng được xuất bản trên thị trường hiện nay?

Câu 5 (1,0 điểm). Theo anh/chị, điều gì sẽ xảy ra nếu những cảnh báo về sự xuống cấp của văn hoá đọc trong đoạn trích trên trở thành hiện tượng phổ biến?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về vai trò của cách tiếp nhận, xử lí thông tin với người trẻ trong bối cảnh hiện nay.

Câu 2 (4,0 điểm). Viết bài văn (khoảng 600) chữ phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ sau:

Tôi gặp quê trong mùa trảy hội
Bồng bềnh quan họ ngọt ngào lời ru
Những câu đồng dao ngấm vào hạt lúa

Thổi thành no ấm
Nồi cơm Thạch Sanh gọi bầy trẻ lớn lên
Những hoàng hôn cong cánh diều bay
Ngất ngưởng lưng trâu sáo diều cao vút
Quên lũ khoai nhông nhốc ngủ trên đồng...

Đổ bên trời kỉ niệm chảy dòng sông
Hội làng rộn ràng bến đợi
Nỗi nhớ cất lời: Người ơi, người ở...
Phù sa thời gian nở ra...

(Vi Thuỳ Linh, *Đồng dao của đất*,
in trong *Khát*, NXB Phụ nữ, 2007

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. PHẦN ĐỌC HIỂU

Câu 1. Câu nêu luận điểm chính trong đoạn (1): Có lẽ chưa bao giờ lĩnh vực xuất bản cởi mở như hiện nay.

Câu 2. Trong đoạn trích, tác giả đã chỉ ra những đặc điểm nội dung của mảng sách thị trường: đáp ứng thị hiếu của số đông; nặng tính giải trí; cách viết dễ dãi, thậm chí khá phóng túng.

Câu 3. Sách thị trường được quảng bá ồn ào, được bày bán rất nhiều nơi trong khi những tác phẩm văn học đỉnh cao bị xếp kho hoặc bán đồng giá rẻ mạt mà không có người mua.

Câu 4. Đoạn trích thể hiện thái độ phê phán quyết liệt đối với việc xuất bản, quảng cáo loại sách kém chất lượng chỉ đáp ứng thị hiếu số đông một cách rẻ tiền; việc người đọc chỉ chạy theo thị hiếu tầm thường khiến cho văn hoá đọc có nguy cơ xuống cấp.

Câu 5. Câu trả lời cần nêu được những yêu cầu chính như sau:

– Chỉ ra cảnh báo của tác giả về nguy cơ xuống cấp của văn hoá đọc khi người đọc chỉ tìm đọc những loại sách chạy theo thị hiếu rẻ tiền.

– Trình bày hệ quả xảy ra (theo quan điểm của cá nhân) khi thế hệ trẻ chỉ thích đọc tác phẩm văn học thị trường, khi những tác phẩm có nội dung dễ dãi được dán mác best seller.

II. PHẦN VIẾT

Câu 1. Viết đúng hình thức, thể thức của đoạn văn; đáp ứng yêu cầu của đoạn nghị luận xã hội; làm nổi bật được vai trò của việc tiếp nhận, xử lí thông tin trong bối cảnh thông tin phức tạp, đa chiều như hiện nay vì:

– Việc chiếm lĩnh được thông tin sẽ là lợi thế trong mọi lĩnh vực đời sống.

– Tuy nhiên, nếu không biết cách tiếp nhận và xử lí thông tin, con người dễ hoang mang do tính phức tạp, đa chiều của thông tin hoặc dễ bị thao túng do mục đích của truyền thông.

– Muốn tiếp nhận, xử lí được thông tin, phải có năng lực phán đoán, phản biện, phải xác định rõ mục đích tìm kiếm thông tin.

Câu 2. Có thể trình bày theo nhiều cách trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của kiểu bài nghị luận văn học và bảo đảm các nội dung chính sau:

– Về nội dung: đoạn trích diễn tả tâm trạng của người con xa quê khi trở về quê hương trong mùa trẩy hội.

+ Gặp cảnh hội làng trong hiện tại, nhân vật trữ tình hoài niệm về tuổi thơ. Dòng hoài niệm của nhân vật trữ tình đã tái hiện một hình ảnh quê hương có sự hoà trộn giữa quá khứ và hiện tại, giữa thực và ảo; âm hưởng, giai điệu của ca dao, dân ca, những hình ảnh từ truyện cổ tích hoà trộn trong cuộc sống nhọc nhằn của đời thực; tạo sự thăng hoa cảm xúc càng lúc càng mãnh liệt như dòng sông *"đổ bên trời"*, có sức níu chân con người, như câu quan họ *"người ơi, người ở..."*.

+ Qua những hoài niệm về quá khứ, đoạn trích thể hiện tình yêu, niềm khát khao hướng về quê hương, khát khao tìm lại một tuổi thơ đã mất.

– Về nghệ thuật:

+ Cảnh vật, con người trong mùa lễ hội được tái hiện vừa sôi động (với âm thanh rộn ràng của lễ hội), vừa sâu lắng, thiết tha (với những hoài niệm của nhân vật trữ tình).

+ Thể thơ tự do có tác dụng đặc biệt trong việc diễn tả cùng lúc nhiều cung bậc tâm trạng đan xen của người về thăm quê.

+ Những thi liệu văn học dân gian được sử dụng trong đoạn trích đã gợi một thế giới thơ mộng, trong trẻo; tái hiện sinh động không gian văn hoá vùng Kinh Bắc xưa.



Phương pháp viết bài văn nghị luận

PGS.TS. Lê Quang Hưng

I. Yêu cầu chung đối với một bài văn nghị luận

Hiểu theo nghĩa chung nhất, nghị luận có nghĩa là phân tích, bàn luận và đánh giá cho rõ về một vấn đề nào đó.

Căn cứ vào đề tài, đối tượng nghị luận mà có hai kiểu bài chủ yếu: nghị luận xã hội và nghị luận văn học. Nếu như đề tài, đối tượng của bài văn nghị luận xã hội là một vấn đề chính trị, tư tưởng, đạo lí, một hiện tượng xã hội thì đối với bài văn nghị luận văn học lại là tác phẩm, hiện tượng văn học hay những ý kiến, nhận định về văn học.

1. Khác với viết đoạn văn, bài văn nghị luận trước tiên yêu cầu đầy đủ ba phần chính mở bài, thân bài, kết bài được tổ chức mạch lạc và đảm bảo đúng chức năng cơ bản của từng phần. Phần *Mở bài* có nhiệm vụ giới thiệu, xác định một cách khái quát vấn đề nghị luận. Phần *Thân bài* lần lượt triển khai các nội dung, luận điểm cụ thể theo một trình tự nhất định. Phần *Kết bài* thường thực hiện việc tổng hợp, mở rộng, liên hệ.

2. Một bài văn nghị luận hay thường có hệ thống luận điểm rõ ràng, được kết dính một cách tự nhiên, liền mạch, ý nọ gợi ý kia. Đòi hỏi hệ thống luận điểm mạch lạc, màu sắc cá nhân của các nhận xét, đánh giá, mặt khác, bài văn nghị luận cũng yêu cầu tính cụ thể, thuyết phục của những luận cứ, dẫn chứng. Nếu cứ nêu nhận định, ca ngợi hay phê phán một cách chung chung mà không qua các căn cứ cụ thể, dẫn chứng sinh động thì bài văn sẽ yếu sức thuyết phục, dễ trở nên sáo rỗng. Mặt khác, nếu cứ sa đà vào dẫn chứng, phân tích cụ thể mà không nâng lên được tầm khái quát, không đúc kết được thành các nhận định thì bài văn sẽ nhạt tính tư tưởng, khó gây ấn tượng. Kết hợp linh hoạt, tự nhiên giữa phân tích, chứng minh cụ thể với nhận xét, đánh giá khái quát vừa là phương pháp tư duy, vừa là kĩ năng làm bài mà người viết văn nghị luận cần rèn luyện.

3. Khi học làm văn, các em học sinh thường gặp các từ giải thích, chứng minh, phân tích, bình luận,... Đó là các phép lập luận, các thao tác, phương pháp thường được kết hợp vận dụng khi giải quyết một vấn đề nghị luận. Bài văn nghị luận yêu cầu sử dụng nhiều thao tác, kĩ năng nhiều khi khó tách bạch một cách rạch ròi. Muốn viết được một bài văn nghị luận hay, cùng với kiến thức đầy đủ, sâu sắc, các em cần rèn luyện kĩ năng kết hợp đồng thời, linh hoạt nhiều phép lập luận để làm sáng rõ vấn đề, để trình bày một cách thuyết phục, hấp dẫn cảm nhận, ý kiến của mình.



II. Phương pháp viết bài văn nghị luận xã hội

Những đề tài phổ biến của bài văn nghị luận xã hội:
– Về một tư tưởng, đạo lí.
– Về một hiện tượng, vấn đề của xã hội, đời sống.
– Về một vấn đề xã hội đặt ra từ tác phẩm văn học.

Bài văn nghị luận xã hội thể hiện mức độ hiểu biết về xã hội, gắn bó với đời sống của người làm bài. Vì thế, khi viết một bài văn nghị luận xã hội, cùng với mấy yêu cầu cơ bản của bài văn nghị luận đã nói ở trước, cần chú ý thêm:

1. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Nếu là ý kiến được phát biểu theo lối trực tiếp thì cần suy nghĩ để hiểu đúng, hiểu hết nghĩa của các từ ngữ then chốt. Nếu ý kiến được diễn đạt bằng hình ảnh, biện pháp tu từ thì cần hiểu chính xác ý nghĩa, mục đích của hình ảnh, biện pháp tu từ đó. Nếu đề bài đưa ra một sự việc, một câu chuyện thì cần trả lời câu hỏi điều cơ bản toát lên ý nghĩa của sự việc, câu chuyện đó là gì. Nếu xác định không đúng vấn đề nghị luận thì nội dung bài văn sẽ hoặc lệch trọng tâm hoặc lạc đề.

2. Tính đúng đắn, sự sáng rõ của tư tưởng, của nội dung nghị luận (lập trường, thái độ rõ ràng, dứt khoát khi tán thành hoặc phản đối): Khi viết bài văn nghị luận, cần sự linh hoạt, không cực đoan, máy móc một chiều, nhưng điều đó không có nghĩa là mập mờ, nước đôi, thiếu dứt khoát trong bàn luận, trình bày ý kiến về vấn đề.

3. Có suy nghĩ, có cảm xúc cá nhân và sự liên hệ sinh động với thực tiễn đời sống: Bài văn nghị luận xã hội thường khó sai về nội dung, về



tư tưởng nhưng lại dễ trở thành chung chung, từ đó không đủ sức thuyết phục. Vì thế, lúc làm bài, hãy cố gắng "kéo" vấn đề nghị luận về gần với mình, phân tích, bàn luận từ sự nhận thức, trải nghiệm của chính mình.

Dẫn chứng trong bài văn nghị luận xã hội có thể lấy từ nhiều nguồn: từ lịch sử, từ thực tiễn xã hội, từ những điều, những chuyện mình từng đọc, từng nghe qua sách vở, báo chí, qua đời sống... Giữa nhiều nguồn như thế, các em cần biết lựa chọn các dẫn chứng tiêu biểu và nên đặc biệt chú ý tìm ở kỉ niệm, trải nghiệm của cá nhân mình trong quan hệ với bè bạn, gia đình. Loại dẫn chứng này khiến cho vấn đề nghị luận trở nên gần gũi, thấm thía.

Bố cục thông thường của một bài văn nghị luận xã hội:

Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận – Khái quát quan điểm của mình về vấn đề, hiện tượng đó.

Thân bài: Phân tích, bàn luận về vấn đề, hiện tượng.

Lần lượt phân tích, bàn luận từng khía cạnh, từng nội dung cụ thể của vấn đề, hiện tượng (có thể phân tích hết rồi bàn luận; có thể kết hợp ở từng khía cạnh, nội dung).

Trong quá trình phân tích, bàn luận này, nên tự đặt và trả lời các câu hỏi *Thế nào?* (nói như thế hay nội dung câu chuyện, hiện tượng đó nghĩa là thế nào); *Tại sao?* (tại sao lại khẳng định tư tưởng, quan niệm ấy, lại có câu chuyện, hiện tượng ấy? Nó đúng/sai ở chỗ nào? Tại sao đúng/sai?). Khi trả lời các câu hỏi này, nên căn cứ vào những chuẩn mực đạo lí, đạo đức, vào lịch sử, vào thực tế cuộc sống, hoặc vào kinh nghiệm, trải nghiệm của bản thân. Quá trình triển khai các lí lẽ, lập luận như thế được kết hợp với việc đưa ra những dẫn chứng phù hợp, sinh động.

Kết bài: Mở rộng vấn đề đã phân tích, bàn luận.

Khẳng định lại ý nghĩa của vấn đề, liên hệ để rút ra bài học cho bản thân.

III. Phương pháp viết bài văn nghị luận văn học

1. Biết dựa vào thời điểm ra đời của tác phẩm, hoàn cảnh lịch sử cụ thể của câu chuyện, của nhân vật để phân tích ngôn từ, hình ảnh, để làm sáng tỏ các tầng lớp nội dung trong văn bản.

Tác phẩm văn học là sáng tạo tinh thần của nhà văn ở một không gian, thời gian nhất định; những câu chuyện, nhân vật trong tác phẩm bao giờ cũng gắn với một hoàn cảnh, thời điểm nào đó. Bởi thế, tri thức về lịch sử, xã hội rất cần thiết khi phân tích, đánh giá tác phẩm, khi làm bài văn nghị luận văn học. Để hiểu đúng, hiểu sâu một tác phẩm văn học dù thuộc thể loại gì, cần trả lời các câu hỏi:

– Tình hình lịch sử, xã hội của đất nước, dân tộc lúc đó ra sao?

– Hoàn cảnh của bản thân tác giả khi sáng tác tác phẩm đó như thế nào? (thời điểm, tâm trạng, tâm thế, ý đồ sáng tác,...).

Phân tích truyện ngắn *Lão Hạc* (Nam Cao) cần hiểu tình trạng xã hội Việt Nam những năm cuối cùng của chế độ thuộc địa (khoảng 1940 – 1945), khi chính quyền thực dân phong kiến (sau thời kì Mặt trận Dân chủ Đông Dương 1936 – 1939) trở lại đàn áp dã man, bóc lột thậm tệ nhân dân ta, khi ngọn lửa chiến tranh thế giới lần thứ hai ngày càng lan rộng và phát xít Nhật xâm chiếm Việt Nam khiến dân tộc ta lâm vào cảnh một cổ hai tròng. Hoàn cảnh ấy đã tới cảnh thất nghiệp, nghèo đói diễn ra khắp nơi, nông thôn càng trở nên xơ xác, kiệt quệ, người nông dân bị đẩy vào bước đường cùng. Hoàn cảnh ấy cũng khiến con người ta phải gồng mình lên chống chọi, lao đao trước tình trạng bị đe doạ bị tha hoá và cái đói, miếng ăn trở thành một thứ thuốc thử nhân cách. Thế mới thấm thía tình cảnh, sự lựa chọn và vẻ đẹp đáng quý của lão Hạc. Phân tích hình tượng người lính kháng chiến trong *Đồng chí* (Chính Hữu), ta không thể không đặt bài thơ vào hoàn cảnh đất nước vô vàn thiếu thốn, gian khổ ở những năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Họ là những người lính xuất thân nông dân (vốn làm ăn cá thể) từ nhiều làng quê được tập hợp lại trong quân đội cách mạng. Nghĩa đồng chí, tình đồng đội ở những con người như thế trong hoàn cảnh như thế càng thật thiêng liêng. Chính Hữu cũng là người lính – nhà thơ xuất thân, trưởng thành trong hoàn cảnh đó. Tất cả những điều này cho ta hiểu tính chân thực của các hình ảnh, vẻ đẹp của lí tưởng chiến đấu và tình đồng đội, đồng chí keo sơn, cao cả trong bài thơ.

2. Phải đảm bảo tính thống nhất hữu cơ giữa nội dung và hình thức của tác phẩm trong quá trình phân tích, đánh giá văn bản.

Như một nếp tư duy truyền thống, một thói quen bấy lâu nay, chúng ta hay chia ra để nói rằng các yếu tố thuộc nội dung, các yếu tố thuộc hình thức. Kì thực, tác phẩm văn học như một chỉnh thể sinh động, nhiều khi khó lòng tách bạch một cách rõ ràng, tuyệt đối như thế. Nếu tạm chấp nhận quy ước phân chia này thì cần thấy rằng khi phân tích, đánh giá tác phẩm văn học, cần tránh hai khuynh hướng:

– Chỉ giảng giải qua nội dung cụ thể của văn bản rồi lấy đó làm cái cớ để tán dương, ca ngợi một cách chung chung.

Khuynh hướng này biến tác phẩm văn học thành một công cụ tuyên truyền chính trị và dễ làm cho bài văn nghị luận trở thành sáo rỗng.

– Quá sa đà vào những chi tiết nghệ thuật vụn vặt, thẩm bình cái cụ thể dừng ở "tự nó" mà không nêu được hiệu quả nghệ thuật, giá trị biểu đạt của các yếu tố hình thức đó.

Khuynh hướng này khó đi đến phát hiện nghĩa lí của văn bản, chỉ ra các tầng lớp ý nghĩa được hàm chứa trong đó.

Phân tích nội dung tức là giảng giải, đánh giá một nội dung đang được biểu hiện qua một hình thức cụ thể. Phân tích hình thức chính là xem xét quá trình thâm nhập của hình thức ấy vào nội dung, đánh giá sức mạnh biểu đạt nội dung của hình thức ấy. Dĩ nhiên, trong thao tác phân tích vẫn có thể và cần thiết phân tách từng yếu tố, từng bộ phận để xem xét cụ thể nhưng trong quá trình làm việc đó phải có cái nhìn bao quát qua lại, phải đảm bảo tính chỉnh thể của tác phẩm.

Khi phân tích, đánh giá tác phẩm thuộc thể loại thơ, các yếu tố hình thức chúng ta cần chú ý là gì? Đó là ngôn từ, cách xây dựng hình ảnh, các biện pháp nghệ thuật được sử dụng, là nhịp điệu của lời thơ.

Không phải mọi ngôn từ đều phân tích như nhau. Cần chú ý các từ đặc sắc, chứa đựng nhiều nội dung ý nghĩa, giàu sức gợi cảm.

Cách xây dựng hình ảnh, việc sử dụng các biện pháp nghệ thuật trong thơ thường gắn với phong cách riêng của nhà thơ, bao giờ cũng thống nhất với tình cảm, suy ngẫm muốn biểu đạt. Vì thế, khi xác định, phân tích các yếu tố này, cần chỉ ra hiệu quả nghệ thuật (tác dụng) của chúng. Chẳng hạn, phân tích biện pháp điệp trong đoạn thơ sau trong bài *Biển* của Xuân Quỳnh:

Biển chỉ quen theo quy luật của mình
Biển vẫn ấm những ngày trở rét
Biển vẫn mát những ngày nắng khét
Dẫu vui buồn biển vẫn mênh mông
Vẫn là nơi gặp gỡ triệu dòng sông.

Phép điệp được sử dụng nhiều với *"Biển chỉ"*, *"biển vẫn"*, *"vẫn"*. Cách viết này tạo nên giọng điệu khẳng định liên tiếp. Từng đặc điểm, vẻ đẹp của biển được nhấn mạnh, tô đậm khiến người đọc càng thêm ấn tượng (ấm áp, mát lành với vẻ riêng của mình chứ không lệ thuộc, đổi thay, rộng lớn và bao dung chở che, đón nhận...).

Đối với tác phẩm tự sự, giữa nhiều phương diện, yếu tố cần phân tích nên đặc biệt chú ý tình huống và chi tiết.

Có thể xem tình huống là loại hoàn cảnh bất bình thường, hoàn cảnh "có vấn đề" đòi hỏi con người trong đó phải xử lí, phải vượt qua. Khi được (hoặc bị) đặt trong tình huống, con người ta mới bộc lộ tính cách, bản chất của mình một cách chân thật, đầy đủ nhất. Nếu cuộc sống là một dòng sông thì tình huống là các xoáy nước. Nó chính là phần đậm đặc nhất của cuộc sống, nơi thể hiện tập trung bản chất một xã hội, một thời đại. Trong văn xuôi tự sự, nhất là đối với truyện ngắn, tình huống có vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc thể hiện tính cách, số phận nhân vật, chủ đề tác phẩm. Khi viết truyện ngắn *Một cơn giận*, Thạch Lam đã tạo nên một tình huống thường tình, dễ xảy ra trong cuộc sống mà lại khá éo le. Vì đang mang tâm trạng bực bội, cảm giác chán nản mà Thanh (nhân vật xưng "tôi" trong tác phẩm) đã cư xử một cách lạnh lùng, đã vô tình đẩy anh phu xe nghèo khổ tên Dư vào tình cảnh bế tắc. Vấn đề là sau việc xảy ra đó, tâm trạng, suy nghĩ của Thanh ra sao. Anh không thể nguôi quên, cho qua mà cứ bị ám ảnh... Sự ân hận, day dứt càng dày vò Thanh. Rồi khi tìm đến nơi ở của gia đình người phu xe khốn khổ đó, chứng kiến thảm cảnh của mấy con người, Thanh đã cư xử thế nào... Từ đây, người đọc hiểu ra nét đáng quý của nhân vật và ý nghĩa nhắc nhở nhẹ nhàng mà thấm thía của thiên truyện. Khi phân tích, cần đặc biệt chú ý chi tiết về hành động, tâm trạng của Thanh ở cuối tác phẩm.

Chi tiết có thể hiểu là yếu tố nhỏ, đơn vị cụ thể có tính trọn vẹn tương đối cấu thành văn bản tác phẩm. Trong một tác phẩm thường có nhiều chi tiết nhưng không phải mọi chi tiết đều có giá trị ngang bằng nhau. Có những chi tiết người đọc có thể lướt qua. Có những chi tiết thể hiện thần thái nhân vật, cô đọng nội dung, giá trị của tác phẩm, gợi ở người đọc nhiều liên tưởng, suy ngẫm. Bởi thế, người đọc văn, phân tích văn cần biết lướt qua các chi tiết vụn vặt, ngẫu nhiên, đồng thời nắm bắt lấy và tập trung phân tích các chi tiết tiêu biểu, đắt giá nhất. Làm được điều này hay không chính là một căn cứ để đánh giá năng lực cảm thụ tác phẩm, đồng thời đánh giá phương pháp, kĩ năng của người viết.

Trong khuôn khổ một bài viết, chúng tôi trình bày mấy điểm cơ bản, có tính chất chung thuộc phương pháp, kĩ năng viết bài văn nghị luận. Hẹn các bạn vào những dịp khác, nếu có điều kiện, sẽ trao đổi kĩ hơn về phương pháp, kĩ năng viết từng kiểu bài nghị luận cụ thể.

Hà Nội, những ngày cuối năm Giáp Thìn



Thời gian – người bạn đồng hành thầm lặng nhưng cũng là chiếc gương phản chiếu những lãng quên và tiếc nuối trong đời người. Bài thơ *Gương thời gian* của Võ Kim Ngân mở ra thế giới nội tâm sâu lắng, nơi con người đối diện với chính mình qua dòng chảy bất tận của thời gian. Hãy cùng đắm mình trong từng câu chữ để cảm nhận thông điệp giàu ý nghĩa mà bài thơ mang lại. Đừng quên viết lời bình (150 – 200 chữ) và gửi về VH&TT nhé!

Gương thời gian

Thơ của **Võ Kim Ngân**

Thời gian
Thời gian
Chiếc gương bí ẩn mở ra chầm chậm
Ta thấy mình đi vắng quá lâu
Những chuyến đi xa ngoài mình
Những tháng năm bỏ phí
Theo đuổi vì sao hoang vắng khô cằn
Rồi trở về với trái tim cằn cỗi
Thời gian
Thời gian
Bức màn bí mật hé ra
Ta bỏ phí máu mình
Cho mộng tưởng phiêu diêu
Sự dẫn dắt của điều phi lí
Chinh phục những điều không xác thực
Đuổi theo con hươu huyền thoại mịt mờ.
Ta bỏ ta phiêu bạt đã lâu
Những ngọn gió hư không
Dẫn dắt bởi giấc mơ không lối thoát
Ta chẳng thể tìm lại mình khi đối diện
Hạt cát con con cứ trố mắt nhìn.
Thời gian
Thời gian
Trả về điều bí mật đơn sơ
Ta ở cuộc đời này mà vắng mặt đã lâu
Không ai gọi
Chỉ có thời gian nhắc!



Với mong muốn mang đến bạn đọc những văn bản đặc sắc thuộc nhiều thể loại, giúp bạn có thêm nguồn ngữ liệu phong phú cho hoạt động đọc mở rộng, VH&TT số này xin giới thiệu đến bạn đọc tác phẩm *Hoàng hôn trên đảo* của tác giả Chung Tiến Lực. Hãy cùng đọc và viết lời bình (khoảng 150 – 200 chữ) gửi đến VH&TT để có cơ hội nhận những phần quà hấp dẫn nhé!

Hoàng hôn trên đảo

Tác giả **Chung Tiến Lực**

Lý Sơn. Đảo sương mờ giữa lồng lộng nắng gió. Một nghệ thuật sắp đặt không gian ba chiều tuyệt vời, phô vẻ đẹp kì vĩ triệu năm của núi lửa phun trào. Thiên nhiên với bàn tay kiến trúc tài hoa tạo dựng một thiên đường giữa biển khơi xanh trong như ngọc. Đứng trên đảo Lý Sơn, tôi chợt nhớ bộ phim đã từng xem từ lâu lắm: *Nàng tiên cá*. Phải rồi! Ngỡ ngàng Lý Sơn, đây chính là nàng tiên cá đã thôi ẩn mình dưới biển, một vẻ đẹp thiên thần hoang sơ.

Ngày đã bắt đầu từ khi ông Mặt Trời chưa nhô lên khỏi mặt nước. Chiều tối, ông Mặt Trời ngụp lặn sâu dưới đường chân trời ấy, vậy mà trên đảo vẫn còn tờ mờ sáng như đêm trắng ở Bắc Âu. Vì thế mà ngày trên đảo thường dài hơn, đêm lại ngắn hơn ở trong đất liền.

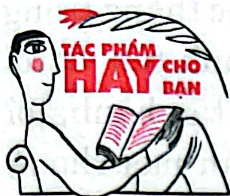
Bình minh trên đảo, vừng đông đỏ ối, bầu trời cao rộng xanh thẫm. Trên mặt biển chấp chới những cánh hải âu chao lượn vẽ một không gian thanh bình, rạng rỡ. Từ sáng sớm tinh mơ, thuyền đánh bắt cá xuyên đêm lịch kịch về bến tạo nên cảnh tấp nập. Cụm từ: "trên bến dưới thuyền" trong đời sống là ở đây ư? Ngư dân nước da sạm nắng gió biển, đôi bàn tay chai sần thừng chão, dáng đi nhanh nhẹn trên mạn thuyền. Những chiếc nón trắng của các bà, các chị bên chiếc sọt tre đan to mang ra đựng cá, nhộn nhịp như họp chợ. Và kia, những con thuyền đang hối hả chuẩn bị buồm, lưới ra khơi. Nhịp sống nhanh nhanh với những âm thanh vang vang, vọng đáy nước nơi biển xanh, cát trắng, nắng vàng.

Buổi sáng mê li khi bình minh trên biển với không khí sống động, khung cảnh bận rộn của bến, thuyền thì buổi chiều thích thú ngắm chiều vàng trên đảo mới tuyệt tác làm sao. Biển chiều Lý Sơn đẹp như mơ. Làn cát trắng mịn màng được bao bọc bởi những vách đá nham thạch có hình thù và màu sắc kì lạ. Nước biển trong vắt, in màu da trời xanh thăm thẳm kích thích cái máu khám phá những gam màu độc đáo của thiên nhiên vẫn đang còn hoang sơ.

Màu chiều vàng óng như trải lụa trên những ruộng bậc thang trồng hành tỏi. Nơi đây được mệnh danh là vương quốc của hành tím và tỏi với 550 ha đất nông nghiệp mà mỗi năm có hàng nghìn tấn hành, tỏi tươi. Chính điều kiện thổ nhưỡng cộng với gió biển mặn mòi cho lá hành, củ tỏi có hương vị đặc biệt mà không ở đâu có được. Nắng chiều mang vàng ròng dát mỏng trên mặt biển. Ánh nắng phản chiếu hắt vàng lên vách đá nham thạch nhẩm đọc chuyện kể về sự hình thành của đảo Lý Sơn từ những triệu năm. Sự kiến tạo địa chấn với sự phun trào nham thạch của 5 miệng núi lửa còn nguyên dấu tích trên 5 hòn núi. Chính sự phun trào và sự đột ngột tắt đi của dòng nham thạch tạo nên cảnh quan thiên nhiên kì thú trên đảo. Nham thạch còn trải trên bề mặt đảo lớp đất đỏ ba zan màu mỡ, miền đất hứa của nhiều loại cây trồng, đồng thời cũng tạo nên những rạn đá ngầm, nơi trú ngụ các loài thuỷ tộc sinh sống. Tạo hoá sắp đặt con đường cong huyền thoại với chiếc cổng tò vò mang vẻ đẹp tự nhiên hoang dại; còn dựng đứng lồng lộng giữa trời một vách đá như tấm bia khắc ghi nhật kí từ kỉ băng hà, kỉ phấn trắng về cuộc tạo sơn kì vĩ cùng thắng cảnh Hang Câu. Không hiểu vì cớ gì mà thiên nhiên mang dòng nham thạch đỏ ngầu, đang sôi sùng sục đổ tràn ra biển, nhưng vẫn chừa lại một khoảng trống mênh mông giữa lòng núi, tạo nên Thạch tự Chùa Hang. Ai đó cũng thốt lên cảm phục thiên nhiên tài sắp đặt. Đứng ở đây, dưới chân vách đá nghe u u tiếng tù và ốc vọng về từ mấy nghìn năm trước, những người con của Lạc Long Quân theo cha đi mở cõi, hay tiếng vọng lễ hội Khao lề thế lính Hoàng Sa loang trên mặt biển khơi: *"Hình như thì thầm tiếng biển/ Nghe như lời hẹn lên đường/Bao người ra khơi mở cõi/ Cát nào còn dấu máu xương"*; hoặc là từ những ngôi mộ gió nhỏ bé đơn sơ: *"Xoay trên Lý Sơn mộ gió/ Mất người dưới lớp sóng xanh"* (*Đá Đá*).

Trên sân tập thể lực của Bộ đội Hải quân, những kình ngư trên biển đang phô diễn thể hình săn chắc dẻo dai bên xà đơn, xà kép, cầu sóng... Những trẻ trai như những chú cá heo mình tròn lẳn, dẻo mềm nhào lộn trên sóng bạc đầu. Dưới ánh hoàng hôn nhìn họ rắn chắc màu đồng đúc, mặt sáng lên ngời ngời.

Thế rồi ánh hoàng hôn buông dần dần trên mặt biển. Bầu trời chuyển từ màu vàng sang đỏ lựng nhuộm buồn cả không gian, lan sang tím lịm làm say lòng người bởi vẻ đẹp ma mị huyền bí. Có phải vì thế mà gió biển cũng thổi nhẹ nhàng hơn? Chim trên đảo ríu rít bay về tổ, trên bầu trời mây không xanh màu xanh nước biển mà lững lờ chậm rãi trôi, dường như cũng choáng ngợp cảnh hoàng hôn trên đảo.



"Người quê ông Hỉ ăn mì đôi khi không cần xắt sợi, chẳng cần nhưn gà hay nhưn thịt. Mở hũ mắm cái bay mùi thơm điếc mũi, phi ít củ nén đập dập trong dầu phụng, dầm trái ớt bay cay nồng, xé miếng mì lá cuộn tròn lại chấm vào, vừa ăn vừa hít hà. Ngon quýu lưỡi! Bụng đang đói mà có lá mì chấm mắm cái là đúng bài, bao nhiêu ăn cũng hết, dù no cành hông vẫn thòm thèm". Đó là những dòng miêu tả đầy chân thực và sống động của tác giả Ny An trong tác phẩm *Ông Hỉ bán mì kí*.

Trong số này, mời bạn đọc tác phẩm và đừng quên chia sẻ cảm nhận của mình về VH&TT nhé.

Ông Hỉ bán mì kí

Tác giả **Ny An**

Tiệm mì kí của ông Tình nằm ở giữa xóm, rẽ vòng vèo ba con hẻm ngang đoạn bờ rào đầy hoa dâm bụt là tới. Ông Tình điếc nên ai nói gì cũng nghe tiếng được tiếng mất.

Người ta nói ông điếc giả đò, bởi ông toàn nghe có chọn lọc. Khi có kẻ chửi rủa, tự dưng ông điếc ngang, đợi họ tuôn xối xả một tràng, ông lau nước miếng dính trên mặt, hả họng ra: "Hỉ". "Hỉ, anh nói cái chi tui nghe không rõ?". Đó, tức điên lên được nhưng làm chi còn sức chửi tiếp. Thôi bỏ qua trất cho rồi.

Ông cứ "hỉ" riết nên người trong xóm gọi luôn là Tình Hỉ, rút gọn thành ông Hỉ. Lò mì lá của ông đỏ lửa suốt mấy chục năm, từ thời bà vợ của ông đương xuân xanh ngồi thổi trấu, tới nay bà đã yên ắng dưới nắm đất thì ông vẫn giữ nghề cũ.

Người quê ông Hỉ ăn mì đôi khi không cần xắt sợi, chẳng cần nhưn(*) gà hay nhưn thịt. Mở hũ mắm cái bay mùi thơm điếc mũi, phi ít củ nén đập dập trong dầu phụng, dầm trái ớt bay cay nồng, xé miếng mì lá cuộn tròn lại chấm vào, vừa ăn vừa hít hà. Ngon quýu lưỡi! Bụng đang đói mà có lá mì chấm mắm cái là đúng bài, bao nhiêu ăn cũng hết, dù no cành hông vẫn thòm thèm.

Hồi đó nhà ông Hỉ nghèo xơ, tới chén mắm cái còn phải đi xin nên được bữa mì lá chấm mắm là mừng hết lớn. Ông nhớ miết trận bão to năm mười sáu tuổi, má đội nón cời lội sang lò mì duy nhất của thôn để mượn gạo. Nhưng chái bếp ốm yếu nhà ông đã sụp mái trôi theo dòng nước rồi, không có củi lửa chẳng lẽ nhai gạo sống. Bà chủ lò mì cho hũ mắm cái kèm bọc mì lá, nhờ đó mà cứu cả nhà.

(*) nhưn: nước dùng để ăn kèm mì Quảng (có các loại nhưn nấu từ thịt, tôm, trứng cút, gà, cá lóc, ếch,...)



Mang ơn hàng xóm, ông Hỉ thường xuyên ghé nhà giúp đỡ mấy việc lặt vặt. Qua lại chừng ba, bốn năm, ông trở thành con rể của chủ lò mì. Ngày cưới, hoa dâm bụt nở đỏ rực kết thành cổng đón dâu. Ông Hỉ mừng rơm rớm khi cưới được cô vợ hiền ngoan đảm đang nhất thôn. Má vợ già yếu nên đóng bếp lò, truyền nghề xay bột, pha bột, tráng mì lại cho ông, hai vợ chồng nhờ đó có đồng ra đồng vào dư dả hơn trước.

Ông Hỉ cắt tấm tôn lá đóng đinh vào mấy thanh tre làm thành tấm biển, dùng bút lông ghi hai chữ "Mì kí". Lợp mái che ở sân, dựng bàn để chồng mì vừa tráng xong từ lò đất bên cạnh, đặt cái máy cắt sợi mì quay bằng tay.

Ông đổ nửa bao vỏ trấu vào lò, lụi cụi nhóm lửa. Đặt nồi nước sôi bịt vải lên bếp lò, từ từ múc vá bột nước tráng đều thành hình tròn trên lớp vải rồi đậy nắp vung lại. Chờ hơi nước làm chín thì dùng đũa tre gỡ mì lá ra. Lò trấu cháy ngun ngún suốt mười mấy năm, nuôi ba đứa con gái học hành đàng hoàng lấy chồng ở phố, còn mỗi ông quanh quẩn bên giàn dâm bụt cũ.

Ông bán mì lá theo kí, cứ cân kí tính tiền, không chỉ bỏ sỉ cho mấy quán mì Quảng lớn nhỏ trong thôn mà còn bán lẻ cho những người tự nấu mì tại nhà. Mì kí cũng có nghĩa là, nhà ai trong xóm hết gạo nấu cơm, ghé qua ông Hỉ mua ít mì về ăn đỡ đói, ông đều cho kí sổ thiếu nợ. Mỗi năm ông Hỉ lại gạch bỏ sổ một lần, dù có những cái tên chưa trả hết nợ.

Hồi xưa lắc, một kí mì đâu đó chừng bốn, năm nghìn đồng. Chừng đó năm qua đi, nay một kí mì cũng chỉ mười ba nghìn. Rẻ là vậy nhưng có người vẫn mua chịu mua thiếu.

Hoặc do nghèo, tiền bạc dành dụm cho trăm thứ khác phải lo. Hoặc những đứa trẻ con mất cả ba lẫn má do đợt dịch bệnh mấy năm trước, đang sống nhờ sự đùm bọc của làng xóm.

Hoặc mấy bà bán vé số, lượm ve chai, đi quanh cả ngày dài mà chưa kiếm được đồng nào. Hoặc bởi vài người ưng gom lại tính một lần cho khoẻ. Hoặc có kẻ kiếm cớ qua nhà nói chuyện với ông Hỉ đỡ buồn.

Như bà Hậu ở xóm trên, cứ cách vài ba ngày lại cuốc bộ tới nhà ông Hỉ mua mì. Bữa không mua bán chi thì bà đem qua cho trái mướp, rổ rau tập tàng, dăm cái trứng gà so. Như kiểu bọn trẻ hay nói, có nợ qua lại mới thành cớ gặp nhau. Đám giỗ vợ ông Hỉ, ba đứa con gái bận bịu chuyện công việc chồng con không về sớm được, may nhờ bà Hậu mà mâm cúng tươm tất hơn.

Bà Hậu hay ghẹo ông Hỉ, ý muốn dọn qua ở luôn, đã mấy lần dò hỏi nhưng ông đều ậm ờ lảng sang chuyện khác. Mỗi sáng dậy sớm đi bộ thể dục, thỉnh thoảng ông ra nổng cát thăm mộ vợ, nhổ mớ cỏ mới mọc lan, tưới chậu hoa đặt cạnh tấm bia hoặc ngồi nghỉ mệt ngắm mặt trời dần lên. Ông có kể vợ nghe về bà bạn già miệng mồm lanh lẹ hệt như bọn trẻ bây chừ.

Chiến trường K cướp chồng khỏi tay bà Hậu khi mới chớm xuân sắc. Bà ở vậy nuôi má chồng và con trai mà chưa từng ngó nghiêng ai dù có vài đám đánh tiếng. Chừ thằng con mua nhà ở phố, nửa năm mới dẫn dâu cháu về một lần.

Dường như những đứa trẻ quê luôn muốn thoát khỏi mùi rạ rơm chỉ để hít khói bụi sặc phổi. Thôn xóm quanh quẩn toàn mấy ông bà già với vườn cây, chim chóc và những cánh đồng mênh mang cỏ.

Nhưng họ vẫn luôn ở đó, là chốn an yên để những đứa con tha hương có nơi tìm về.

– Hay là tui qua đây phụ ông tráng mì hỉ? Không lấy tiền công, bao ăn ở là được.

Bà Hậu lại nửa đùa nửa thiệt.

Ông Hỉ dùng cuống lá chuối chấm dầu phụng trong chén phết đều lên từng lá mì, tay nhịp nhàng như người nghệ sĩ gảy phím đàn. Rồi ông trải lá mì lên máy cắt, quay cán cho từng sợi mì chạy xuống. Chờ bà Hậu lặp lại câu nói lần thứ hai, ông mới ngẩng đầu lên hơi nghiêng tai về phía bà. "Hỉ! Bà nói cái chi tui nghe chưa rõ?".

Ngoài bờ rào, những bông hoa dâm bụt đỏ rực khẽ lay trong gió. Trời đã ngả về chiều. Hoàng hôn nhuộm nền mây đỏ cam rực rỡ soi rõ những cánh chim đang thong thả bay về tổ sau một ngày dài...

Lời bình tác phẩm *Đảo*

1. Biển đảo của đất nước ta từ bao đời nay đã in dấu sâu đậm trong lịch sử và tâm hồn người Việt. Chính vì thế, mỗi bài thơ viết về biển đảo đều để lại những ấn tượng khó phai, và bài thơ *Đảo* của tác giả Nguyễn Tiến Thanh cũng không ngoại lệ. Với lời thơ giản dị, mộc mạc, *Đảo* đã vẽ nên không gian biển đảo, đất trời của Tổ quốc đẹp tựa một huyền tích. Vượt lên sự khắc nghiệt của nơi *"bắt nguồn những cơn bão"*, *"cách quê nhà bao hải lí"* hay tiếng *"gió theo trường bạt tiếng trùng khơi"*, cùng nỗi nhớ quê nhà da diết, những người chiến sĩ trên đảo vẫn không ngại gian khổ, hi sinh. Họ đã *"ôm biển vào tay"*, *"dựng tiền tiêu trên đảo nổi xa bờ"*, làm cột mốc sinh mệnh giữ gìn chủ quyền biển đảo thiêng liêng. Bài thơ còn chứa đựng những hình ảnh tráng lệ, đầy chất lãng mạn như: *"Cánh hải âu chở nắng đến chân trời"*, *"Tên chiến sĩ điệp trùng như sóng bể"* hay *"Mảnh trời biếc rạng ngời bên bờ sóng"*. Những câu thơ ấy không chỉ làm nổi bật vẻ đẹp hùng vĩ của biển cả và trời nước, mà còn khơi dậy trong lòng độc giả niềm tự hào về những người chiến sĩ biển đảo – những "Bộ đội Cụ Hồ" luôn cống hiến hết mình vì Tổ quốc.

Nguyễn Thanh Tú

Ninh Phụng, TX. Ninh Hoà, Khánh Hoà

2. Bài thơ *Đảo* của tác giả Nguyễn Tiến Thanh như một bản hoà ca trữ tình, vừa sâu lắng vừa kiêu hãnh, dẫn dắt người đọc đến với vùng biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc. Từng câu thơ như những đợt sóng vỗ vào lòng, để lại cảm giác mênh mang và tràn đầy tự hào. Mở đầu bài thơ, hình ảnh *"Những con người ôm biển vào tay"* đã khắc hoạ vẻ đẹp hiên ngang của người lính đảo, những con người hoà mình với biển cả bao la, lắng nghe nhịp đập của sóng để cảm nhận hình hài quê hương. Qua những câu thơ tiếp nối, sự hoang sơ và kì vĩ của đảo xa hiện lên sống động, với mây bay, sóng vỗ, và bầu trời xanh biếc làm nền cho hình ảnh người chiến sĩ kiên trung *"gió thao trường bạt tiếng trùng khơi"*. Bài thơ không chỉ kể chuyện về thiên nhiên mà còn khơi dậy những xúc cảm da diết: nỗi nhớ đất liền – "quê mẹ", sự khắc khoải chờ đợi mùa xuân về cùng đàn chim di trú, hay nỗi niềm gửi vào cây phong ba đầy sức sống. Chính hình ảnh ấy khiến người đọc cảm nhận được sự gắn bó bền chặt giữa con người và thiên nhiên, giữa người lính đảo và đất liền. *Đảo* không chỉ là một tác phẩm miêu tả cảnh vật mà còn là một bản tình ca của lòng yêu nước sâu sắc.

Nguyễn Ninh

Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Lời bình tác phẩm *Lao xao tiếng rao đêm*

1. Với những ai đã từng sống ở Hà Nội và yêu Hà Nội, tiếng rao bán hàng trong đêm thực sự là một âm thanh gợi nhớ đặc biệt, *"không sao lẫn được"* giữa thành phố nhộn nhịp và sầm uất này. Bằng giọng văn mềm mại, giàu cảm xúc, tác giả Nguyễn Thị Bích Chuyên đã tái hiện đầy chân thực và sống động những thanh âm *"nho nhỏ"* của muôn vàn tiếng rao với các âm sắc riêng biệt, tạo nên một bản hoà ca về đêm *"làm xao xuyến những cảm xúc không tên"*. Đó là cảm giác mênh mang, khắc khoải, thấm đẫm một nỗi buồn dịu nhẹ, vừa hoài niệm vừa day dứt. Dẫu xã hội ngày càng phát triển, những tiếng rao dần thưa vắng và được thay thế bằng các công cụ hiện đại, nhưng sự vất vả, nhọc nhằn của những con người lao động vẫn hiện hữu, nhắc nhở chúng ta biết cảm thông và sẻ chia với những mảnh đời còn khó khăn. *Lao xao tiếng rao đêm* đã khắc hoạ một vẻ đẹp rất riêng của đêm Hà Nội – một vẻ đẹp giản dị mà sâu lắng, mãi vấn vương trong kí ức của nhiều người. Qua đó, chúng ta thêm trân trọng nét đẹp lao động của những con người bình dị – những "nhịp đập không nghỉ" của phố phường, một chút lặng yên giữa guồng quay hối hả và xô bồ của cuộc sống hiện đại.

Đào Thuỷ

Giáp Bát, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

2. Tác phẩm *Lao xao tiếng rao đêm* của Nguyễn Thị Bích Chuyên là một bức tranh sống động về đời sống con người Hà Nội, nơi tiếng rao đêm không chỉ là âm thanh quen thuộc mà còn chất chứa những nỗi niềm sâu lắng của người mưu sinh. Bằng giọng văn tinh tế và giàu cảm xúc, tác giả đã khéo léo tái hiện khung cảnh phố phường khi đêm về, nơi những con người nhỏ bé miệt mài lao động trong cái tĩnh lặng của thành phố. Tiếng rao giữa đêm không chỉ đơn thuần là lời mời gọi mua bán mà còn là tiếng nói của ước mơ, hi vọng và cả những nỗi khắc khoải của cuộc sống. Qua từng câu chữ, Nguyễn Thị Bích Chuyên đã truyền tải thành công cảm xúc, khiến người đọc cảm nhận rõ nét sự vất vả, nhọc nhằn của những phận người, đồng thời thấy được vẻ đẹp kiên cường và bền bỉ của họ. Tác phẩm như một lời nhắc nhở chúng ta trân trọng hơn những giá trị bình dị, đời thường và biết cảm thông với những mảnh đời lặng lẽ góp phần tạo nên nhịp sống của xã hội.

Nguyễn Thị Ánh Ngọc

Lớp 7A3, THCS Lê Văn Thiêm, TP. Hà Tĩnh, Hà Tĩnh

3. Sự phát triển của xã hội là một điều tuyệt vời, nhưng đồng thời cũng đồng nghĩa với việc những nét đẹp của quá khứ dần phai mờ, để lại trong lòng mỗi người những mảng kí ức ngập tràn thương nhớ khó tả. Tác phẩm *Lao xao tiếng rao đêm* của Nguyễn Thị Bích Chuyên đã khơi dậy thành công hình ảnh và âm thanh đẹp đẽ của Hà Nội xưa qua những tiếng rao đêm của bao người bán hàng rong. Hà Nội trong từng câu văn hiện lên thật thân quen, với những con phố nhỏ hẹp, nơi tiếng rao đêm vang vọng của những con người lam lũ, vất vả gợi lên sự đồng cảm và xót xa. Đó là tiếng rao của cậu bé bán bánh mì, của bác bán xôi nóng bánh khúc, của các bà bán sắn hay bánh giò mỗi đêm – tất cả như đã khắc sâu vào kí ức của tác giả, trở thành những hình ảnh không thể phai nhoà. Hà Nội ngày nay bước vào kỉ nguyên mới với sự phát triển vượt bậc của công nghệ và máy móc. Nhưng cũng chính lúc ấy, những tiếng rao đêm dường như chỉ còn văng vẳng trong miền kí ức xa xôi. Giữa nhịp sống hối hả và tấp nập, liệu chúng ta có còn bắt gặp những tiếng rao thân thương ấy trong những con hẻm nối dài của Hà Nội?

Nguyễn Hoàng Tuệ Minh
Lớp 7A1, THCS Phúc Lợi, Q. Long Biên, Hà Nội

4. *Lao xao tiếng rao đêm* của Nguyễn Thị Bích Chuyên là một tác phẩm mang đậm chất trữ tình, khơi gợi thành công những cảm xúc man mác trong lòng người đọc về những ngày thơ bé qua tiếng rao đêm. Những tiếng rao mang nhiều màu sắc và âm thanh riêng biệt, văng vẳng từ ngoài mặt đường vào trong chăn ấm, từ mặt đất tối thẫm, ướt át lên lưng chừng trời. Dù lặng lẽ, nhưng chúng tạo nên một giai điệu luôn gợi nhớ trong lòng người con Hà Nội về những con phố nhỏ, nơi mọi người thường quây quần bên nhau trong căn phòng ấm áp, ngóng chờ những tiếng rao hằng đêm. Nhưng giai điệu ấy lại mang nhiều nốt nhạc buồn, một giai điệu hiu hắt, lạnh tái tê. Những âm thanh khắc khoải, nhỏ nhẹ ấy cũng làm xao xuyến bao con tim về những số phận lam lũ, vất vả, mang vác trên vai một gánh nặng mưu sinh. Dù mùa đông giá rét hay hoàn cảnh như thế nào, họ vẫn luôn cần mẫn với sạp hàng của mình. Hà Nội hôm nay đã khác xưa nhiều lắm, nhưng những người từng gắn bó với Hà Nội sẽ còn nhớ mãi tiếng rao năm xưa. Qua đây, tác giả gửi gắm thông điệp sâu sắc rằng: Hãy trân trọng những điều bình dị, đầy ý nghĩa trong cuộc sống của chúng ta.

Đỗ Nguyễn Bảo Trâm
Lớp 7A1, THCS Phúc Lợi, Q. Long Biên, Hà Nội



Thể lệ
Cuộc thi Vui học Ngữ văn

Với mong muốn mở rộng không gian học tập, tạo sân chơi thú vị hoá việc học, Viện Nghiên cứu Sách và Học liệu Giáo dục - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tiếp tục tổ chức cuộc thi **Vui học Ngữ văn**. Cuộc thi hứa hẹn là một sân chơi bổ ích, lí thú giúp các bạn học sinh mở rộng kiến thức tiếng Việt, rèn luyện kĩ năng viết văn, phát huy năng lực tự học, năng lực kết nối văn học với cuộc sống.

I. ĐỐI TƯỢNG DỰ THI

Học sinh THCS và THPT toàn quốc.

II. NỘI DUNG CUỘC THI

Hàng tháng, Văn học và Tuổi trẻ đăng tải một đề thi Vui học Ngữ văn. Đề gồm 4 phần: *Phần Một - Khởi động, Phần Hai - Khám phá, Phần Ba - Tăng tốc, Phần Bốn - Về đích.*

III. THỂ THỨC

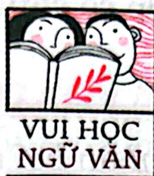
Mỗi thí sinh chỉ được gửi 1 bài dự thi mỗi tháng, trình bày dưới dạng văn bản chuẩn mực, khoa học. Học sinh có thể tham gia cả 4 phần hoặc chọn tham gia phần mình yêu thích, BTC sẽ chấm riêng từng phần để trao thưởng. Bài dự thi cần ghi rõ họ tên, lớp/trường, số điện thoại và địa chỉ liên hệ.

IV. TRAO THƯỞNG

Hàng kì, BTC cuộc thi sẽ chấm và trao thưởng cho các bạn có kết quả tốt. Đặc biệt, kết thúc năm học, BTC sẽ tổng kết và trao giải cho các bạn học sinh tích cực tham gia và có bài dự thi đạt kết quả cao.

V. THỜI GIAN VÀ ĐỊA CHỈ NHẬN BÀI

- Bài dự thi gửi về email: **vuihocnguvan2022@gmail.com** hoặc gửi bài địa chỉ **Văn học và Tuổi trẻ**, 187B Giảng Võ, P. Cát Linh, Q. Đống Đa, Hà Nội. Số điện thoại: (024) 35122847.
- Tiêu đề thư ghi rõ: **Dự thi Vui học Ngữ văn**.
- Thời hạn nhận bài: Trước ngày 15 của tháng tiếp theo.



Vui học Ngữ văn

đề thi tháng 2.2025

Chủ đề: Tuổi thanh xuân rực rỡ

PHẦN MỘT: KHỞI ĐỘNG

1. Tìm tên 15 tác phẩm của nhà thơ Xuân Quỳnh trong bức thư giấu tên sau:

Gửi cậu,

Chiều nay, mình ngồi dưới hiên nhà, ngắm những tia nắng cuối ngày đang dần nhạt đi trên cánh đồng mùa xuân. Có gì đó trong gió nhắc mình nghĩ về cậu, như những con sóng khẽ vỗ vào bờ, dịu dàng mà chẳng ồn ào.

Mình từng nghe mẹ kể, rằng trong mỗi câu chuyện cổ tích về loài người, luôn có những khoảnh khắc thật đẹp mà người ta mãi giữ trong tim. Cậu biết không, hình bóng cậu trong mắt mình cũng giống như vậy – đơn giản nhưng đáng nhớ, như lời ru của mẹ mỗi đêm êm đềm.

Mình thích những ngày trưa hè, khi tiếng gà trưa vọng lại, như gọi mình về miền kí ức. Có lần cậu đọc cho mình nghe một bài thơ tình cuối mùa thu, câu chữ ấy đã ở lại, gợi lên những cảm xúc chẳng dễ gọi tên.

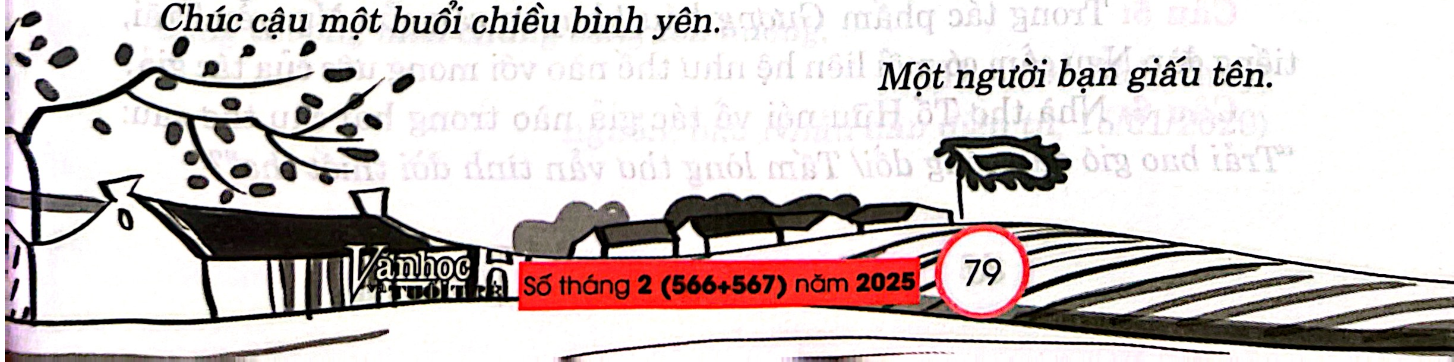
Cậu giống như một bông hoa cỏ may, lặng lẽ nhưng luôn để lại dấu ấn nơi mình đi qua. Dẫu có là gió Lào cát trắng khô khan, mình vẫn nghĩ, chỉ cần cậu xuất hiện, mọi thứ sẽ trở nên dịu dàng hơn.

Có đôi lúc, mình thấy mình giống cô gió mất tên, lang thang không biết mình nên làm gì, nên nói gì để cậu hiểu. Vậy mà, mình vẫn muốn nói cùng cậu, rằng mỗi lần nghĩ đến cậu, lòng mình như được sưởi ấm, giống như tự nghe mình tự hát lên những giai điệu của riêng hai chúng ta.

Những điều này có lẽ mình sẽ giữ lại, như ép một bông hoa ti-gôn nhỏ vào trang vở – nhẹ nhàng và kín đáo. Nhưng nếu cậu tình cờ nhận ra, hãy coi đó là chút rung động mình muốn gửi đến cậu – một người bạn đặc biệt mà bạn Lộc chắc hẳn cũng sẽ khen là tuyệt vời.

Chúc cậu một buổi chiều bình yên.

Một người bạn giấu tên.



2. Điền các từ láy thích hợp có chứa dấu "sắc" vào các chỗ trống sau đây:

Buổi sáng mùa xuân

Sáng sớm, tớ thức giấc, cảm nhận hơi thở mát lành của mùa xuân ... ... len lỏi qua khung cửa sổ hé mở. Bên ngoài, ánh nắng ... ... tinh khôi nhẹ nhàng chiếu xuống, làm bừng sáng cả khoảng sân trước nhà. Cây cỏ xanh mướt, từng chiếc lá non ... ... long lanh sương sớm như đang mỉm cười chào đón một ngày mới. Tiếng chim ... ... vang lên từ những tán cây xa gần, như khúc ca trong trẻo ngợi ca vẻ đẹp của mùa xuân.

Đưa mắt nhìn xa, tớ thấy những bông hoa đào hồng thắm ... ... trong gió nhẹ, từng cánh hoa mỏng manh mà kiên cường, tựa lời nhắc nhở về sự sống mãnh liệt. Hoa cúc vàng rực rỡ, từng đoá như mặt trời nhỏ lan toả ánh sáng ... ... Dòng suối gần rừng chảy ... ..., nước trong vắt phản chiếu bầu trời xanh ngắt, gợi cảm giác thanh bình đến lạ.

Tâm hồn tớ bỗng nhẹ bẫng, bâng khuâng trước sắc xuân tràn đầy. Mọi lo âu như tan biến theo làn gió xuân thoảng qua, ... trên những tán lá xanh. ... ., một làn gió nhẹ lại ùa về, mang theo hương thơm ngọt ngào của hoa cỏ thấm vào lòng, khiến tớ có một cảm giác rạo rực khó tả. Mùa xuân giống như một người bạn dịu dàng, rạng rỡ với những khởi đầu tràn đầy sức sống, nhắc nhở rằng thiên nhiên luôn biết cách chữa lành, tiếp sức và thắp sáng hi vọng, giúp tớ bước tiếp trên hành trình đầy thử thách của mình.



PHẦN HAI: KHÁM PHÁ

Câu 1: Câu tục ngữ *"Tháng Giêng rét đài, tháng hai rét lộc, tháng ba rét nàng Bân"* phản ánh hiện tượng thời tiết nào?

Câu 2: Trong *Tiếng đàn Ba-la-lai-ca trên sông Đà*, nhà thơ Quang Huy có viết: *"Chiếc đập lớn nối liền hai khối núi/ Biển sẽ nằm bỡ ngỡ giữa cao nguyên"*, cho ta thấy sự kì vĩ của công trình lịch sử nào?

Câu 3: Xuân Diệu đã viết về chiến khu nào qua những câu thơ: *"Cây cây, núi núi trùng trùng/ Quê hương cách mạng oai hùng, thẩm nghiêm"*?

Câu 4: Ý nghĩa của câu tục ngữ: *"Tháng bảy kiến bò, chỉ lo lại lụt"*?

Câu 5: Trong tác phẩm *Gương báu khuyên răn* của Nguyễn Trãi, tiếng đàn Ngu cầm có mối liên hệ như thế nào với mong ước của tác giả?

Câu 6: Nhà thơ Tố Hữu nói về tác giả nào trong hai câu thơ sau: *"Trải bao gió dập sóng dồi/ Tấm lòng thơ vẫn tình đời thiết tha"*?

PHẦN BA: TĂNG TỐC

Đọc văn bản sau:

Thương mến toả hương

[...] Trong mưa xuân năm ấy, tôi nghe như là những cái lá đang cựa mình chui khỏi cành. Những cái lá non, xanh nhạt, bé tí xíu, kiên cường chui ra khỏi vỏ cây, bất chấp những hạt sương cuối đông đầu xuân vẫn còn đang lạnh giá. Là những cơn mưa bụi và vài cơn gió ấm đã đánh thức cành lá ấy. Và chỉ ít ngày nữa thôi, khi những cái lá đủ cứng cáp và màu xanh non đã phủ lên cả khu vườn, thì hoa cam bắt đầu nở. Tôi thấy cây cam rùng mình trong gió, những hạt sương rơi xuống vai tôi, y như là nó muốn khoe về vẻ đẹp rạng ngời của một bà mẹ vĩ đại đang nứt mình ra cho những đứa con hé mắt chào cuộc đời vô cùng xinh đẹp.

Hoa cam trắng, li ti, dày đặc và thơm hăng hắc. Mùi thơm của hoa cam không hề giống với bất kì hoa nào cùng loài, chanh hay bưởi, hay quất. Mình nó một mùi, giản dị mà kiêu hãnh, lạnh lùng nhưng quấn quýt trì níu và tuyệt đối tinh khôi. Một bông hoa cam có thể mang trong nó mùi của cả một khu vườn.

Bố mẹ tôi trồng cam để phục vụ cho cuộc sống sinh hoạt, học tập của đàn con, nhưng tôi thì tin vào số phận của chúng. Một cơ duyên kì lạ nào đó đã mang chúng đến khu vườn này, chứ không phải bất kì khu vườn nào khác ở vùng núi ấy. Chúng có số phận ở lại, lớn lên, ra hoa ra quả, rụng lá và nảy mầm, suốt năm này qua năm khác bên cạnh sự lớn lên của tôi. Chúng có linh hồn, biết yêu thương và biết giận dỗi. Tôi tin cây cam mà tôi hay tựa vào luôn biết chia sẻ với tôi mọi cảm xúc. Khi tôi vui nó reo lên bằng cách lay động những cánh hoa và ra sức toả mùi hương, khi tôi buồn bã nó yên lặng, êm ái, độ lượng để tôi tựa vào. Tôi còn nhớ một năm nào đó tôi tự đánh dấu chiều cao của mình lên thân cây, và Tết năm sau tôi thấy tôi vẫn cao ngang cái vạch ấy. Tôi không thể hiểu nổi vì sao. Rõ ràng là cái áo năm trước mặc vừa năm nay đã cộc cũn cỡn, mà cái vết đo ở trên thân cây lại chẳng hề thay đổi. Tôi kể điều đó với mẹ, mẹ cười chảy cả nước mắt. Anh tôi nheo mắt nhìn tôi và nói: Em nghĩ rằng chỉ có em lớn thôi sao? Thế đấy, tôi đã quên mất rằng sau một năm tôi lớn lên thì cái cây nó cũng lớn lên chứ. Rồi có ngày tôi thành thiếu nữ thôi và cái cây thì đã làm mẹ từ bao giờ.

Tôi đã tạm biệt khu vườn ấy và để lại sau lưng những mùa hoa cam trắng xoá cả thung lũng. Để lại mùi hương ấm áp, quấn quýt, đầy ắp những thương mến.

Càng thương mến chúng càng toả hương.

(Theo Đỗ Bích Thuý,
nguồn: báo *Nhân dân điện tử*, 15/01/2020)

Thực hiện các yêu cầu:

1. Đề tài của văn bản trên là gì?

2. Em ấn tượng với chi tiết nào về thiên nhiên hoặc con người trong văn bản? Vì sao?

3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong các câu văn sau: *"Chúng có linh hồn, biết yêu thương và biết giận dỗi. Tôi tin cây cam mà tôi hay tựa vào luôn biết chia sẻ với tôi mọi cảm xúc. Khi tôi vui nó reo lên bằng cách lay động những cánh hoa và ra sức toả mùi hương, khi tôi buồn bã nó yên lặng, êm ái, độ lượng để tôi tựa vào."*.

4. Qua đoạn trích, em có nhận xét gì về tình cảm của nhà văn đối với khu vườn và cây cam?

5. Từ văn bản trên, em có suy nghĩ gì về việc trân trọng những vẻ đẹp xung quanh mình?

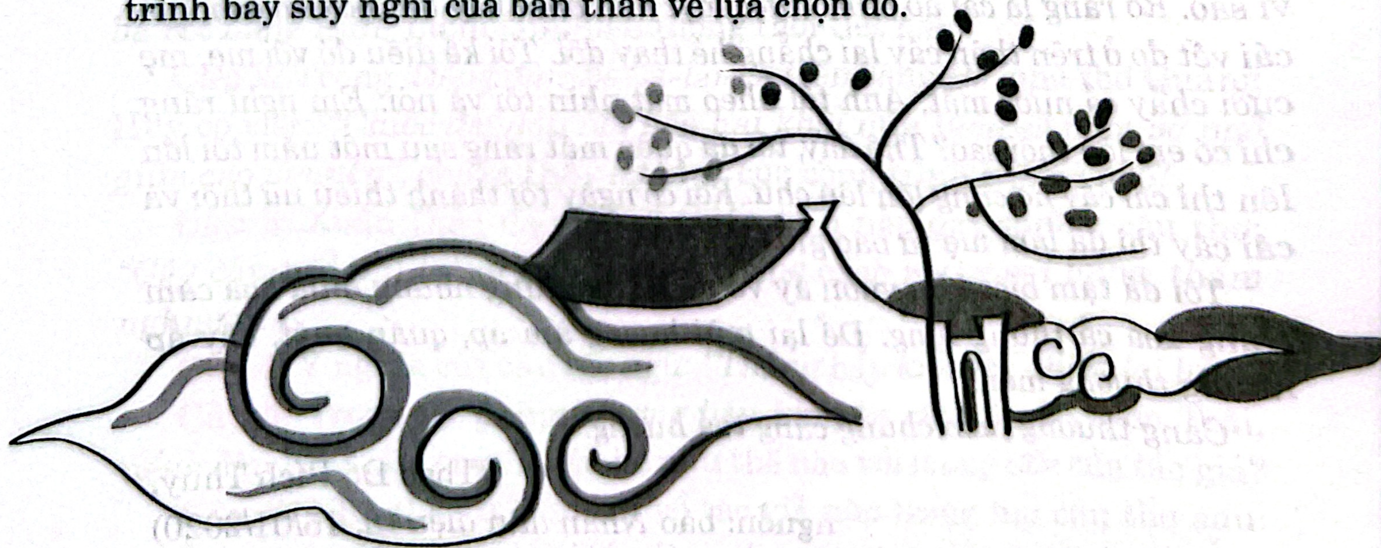
PHẦN BỐN: VỀ ĐÍCH

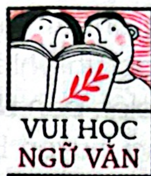
Nhà thơ Lưu Quang Vũ từng viết:

Tôi chọn bài ca của mùa hạ nắng
Tôi chọn bài ca của người gieo hạt
Hôm nay là mầm, mai sẽ thành cây
Khổ đau dẫu nhiều, tôi chọn niềm vui
Là suối mát lòng tôi gửi bạn
Một cuộc đời – một bài ca duy nhất
Tôi chẳng muốn điệu hát buồn là kỉ niệm về tôi

(Trích *Tôi chẳng muốn kỉ niệm về tôi là một điệu hát buồn,*
Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi,
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2022, tr.185)

Em sẽ chọn "bài ca" nào cho cuộc đời mình? Hãy viết một bài văn trình bày suy nghĩ của bản thân về lựa chọn đó.





ĐÁP ÁN "VUI HỌC NGỮ VĂN"

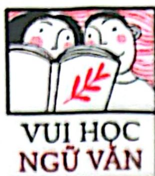
(Tháng 12.2024)

CÁC TÁC PHẨM CÓ TRONG BỨC THƯ "ĐI TÌM KÍ ỨC..." LÀ: *Ngày khai trường trong mơ; Bạn Lộc; Củ khoai nướng; Cây bàng mùa xuân; Tiếng mùa xuân; Khu vườn tuổi thơ; Nào cùng hát lên những giai điệu gió...; Tên làng; Tiếng hát tháng Giêng; Cây hoa chưa được trồng; Bao nhiêu thương nhớ cho vừa?; Chuyện chiếc ấm sứt vòi, Bốn mùa; Nhớ xanh như cốm; Cánh đồng vàng; Những người cõng chữ lên cao; Thị trấn bên kia sông; Mẹ và quả; Chiều cuối năm; Chợ phiên vùng cao những ngày giáp Tết; Thời gian; Con meo, con mẻo, con mèo; Giữ tên miền; Nhà mẹ; Mùa hoa xoan; Con đường không chọn; Về nhà Bác ở làng Sen; Hi vọng; Chạm thu; Nắng ấm sân trường; Cúc dại và tia nắng; Mắt Trường Sa; Trên mặt đá cạn khô; Thăm thầy giáo cũ ; Về cha; Theo mạ về với cậu; Quê nội; Sài Gòn mùa lá rụng; Trên mảnh đất khô cằn; Mùa xuân khẽ đến; Mùa thơm vườn mẹ; Tổ quốc ; Đường chân trời; Xóm nhỏ mờ xa; Chùm gửi biển; Chúng ta sống để lắng nghe...; Mẹ tôi!; Cổ tích khuyến học; Tiếng Việt mến yêu; Người trong nắng.*

DANH SÁCH HỌC SINH NHẬN THƯỞNG VUI HỌC NGỮ VĂN (THÁNG 12.2024 + 1.2025)

1. Nguyễn Quỳnh Anh, 7A5, THCS Yên Lạc, H. Yên Lạc, Vĩnh Phúc; **2. Lê Thanh Lâm**, 6A6, THCS Cầu Giấy, Q. Cầu Giấy, Hà Nội; **3. Nguyễn Thị Ánh Ngọc**, 7A3, THCS Lê Văn Thiêm, TP. Hà Tĩnh, Hà Tĩnh; **4. Nguyễn Anh Bảo Ngọc**, 8A8, THCS Nguyễn Tuấn Thiện, H. Hương Sơn, Hà Tĩnh; **5. Trần Thị Hương Giang**, 8A2, THCS Vũ Duệ, H. Lâm Thao, Phú Thọ; **6. Lê Thị Minh Anh**, 8A3, THCS Lê Văn Thịnh, H. Gia Bình, Bắc Ninh; **7. Nguyễn Quỳnh Mai**, 7B, THCS Hoàng Xuân Hãn, H. Đức Thọ, Hà Tĩnh; **8. Thái Quỳnh Như**, 8B, THCS Sơn Kim, H. Hương Sơn, Hà Tĩnh.

VH&TT mong tiếp tục nhận được sự tham gia cuộc thi từ bạn đọc trên mọi miền Tổ quốc.



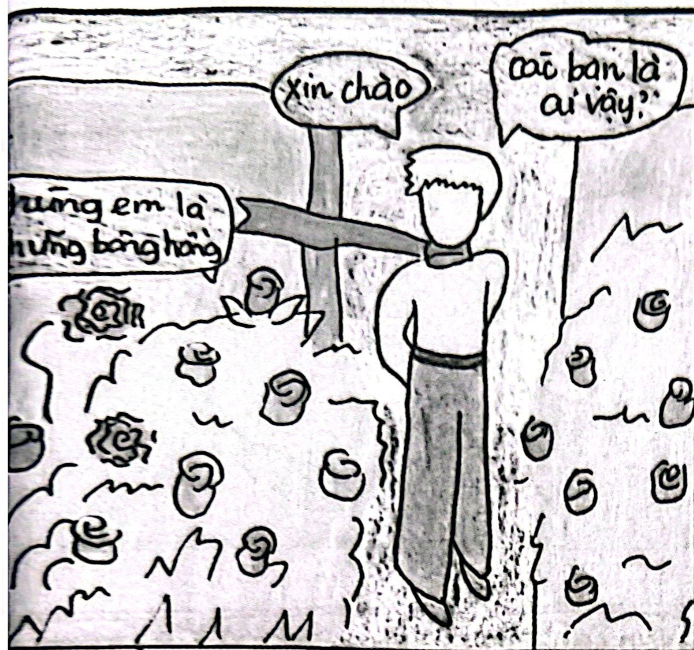
Trong khuôn khổ chuyên mục Vui học Ngữ văn, học sinh không chỉ được tiếp cận tác phẩm văn học qua những trang sách mà còn có cơ hội sáng tạo, thể hiện cảm nhận cá nhân qua nhiều hình thức mới lạ. Đặc biệt, bạn **Nguyễn Hải Linh**, học sinh lớp 7A1, Trường THCS Lý Tự Trọng, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã lựa chọn cách thể hiện văn bản *Nếu cậu muốn có một người bạn* (trích *Hoàng tử bé*) trong SGK *Ngữ văn 6*, tập một, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống)* thông qua hình thức truyện tranh. Bằng những nét vẽ sinh động, Hải Linh không chỉ khắc hoạ rõ nét cuộc gặp gỡ giữa hoàng tử bé và cáo, mà còn mở ra một cách tiếp cận mới mẻ, giúp văn học trở nên gần gũi và dễ tiếp nhận hơn, truyền tải những thông điệp ý nghĩa một cách sống động và hấp dẫn.

Hoàng Tử Bé

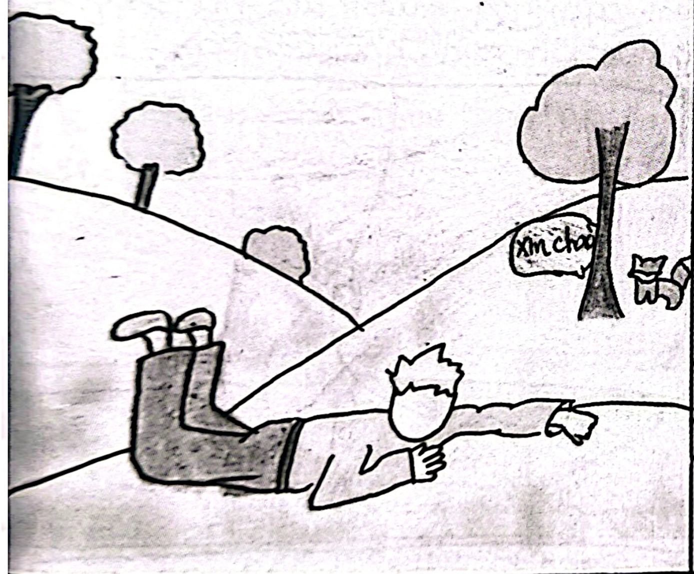
NẾU CẬU MUỐN CÓ MỘT NGƯỜI BẠN

NGUYỄN HẢI LINH 7A

ANTOINE DE SAINT - EXLIPÉRY

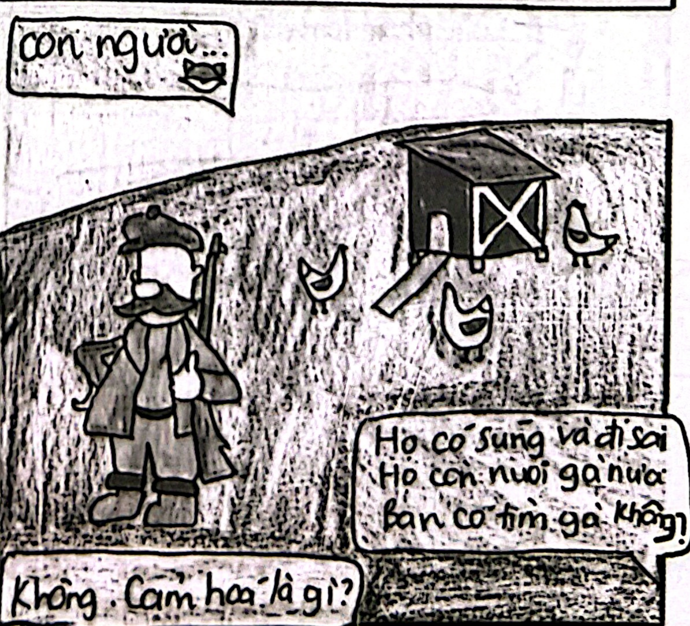

Xin chào
Các bạn là ai vậy?
hưng em là hững bông hồng


Cô nàng sẽ chạnh lòng lắm khi thấy cảnh này. Cô nàng sẽ ho rũ rượi và giả vờ như sắp chết để không bị quê.


âu nằm phục xuống cỏ và khóc. Lúc đó...
Xin chào


Bạn là ai? Đến chơi với mình đi. Mình buồn quá!
Mình là cáo. Mình không thể chơi với bạn được. Mình chưa được cảm hóa

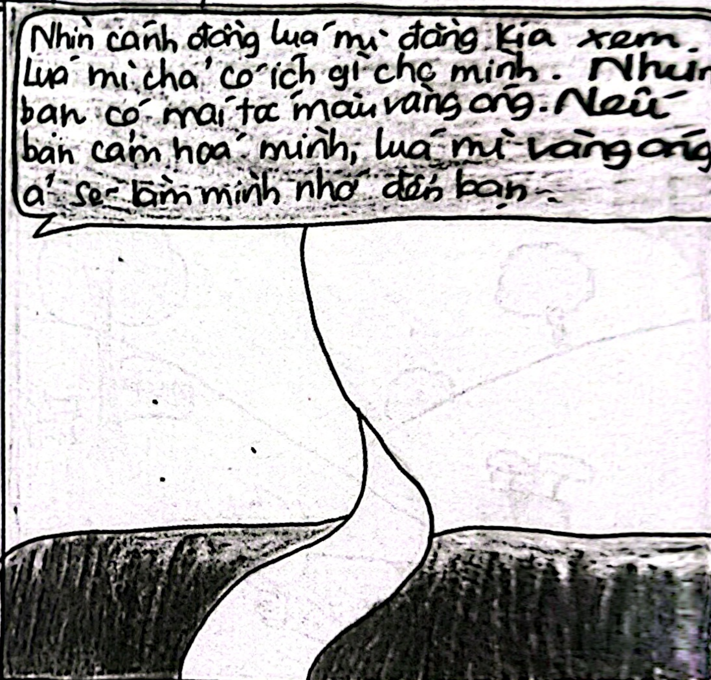

Cảm hóa là gì?
Mình đi tìm con người
Bạn không phải người ở đây. Bạn tìm gì vậy?


Con người...
Họ có súng và đi săn. Họ còn nuôi gà nữa. Bạn có tìm gà không?
Không. Cảm hóa là gì?

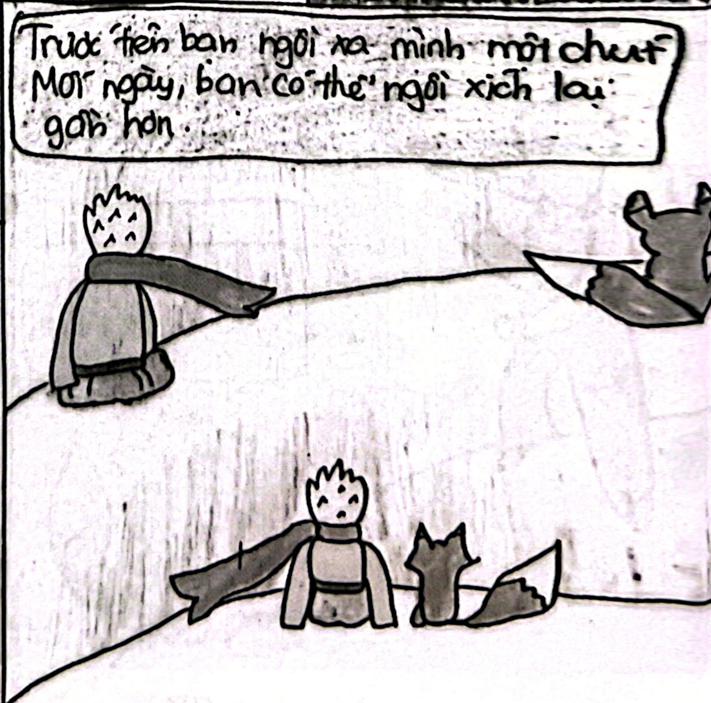

Chứ sao!... Nếu bạn cảm hoá mình, tụi mình sẽ cần đến nhau. Bạn đối với mình là duy nhất. Mình đối với bạn cũng là duy nhất.
Nó là tạo mối ràng buộc...
Tạo một mối ràng buộc??

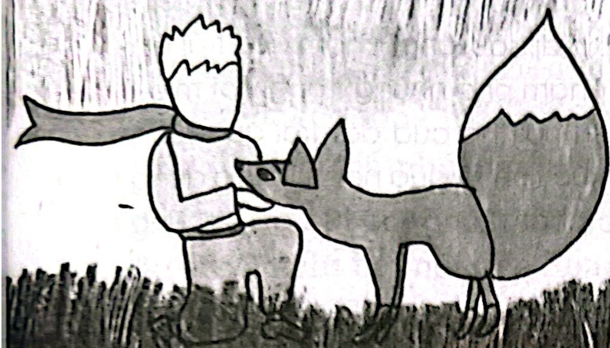

Có một bông hoa. Mình nghĩ nó đã cảm hoá mình
Trên Trái Đất có đủ chuyện.
Ồ! Không phải Trái Đất
Thật thú vị!

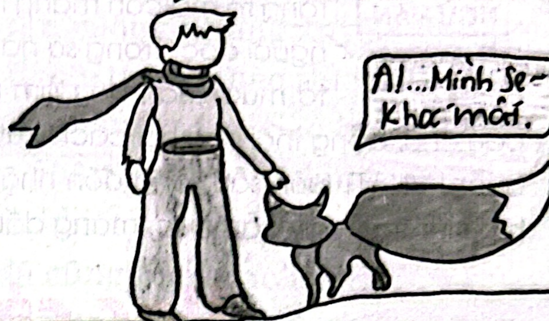

Cuộc sống của mình thật đơn điệu. Mình săn gà, con người săn mình. Nên mình hơi chán. Nếu cậu cảm hoá mình, xem như đời mình đã được chiếu sáng


Nhìn cánh đồng lúa mì đằng kia xem. Lúa mì chả có ích gì cho mình. Nhưng bạn có mái tóc màu vàng óng. Nếu bạn cảm hoá mình, lúa mì vàng óng ấy sẽ làm mình nhớ đến bạn.

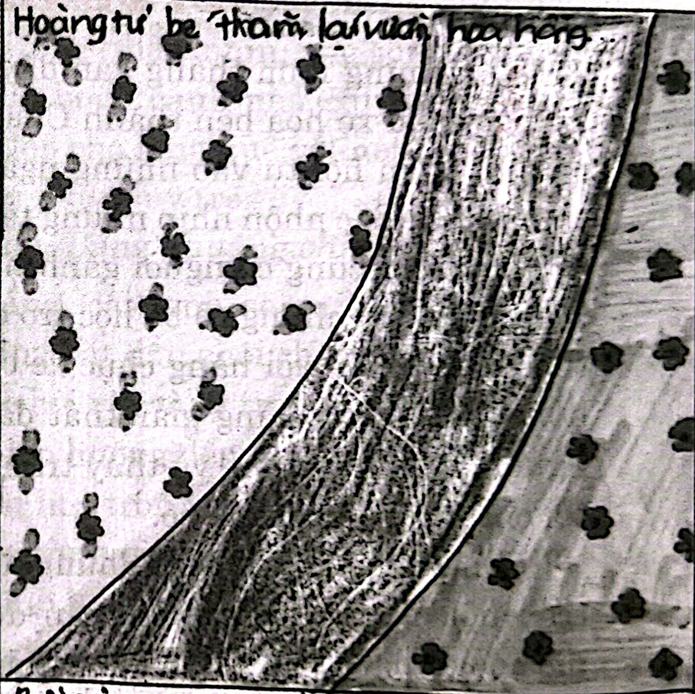

Cần phải làm sao?
Bạn làm ơn... Cảm hoá mình đi.

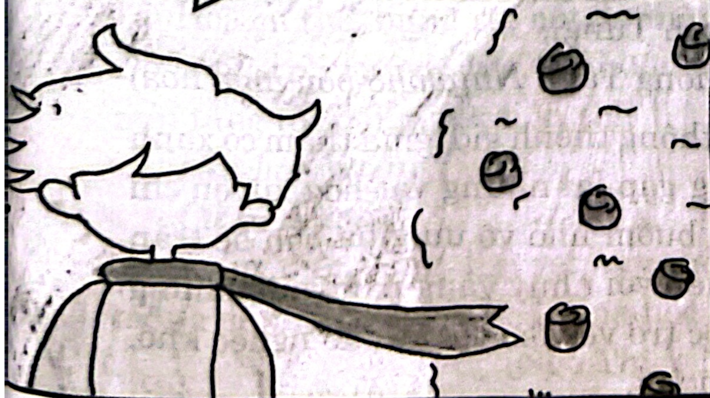

Trước tiên bạn ngồi xa mình một chút. Mỗi ngày, bạn có thể ngồi xích lại gần hơn...


Cứ như thế, hoàng tử bé đã cảm hóa con cáo...

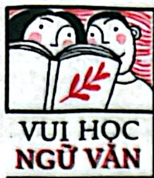

Khi gần đến lúc phải ra đi...
Lỗi do bạn đó. Mình không muốn làm bạn đau lòng, nhưng bạn lại muốn mình cảm hoá bạn.
A!... Mình sẽ khóc mất.


Hãy thăm lại vườn hoa hồng đi. Bạn sẽ hiểu rằng bông hoa của bạn là duy nhất trên đời. Rồi mình sẽ tặng bạn một bí mật làm quà.


Hoàng tử bé thăm lại vườn hoa hồng...


Các bạn chẳng giống bông hồng của tôi chút nào cả, các bạn chưa là gì cả. Chẳng ai cảm hoá các bạn và các bạn chẳng cảm hoá ai...


Rồi cậu quay trở lại chỗ con cáo...
Tớ phải đi rồi
Đây là bí mật của tớ. Rất đơn giản.



Mùa xuân – mùa của muôn sắc hoa rực rỡ, của sự sinh sôi và hi vọng – từ lâu đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận trong văn chương. Dưới ngòi bút của các nhà văn, mùa xuân không chỉ hiện lên tươi đẹp, rạng rỡ mà còn mang những nét bình dị, sâu lắng, chạm đến trái tim người đọc. Trong số này, hãy cùng khám phá những trang viết miêu tả mùa xuân để cảm nhận trọn vẹn hơi thở của đất trời qua từng câu chữ, đồng thời học hỏi cách truyền tải cảm xúc tinh tế qua ngôn từ. Và đừng quên, VH&TT luôn sẵn sàng đón nhận những tác phẩm sáng tạo từ bạn – những bài viết tràn đầy cảm xúc, mang dấu ấn riêng.

Học các nhà văn *viết về mùa xuân*

1. Những năm tháng gần đây, phố Phan Đình Phùng xuất hiện nhiều xe hoa bên thành Cửa Bắc hoặc dọc hè đường. Mọi người có thói quen hội tụ vào những ngày cuối tuần để chụp ảnh đẹp. Bên thành Cửa Bắc nhộn nhịp những tà áo dài muôn sắc màu bên các quầy hoa. Đôi khi cũng có người gánh hàng hoa như hồi xưa tạo nên cảnh thơ mộng cho những cô bé học trò cấp hai. Phải nói một chợ hoa hình thành tự nhiên với hàng chục xe chở những giỏ hoa đủ loại. Bất ngờ hơn, một số cửa hàng giải khát đã trở thành nơi dịch vụ cho những người đẹp trang điểm và thay trang phục. Chợ hoa xuất hiện từ sáng tới chiều tối bên thành cổ.

Con đường Phan Đình Phùng lúc nào cũng tươi sắc như mùa xuân trẩy hội. Nhiều ngày cuối tuần đường còn bị nghẽn tắc giao thông một đoạn dài vì những nam thanh nữ tú tới chụp ảnh. Đúng là một không gian của *"Những gót son dập dìu đại lộ/ Bờ môi ai đậm đỏ bích đào"* (Phan Vũ). Tôi bị thôi miên và trôi đi trong hồn phố rêu phong. Những đoá sen hồng trên tà áo dài như sóng sánh trên mặt hồ ảo mộng. Giai điệu quê hương luôn ngân vang: *"Áo bay trên đường như mây xuống phố/ Áo tung sân trường tựa cánh chim câu/... Thoáng thấy áo dài bay trên đường phố/ Sẽ thấy tâm hồn quê hương ở đó em ơi!". (Một thoáng quê hương* – Từ Huy và Thanh Tùng).

(Vương Tâm, *Nhịp phố bốn mùa hoa*)

2. Chiều, bước đi trên triền đê thông thênh gió, giữa thảm cỏ xanh mướt ở chốn quê nhà, ta bỗng gặp lại những vạt hoa xuyến chi đang rập rờn như muôn ngàn cánh bướm nhỏ vô ưu giữa bộn bề trần gian. Mải mê ngắm sắc hoa thân quen với nhụy vàng nằm giữa những cánh trắng mỏng manh, ta như được trở về với tuổi ấu thơ nghèo khó, với cuộc sống thanh bình, ấm áp, an vui.

Cúc áo, đơn kim hay xuyến chi đều là tên gọi chung của loài hoa đã cho ta quá nhiều kỉ niệm. Ai ở nông thôn mà chẳng biết đến xuyến chi bởi sự gần gụi, gắn bó với người dân quê. Chỉ là loài hoa dại mọc ven đường hay ở khắp các triền đê, bờ sông, ven ruộng nhưng xuyến chi lại mang một sức sống mãnh liệt. Dù ở bất cứ môi trường nào thì xuyến chi cũng đều có thể phát triển và cho hoa nở quanh năm. Sắc hoa xuyến chi chân mộc, nền nã nhưng không kém phần xinh xắn, đáng yêu. Ta yêu xuyến chi bởi nét đẹp hoang sơ, thuần khiết, những cánh hoa mỏng manh cứ dập dìu trong gió khiến ai sắt đá cũng phải nao lòng.

[...] Đi suốt chiều dài nỗi nhớ trong bóng hoàng hôn quê nhà, những cành xuyến chi vẫn rung rinh như thể chào đón một đứa trẻ ngày xưa trở về với mảnh đất thân thương chợt làm ta xúc động, bâng khuâng. Chính xuyến chi đã cho ta bài học về sự nhẫn nhịn, sức sống bền bỉ, vượt mọi gian nguy. Dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, xuyến chi vẫn vươn lên, sinh sôi và góp phần làm đẹp cho làng quê với nét dịu dàng, thanh khiết bên cạnh dòng sông, bến nước, luỹ tre...

(Lê Mạnh Thường, *Bâng khuâng chiều xuyến chi*)

3. Ra Tết, chừng hơn nửa tháng, cái lạnh se se hiếm hoi của phương Nam vừa dứt hẳn, nắng bắt đầu chói chang hơn, lũ học trò từ bỏ những ngày vui rộn ràng lễ hội vội vàng trở về cùng sách vở. Tôi vẫn giữ thói quen nhìn qua cửa lớp hướng đến mấy tàng cây xanh um lá một góc sân trường. Những nụ hoa tròn xoe như cúc áo bắt đầu xuất hiện chi chít trên từng nhánh từng cành. Hoa trổ từng chùm, cứng cáp vươn thẳng từ đám lá in hình lên bầu trời xanh, khoẻ khoắn và tự tin. Người ta gọi nó là cây lim xẹt, cây điệp vàng nhưng một cô bạn dạy Văn cười cười bảo tôi rằng đó là hoa cườm thảo.

Nắng gắt gao hơn. Một chu kì lặp lại. Cứ đến khoảng thời gian đó, thời tiết đó, màu trời đó, là trang giáo án lật ra đúng vào những chương mục đó. Tôi đưa tay lau vội vàng giọt mồ hôi rịn ra trên trán hướng mắt nhìn lên. Những nụ hoa đầu tiên bắt đầu nở bung ra, khoe sắc vàng ánh ỏi. Vén vạt áo dài, tôi bước lên bục giảng. Mùa thi đến rồi đó, các em.

Hoa cứ thế, bung ra, hết đợt này đến đợt khác, sung mãn, tràn trề. Đó là lúc trời như đổ lửa, mồ hôi ướt đẫm lưng áo. Cả thầy lẫn trò miệt mài tăng tốc đối mặt với kì thi.

Hoè hoa hoàng,
Cử tử mang...

Vâng, điệp vàng, lim xẹt hay cườm thảo... trong tôi chỉ mộng mị một sắc hoa hoè. Hoa hoè của những mùa thi.

(Ngô Thị Ý Nhi, *Mộng hoàng hoa*)



ĐỀ ÔN LUYỆN
CÂU LẠC BỘ VĂN – TOÁN TUỔI THƠ
ĐỀ CÁ NHÂN, MÔN NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 60 phút)

Khương Thị Phương Anh
GV. Trường THCS Phạm Huy Quang, H. Đông Hưng, Thái Bình

A. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Thế nào là biệt ngữ xã hội?
A. Là từ ngữ chỉ được dùng duy nhất ở một địa phương.
B. Là từ ngữ được dùng trong tất cả các tầng lớp xã hội.
C. Là từ ngữ được dùng trong một tầng lớp nhất định.
D. Là từ ngữ được dùng trong một thời đại cụ thể.

Câu 2. Từ nào sau đây không cùng nhóm với 3 từ còn lại?
A. Líu lo C. Lóng lánh
B. Lập loè D. Lơ lửng

Câu 3. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu sau:
"..." là vấn đề được luận bàn trong văn bản nghị luận.
A. Luận đề C. Luận cứ
B. Luận điểm D. Bằng chứng

Câu 4. Văn bản nào sau đây không phải văn bản nghị luận?
A. *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn)
B. *Chiếu dời đô* (Lý Công Uẩn)
C. *Tuyên ngôn Độc lập* (Hồ Chí Minh)
D. *Bên bờ Thiên Mạc* (Hà Ân)

Câu 5. Chỉ ra các từ Hán Việt có trong các câu sau:

Dừng cương nghỉ ngựa non cao
Dặm xa lữ thứ kẻ nào héo hon
Đi rồi, khuất ngựa sau non
Nhỏ thưa tràng đạc tiếng còn tịch liêu

(Huy Cận, *Đẹp xưa*)

Câu 6. Phần in đậm trong câu *"Sông Hương – **dòng sông thơ mộng của xứ Huế**, đã trở thành điểm đến của biết bao du khách"* là thành phần gì?
A. Thành phần cảm thán B. Thành phần gọi – đáp
C. Thành phần tình thái D. Thành phần phụ chú

Câu 7. Câu *"Các cậu ơi, hãy chịu khó đợi một chút!"* thuộc kiểu câu?

A. Câu cảm B. Câu khiến

C. Câu kể D. Câu hỏi

Câu 8. Câu tục ngữ nào dưới đây đồng nghĩa với câu: *"Thâm đông, hồng tây, dựng mây/ Ai ơi ở lại ba ngày hãy đi?"*

A. *Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa.*

B. *Tháng bảy kiến bò, chỉ lo lại lụt.*

C. *Trăng quầng trời hạn, trăng tán trời mưa.*

D. *Mống đông, vồng tây, chẳng mưa dây cũng bão giật.*

Câu 9. Ý nào không phải đặc điểm của các truyện cười?

A. Nghệ thuật so sánh, nhân hoá, điệp ngữ làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

B. Hình thức ngắn gọn, ngôn ngữ dân dã, ý nhị, đầy hàm ý.

C. Kín đáo phê phán một số thói xấu của con người.

D. Xây dựng cốt truyện đơn giản, bất ngờ, gây cười.

Câu 10. Dòng nào sau đây nêu đúng nghĩa hàm ẩn của câu tục ngữ *"Cái nết đánh chết cái đẹp"*?

A. Sự mâu thuẫn giữa vẻ bề ngoài và tâm hồn bên trong

B. Có danh tiếng tốt quan trọng hơn có nhiều của cải, tiền bạc

C. Cái đẹp về đạo đức có giá trị cao hơn hẳn cái đẹp bề ngoài

D. Vẻ đẹp ngoại hình quan trọng hơn vẻ đẹp tính cách

B. TỰ LUẬN NGẮN

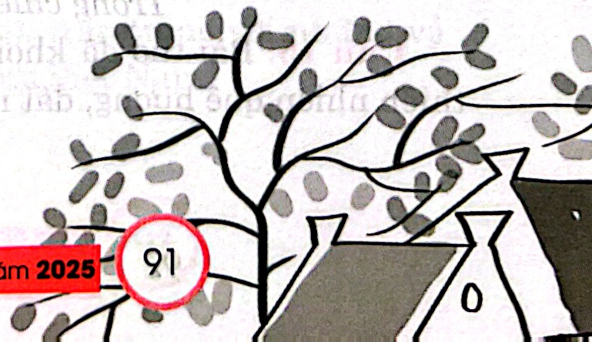
Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

Giấc khuya

Chị gió trở mình xào xạc
Trên cành me trước hiên nhà
Những chiếc lá vàng mơ ngủ
Nhẹ chân nhảy xuống chậu hoa

Mẹ con thím gà mái Đốm
Cũng đang thin thít giấc nồng
Ngoài trời se se ngọn gió
Mẹ con thím có lạnh không?





Dòng sông thở đều tiếng sóng
Đắp lên tấm chăn trăng vàng
Con thuyền cũng vào giấc mộng
Trong chiếc màn sương mơ màng

Chỉ có bà trăng là thức
Canh cho giấc ngủ êm đềm
Ông mặt trời hay ngủ trước
Để mai đánh thức mọi người.

(Nguyễn Lãm Thắng, trích *Giấc mơ buổi sáng*, NXB Văn học, 2017)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 11: Lựa chọn từ ngữ phù hợp điền vào chỗ trống ở cuối mỗi dòng sau:

– Từ *"xào xạc"* trong câu thơ *"Chị gió trở mình xào xạc"* mô phỏng ....

– Từ *"êm đềm"* trong câu thơ *"Chỉ có bà trăng là thức/ Canh cho giấc ngủ êm đềm"* gợi ....

Câu 12: Hãy liệt kê những hình ảnh thiên nhiên, sự vật được nhắc đến trong bài thơ *Giấc khuya*. Hãy nhận xét về những hình ảnh đó.

Câu 13: Trong bài thơ, em thích nhất hình ảnh nào? Vì sao?

Câu 14: Chỉ ra và phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong khổ thơ sau:

Dòng sông thở đều tiếng sóng
Đắp lên tấm chăn trăng vàng
Con thuyền cũng vào giấc mộng
Trong chiếc màn sương mơ màng

Câu 15: Bài thơ đã khơi dậy trong em những tình cảm gì đối với thiên nhiên quê hương, đất nước? (trình bày trong khoảng 8 – 10 câu)



HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

A. TRẮC NGHIỆM

1. C; **2**. A; **3**. A; **4**. D; **5**. cương, lữ thứ, tịch liêu; **6**. D; **7**. B; **8**. D; **9**. A; **10**. C.

B. TỰ LUẬN NGẮN

11. *"Xào xạc"* mô phỏng âm thanh của tiếng gió, tiếng lá cây.

"Êm đềm" gợi sự yên tĩnh (không có sự xao động, tạo cảm giác yên ổn).

12. Liệt kê các hình ảnh thiên nhiên, sự vật: *gió, cành me, lá vàng, chậu hoa, mẹ con thím gà, trời, gió, trăng,...*

Nhận xét: Những hình ảnh thiên nhiên, sự vật rất gần gũi, quen thuộc thường gắn với làng quê. Qua ngòi bút miêu tả của tác giả, những hình ảnh này hiện lên ngộ nghĩnh, đáng yêu, thơ mộng.

13. Học sinh tự do chia sẻ chi tiết mình yêu thích và giải thích được lí do hợp lí:

– Ví dụ: Hình ảnh *"Chị gió trở mình xào xạc"*.

– Hình ảnh thiên nhiên hiện lên ngộ nghĩnh, đáng yêu qua phép tu từ nhân hoá – gọi sự vật bằng chị, gắn cho các hoạt động như con người, có cả trạng thái, cảm xúc...

14. Chỉ ra một biện pháp tu từ và phân tích tác dụng của biện pháp đó:

– Biện pháp tu từ nhân hoá: dòng sông – *thở đều tiếng sóng, đắp tấm chăn trăng vàng*; con thuyền – *vào giấc mộng*; màn sương – *mơ màng*.

– Tác giả sử dụng những từ ngữ vốn chỉ hoạt động, trạng thái của con người để gắn cho sự vật, khiến sự vật hiện lên sinh động, gợi cảm, ngộ nghĩnh, đáng yêu, rất gần gũi và có linh hồn riêng.

– Thể hiện tình cảm yêu mến thiên nhiên của tác giả.

15. Bài thơ miêu tả bức tranh thiên nhiên, sự vật vào thời điểm mùa đông thật sinh động, gần gũi. Chính điều đó đã khơi dậy trong lòng em tình yêu thiên nhiên, sự gắn bó, niềm tự hào, trân trọng với những vẻ đẹp bình dị của con người, quê hương đất nước Việt Nam.



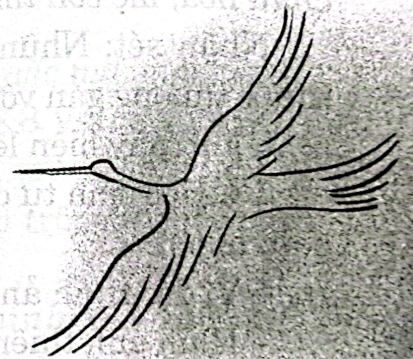
Một ánh trăng Giêng vành vạnh trước nhà

Đặng Quốc Hoàng
GV. Trường THCS Thạnh Yên, H. U Minh Thượng, Kiên Giang

Đã bao mùa trăng đi qua
đã bao lần quên lỗi hẹn
trăng Giêng chợt về trước ngõ
vành vạnh một ánh trăng đầy

đã bao thăng trầm dâu bể
đã bao ước vọng cao vời
chạnh lòng mái đầu điểm bạc
quê nhà một góc bao dung

đêm huyễn hoặc
gió đùa cùng mây biếc
không gian mờ
hờ hững ánh trăng ngà
dáng trang đài
mộng mị nét kiêu sa
trăng mê dụ
dậy hương tình lơi lả

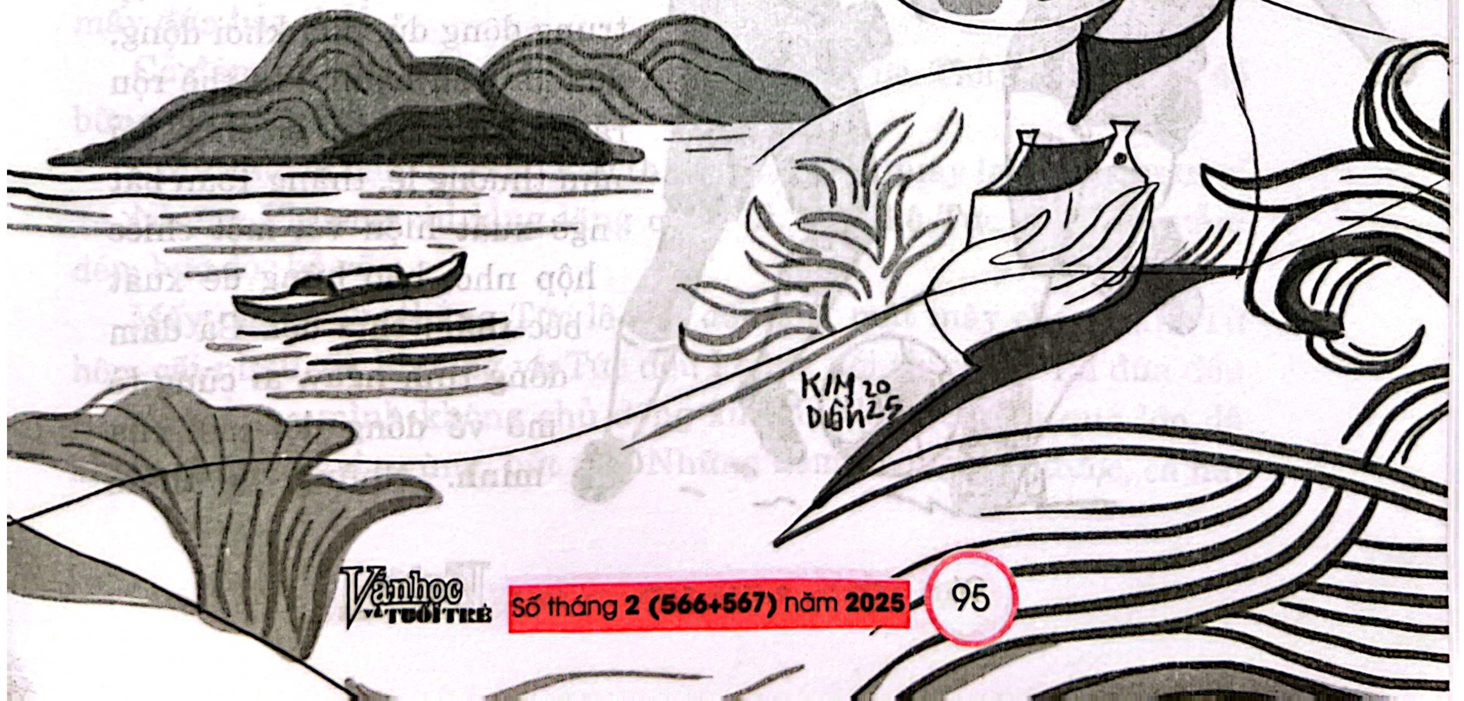


ta phiêu diêu trong giấc mộng trăng đầy
ta mê mải vốc cạn tình trăng nhớ
ta vụng dại ôm mối sầu trăng vỡ
giấc mơ nào ôm ấp cuộc hoan ca
một ánh trăng Giêng vành vạnh trước nhà...

Đất nước tôi

Nguyễn Kiều Trang
Lớp 7A5, THCS Trưng Vương, H. Mê Linh, Hà Nội

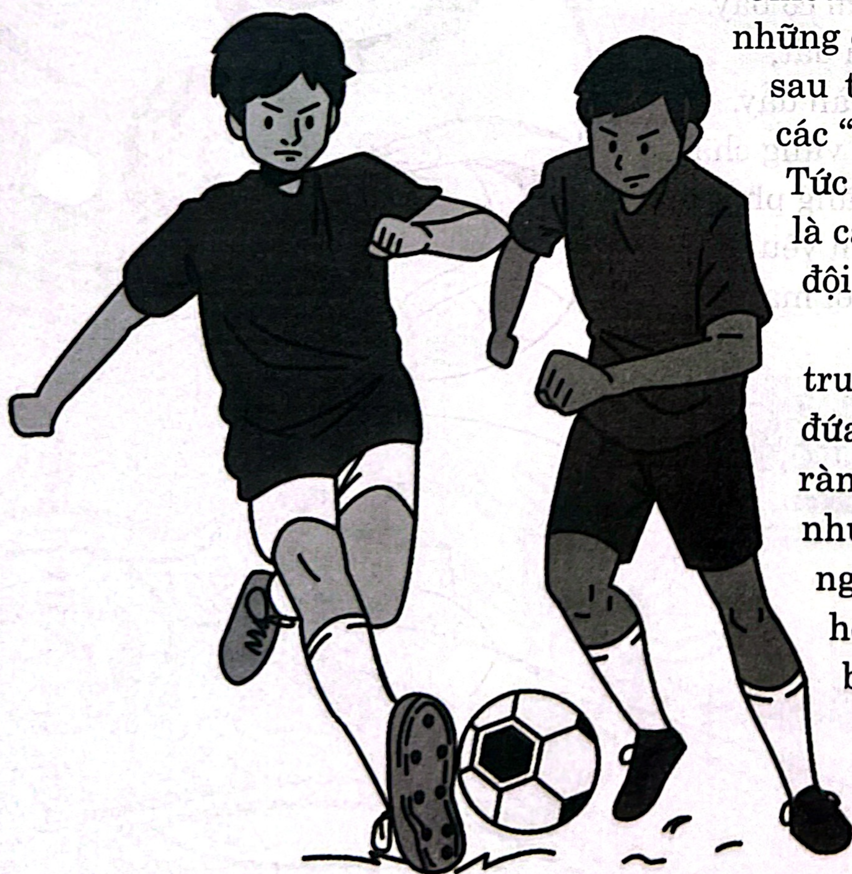
Đất nước tôi, dáng hình cong mềm mại,
Tựa cánh chim vươn biển lớn, trời xanh.
Mỗi ngọn núi, mỗi dòng sông lặng chảy,
Đều khắc sâu bao thế kỉ hùng anh.
Đất nước tôi, từ tay người khơi dựng,
Mồ hôi rơi trên lúa trổ đồng vàng.
Từ cát trắng đến rừng xanh biếc thẳm,
Đều ghi công bao lớp trẻ hiên ngang.
Đất nước tôi, ngọt lành như khúc hát,
Tiếng mẹ ru nơi bến nước đong đầy.
Tình yêu ấy trải qua bao thế hệ,
Thấm cội nguồn trong từng giấc mơ say.
Đất nước tôi, dù bão giông cuồng nộ,
Vẫn hiên ngang giữ sắc thắm cờ bay.
Từ máu đỏ đến mồ hôi thấm đất,
Là niềm tin, là khát vọng tràn đầy.
Đất nước ơi, mãi trường tồn vững chãi,
Tựa hồn thiêng sông núi chẳng phai màu.
Con xin nguyện sống vì niềm yêu dấu,
Giữ quê hương mãi rạng ngời mai sau.



Túc và Phương

Phan Khánh Hạ
Lớp 11A4 , THPT số 1 Phù Cát, H. Phù Cát, Bình Định

Túc và Phương là đôi bạn thân từ thuở nhỏ. Cả hai lớn lên ở cùng một làng, học chung một lớp, gắn bó như hình với bóng, đến nỗi nhiều người còn tưởng là anh em ruột. Túc vốn tên là Tuất, nhưng vì mọi người quen gọi chệch thành Túc nên cái tên ấy dần trở nên phổ biến. Túc hiền lành, sống với người dì không chồng con nhưng rất thương yêu cậu. Phương thì trái ngược: con nhà khá giả, bảnh bao, thông minh, và được coi là cậu trai nổi bật nhất làng. Mặc dù khác biệt, tình bạn của họ bền chặt và chưa từng xảy ra mâu thuẫn.



Chiều nay, trận bóng cam go giữa những cầu thủ nhí sẽ diễn ra ở sân sau trường tiểu học, nơi tụ họp các "tài năng bóng đá tương lai". Túc và Phương, với danh tiếng là cặp đôi bất bại, luôn được các đội nhiệt tình săn đón.

Tới sân, bọn trẻ đã tập trung đông đủ, đứa khởi động, đứa chuyền banh, khí thế rộn ràng. Khi chuẩn bị chia đội như thường lệ, thằng Toàn bất ngờ xuất hiện với một chiếc hộp nhỏ, hào hứng đề xuất bốc thăm chia đội. Cả đám đồng tình ngay, ai cũng tò mò về đồng đội mới của mình. Những lá thăm

khiến bọn trẻ vui buồn lẫn lộn: đứa nhảy cẫng vì được chơi cùng bạn thân, đứa thì tiu nghỉu vì không may mắn. Đến lượt Tức và Phương, kết quả thật bất ngờ: Tức vào đội B, còn Phương ở đội A. Lần đầu hai đứa khác đội, cảm giác vừa lạ lẫm vừa thú vị. Tức cười lớn:

– Phương, tao không thua đâu nhé!

Phương đáp lại bằng một nụ cười thách thức.

Trận đấu bắt đầu, quả bóng lăn qua lăn lại trên sân, chuyền từ chân này sang chân khác, dần nhuốm bụi đất. Tiếng gọi nhau vang vọng, mùi mồ hôi mặn mòi hoà quyện cùng không khí sôi động của trận đấu. Đội A dẫn trước một điểm, nhưng đội B quyết tâm không để thua. Tình huống căng thẳng xảy ra khi thằng Tón sút một cú cực mạnh, đưa bóng về phía khung thành đội A. Tuấn, thủ môn đội A, đỡ bóng bằng ngực rồi chuyền xuống chân, chuẩn bị phá bóng ra biên. Nhưng Tức đã nhanh chân cản bóng và sút thẳng vào lưới đội A trong sự ngỡ ngàng của tất cả.

Cả đội B vỡ oà trong niềm vui, trong khi Phương không hề hài lòng. Cậu lớn tiếng:

– Khoan, tao thấy rõ ràng trái banh ra khỏi biên rồi, điểm này không tính!

– Này, đừng có xạo sự, rõ ràng trái banh chưa tới biên! – Các thành viên đội B bắt đầu cãi lại, làm không khí hai đội trở nên ầm ĩ. Thằng Tức, bản tính hiếu thắng chẳng kém, lớn tiếng:

– Tao không ăn gian, mắt nào của mày thấy trái banh ra khỏi biên? Tao đứng gần, tao biết rõ mà!

– Nhưng tao thấy! Lúc đó chân mày cũng bước ra khỏi biên, như vậy là phạm luật! – Thằng Phương không chịu thua, đáp trả gay gắt.

Cả sân bóng hỗn loạn. Một vài đứa bắt đầu xô đẩy. Tính nóng nảy của thằng Phương khiến nó buột miệng lớn tiếng:

– Thôi mày im đi, đừng nói nữa! Tao không thích nói chuyện với mấy đứa bảo thủ!

Cả đám im bặt, mắt đổ dồn vào Phương và Tức. Thằng Tức, mặt đỏ bừng giận dữ, hét lên:

– Mày nói ai bảo thủ hả? Này thằng kia, mày quay lại đây, Phương!

Nhưng Phương chỉ lẳng lặng quay đi, mặc kệ Tức giận dữ giẫm dép, bực dọc bỏ về.

Mấy ngày sau, thằng Tức lê cặp đến lớp, mặt mày chán nản. Từ hôm cãi nhau, cả Phương và Tức đều không nói chuyện. Mỗi đứa đều tự hỏi tại sao mình không chủ động xin lỗi. Có lẽ cái tôi quá lớn đã khiến chúng ngại ngùng, bứt rứt. Những đêm không ngủ được, cả hai

đều tiếc nuối, nghĩ: "Giá như mình đừng cãi nhau...".

Buổi tiệc sinh nhật năm nay của Tức vẫn diễn ra như mọi năm, nhưng thiếu đi người bạn thân thiết nhất. Tức ngồi bên bánh kem, lâu lâu lại ngó ra cổng. Khi tiệc sắp tàn, một đứa hét lên:

– Ê, Tức! Trước nhà mày có ai kìa!

Cả đám trẻ xôn xao. Bóng người lẩn khuất ngoài cổng khiến chúng hoảng loạn. Đột nhiên, đèn tắt phụt. Những tiếng hét vang lên khắp nơi, có đứa còn rống to:

– Ma!

Khi đèn sáng trở lại, một bóng người dần hiện ra.

– Sao tụi bây nhìn tao như ma vậy? – Thằng Phương bước vào, vẻ mặt ngượng ngùng.

Cả đám thở phào. Thằng Toàn cười:

– Này, sao mày đến trễ thế? Tiệc tàn rồi!

– Tao bận... – Phương ấp úng, rồi tiến lại gần Tức, đưa ra một hộp quà dài, nói nhỏ:

– Tao có quà cho mày...

Tức mở hộp, bên trong là một cây vợt cầu lông màu xanh viền đen đẹp mắt. Ngỡ ngàng, Tức hỏi:

– Sao mày tặng tao cái này?

Phương cười ngại ngùng, lấy ra cây vợt màu đỏ giống hệt:

– Vì chơi đá banh dễ cãi nhau. Chơi cầu lông chắc không cãi nữa!

Hai đứa nhìn nhau bật cười, lòng ấm áp.

Đêm ấy, Tức và Phương nằm trên giường xếp, ngắm sao lấp lánh. Tức quay sang hỏi:

– Nếu có sao băng, mày ước gì?

– Tao ước được cãi nhau với mày thêm lần nữa.

– Hả? Tại sao? – Tức tròn mắt ngạc nhiên.

Phương cười, đáp:

– Vì sau khi cãi nhau, tao muốn nói rằng: "Tao xin lỗi mày".

Tức nhìn bầu trời, mỉm cười nhẹ:

– Tao cũng xin lỗi.

Sương đêm lạnh cắt da, nhưng sự ấm áp từ tình bạn nhỏ bé khiến mọi giá lạnh đều tan biến, chỉ còn lại sự đáng yêu của tuổi trẻ.



Một ngày làm việc

Trần Thị Hiền
Lớp 8A2, THCS Mỹ Hưng, TP. Nam Định, Nam Định

"Đó là bí mật" – câu nói ấy cùng tiếng cười quen thuộc đã trở thành câu trả lời mặc định mỗi khi tôi hỏi về nghề nghiệp của bố.

Tôi là Thắng, 8 tuổi, học lớp 3. Dù vậy, tôi vẫn là một đứa trẻ ham chơi và nghịch ngợm. Ở lớp, tôi học khá giỏi, thường xuyên được điểm cao, nhưng điều khiến tôi nổi tiếng lại là... nghề nghiệp bí ẩn của bố.

Có lần, cô giáo giao bài viết về nghề của bố. Trong khi các bạn viết say sưa, tôi chỉ ngồi cắn bút, chẳng biết viết gì.

– Thắng, sao em chưa viết? – Cô giáo hỏi.

– Em không biết bố làm nghề gì ạ. Bố em đi làm từ sáng đến tối mới về. – Tôi gãi đầu.

– Vậy em thử hỏi bố nhé. Có thể bố em làm một công việc rất đặc biệt đấy! – Cô mỉm cười.

Hôm đó, tôi quyết tâm hỏi bố. Chiều tối, khi bố vừa về, tôi chạy ngay ra:

– Bố ơi, bố làm nghề gì thế?

– Hừm... nghề của bố à? Đó là bí mật. – Bố nhìn tôi cười, rồi đi vào nhà.

Từ hôm đó, ngày nào tôi cũng hỏi, nhưng bố luôn trả lời giống nhau. Bạn bè trong lớp đứa đoán bố tôi là siêu nhân, đứa khác bảo là bác sĩ, thậm chí có bạn nói bố tôi làm... thuỷ thủ Mặt Trăng.

Không thể chịu nổi sự tò mò, tôi lên kế hoạch theo dõi bố. Sáng chủ nhật, khi bố chuẩn bị đi làm, tôi lén chui vào cốp xe ô tô. Nằm trong đó với hàng loạt đồ lỉnh kỉnh, tôi không hiểu bố cần những thứ này để làm gì. Xe chạy được một lúc, tôi thấy mệt mỏi. Đúng lúc tôi cựa quậy, thì cửa xe mở ra.

– Thắng, con làm gì ở đây thế? – Giọng bố vang lên, làm tôi giật mình.

– Con... con muốn biết bố làm nghề gì. – Tôi cúi đầu lí nhí.

Bố thở dài, rồi phì cười:

– Thôi được, lên ghế phụ đi, bố cho con đi làm cùng. Nhưng lần sau không được làm vậy nữa, nguy hiểm lắm.

– Vâng ạ! Con hứa! – Tôi mừng rỡ trèo lên ghế, lòng đầy háo hức.

Tôi háo hức đi cùng bố, mong được nghe về công việc của ông. Bố bảo: "Bố là người thực hiện ước vọng bên thế giới khác". Nghe có vẻ phi lí, nhưng đó chính là việc bố làm. Hôm nay, tôi lần đầu được tham gia cùng bố.

Chúng tôi đi qua một cánh cổng lớn, bước vào một thế giới mới. Nơi đây đẹp đến ngỡ ngàng: cây cối um tùm, tạo thành những lối đi dẫn đến một ngôi nhà nhỏ, ấm cúng. Từ trong nhà, một thiếu nữ xinh đẹp bước ra. Cô có mái tóc xanh lục mượt mà, điểm xuyết những chiếc lá và hoa, xung quanh là đàn chim nhỏ ríu rít.

– Xin chào, tôi là người ước nguyện. Chào mừng hai người đến với "Thiên nhiên".

Bố kể, cô là công chúa – con gái của Mẹ Thiên Nhiên. Công chúa dẫn chúng tôi vào nhà, nơi nội thất đều làm từ thiên nhiên: ghế từ bụi cây, bàn gỗ mộc mạc, đèn là những chú đom đóm. Trong một căn phòng, tôi thấy một bà cụ tóc bạc phơ với cơ thể đầy rác thải – túi ni lông, vỏ nhựa, thuỷ tinh – gắn chặt vào da thịt.

– Đây là mẹ tôi, Mẹ Thiên Nhiên. Bà bị bệnh do ô nhiễm. Tôi cần hai người đến sông Cội lấy hòn đá sự sống để cứu bà.

Công chúa đưa chúng tôi một tấm bản đồ. Nhìn Mẹ Thiên Nhiên, tôi vừa thương cảm vừa quyết tâm giúp bà.

– Con sẽ bảo vệ môi trường, bố ạ! – Tôi nói.

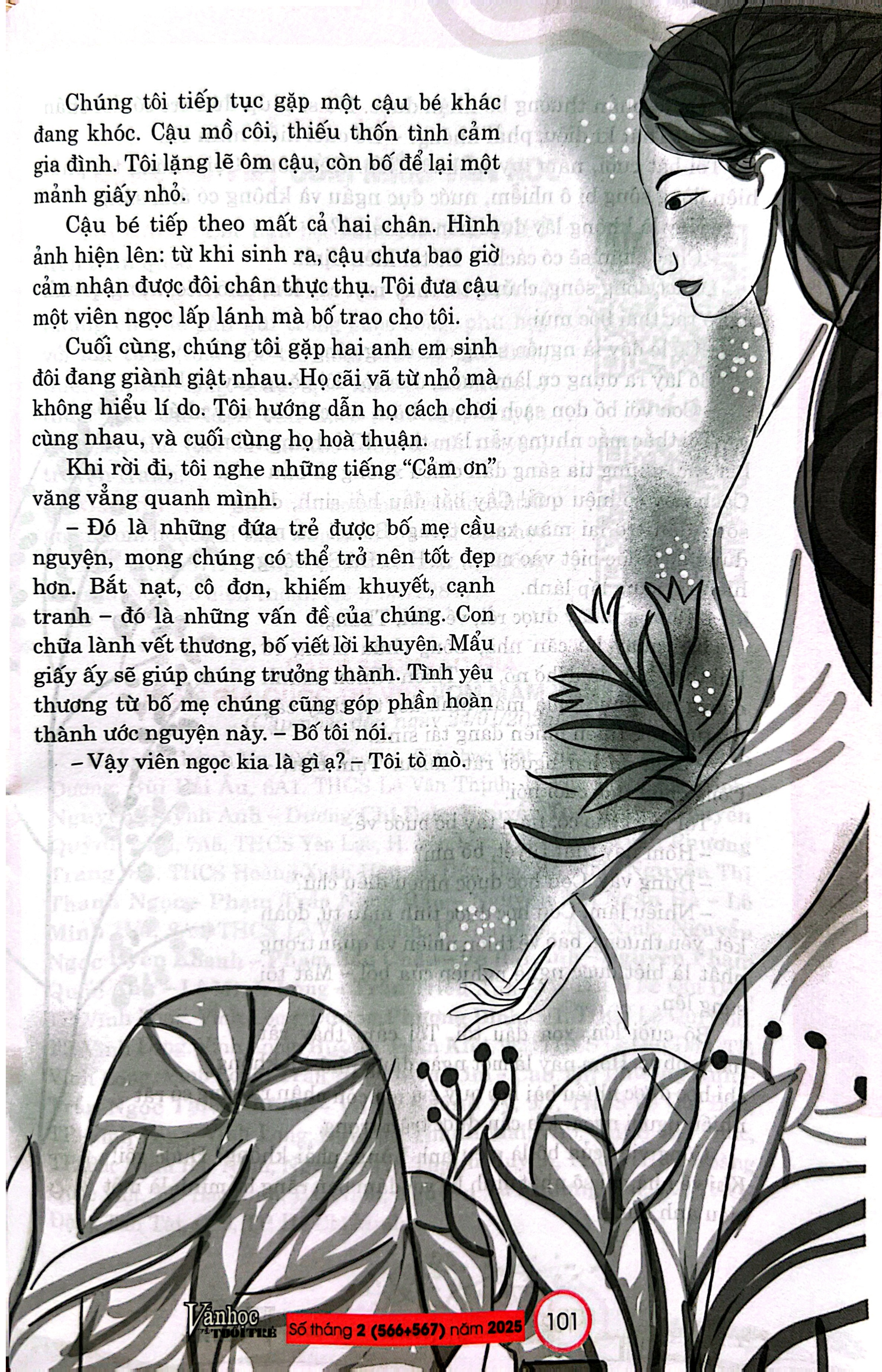
– Đúng rồi, con trai! – Bố mỉm cười.

Theo bản đồ, chúng tôi đến một ngôi làng kì lạ, nơi các ngôi nhà xếp thành vòng tròn quanh năm đứa trẻ. Khi chúng thấy chúng tôi, ánh mắt vui mừng bỗng hoá buồn thiu, rồi chuyển đỏ ngầu. Thân hình chúng biến đổi, trở thành những con quỷ cao lớn.

– Ở lại chơi với chúng tôi! – Chúng nói, giọng vang rền.

Bố kéo tôi đi trong bóng tối dày đặc. Khi ánh sáng mờ nhạt trở lại, tôi thấy một cậu bé bị thương đầy mình. Quá khứ của cậu hiện lên: bị xa lánh, bắt nạt vì vết sẹo trên mặt. Dù sợ, tôi vẫn đến gần, lau sạch vết thương và bôi thuốc cho cậu.





Chúng tôi tiếp tục gặp một cậu bé khác đang khóc. Cậu mồ côi, thiếu thốn tình cảm gia đình. Tôi lặng lẽ ôm cậu, còn bố để lại một mảnh giấy nhỏ.

Cậu bé tiếp theo mất cả hai chân. Hình ảnh hiện lên: từ khi sinh ra, cậu chưa bao giờ cảm nhận được đôi chân thực thụ. Tôi đưa cậu một viên ngọc lấp lánh mà bố trao cho tôi.

Cuối cùng, chúng tôi gặp hai anh em sinh đôi đang giành giật nhau. Họ cãi vã từ nhỏ mà không hiểu lí do. Tôi hướng dẫn họ cách chơi cùng nhau, và cuối cùng họ hoà thuận.

Khi rời đi, tôi nghe những tiếng "Cảm ơn" văng vẳng quanh mình.

– Đó là những đứa trẻ được bố mẹ cầu nguyện, mong chúng có thể trở nên tốt đẹp hơn. Bắt nạt, cô đơn, khiếm khuyết, cạnh tranh – đó là những vấn đề của chúng. Con chữa lành vết thương, bố viết lời khuyên. Mẩu giấy ấy sẽ giúp chúng trưởng thành. Tình yêu thương từ bố mẹ chúng cũng góp phần hoàn thành ước nguyện này. – Bố tôi nói.

– Vậy viên ngọc kia là gì ạ? – Tôi tò mò.

– Đó là phần thưởng bố nhận được. Nó sẽ giúp đứa trẻ có đôi chân thực sự. Thật kì diệu, phải không? – Bố cười hiền nhìn tôi.

Tôi bật cười, nắm tay bố bước tiếp. Đến sông Cội, chúng tôi phát hiện dòng sông bị ô nhiễm, nước đục ngầu và không có ánh sáng.

– Vậy là không lấy được hòn đá hả bố?

– Chắc chắn sẽ có cách. – Bố tôi kiên định.

Đi dọc dòng sông, chúng tôi thấy một cây lớn, khô héo, xung quanh ngập rác thải bốc mùi.

– Có lẽ đây là nguồn sống của dòng sông. – Bố nói.

Bố lấy ra dụng cụ làm vườn, đưa tôi đôi găng tay và bảo:

– Con với bố dọn sạch rác và chăm sóc cái cây này nhé.

Tôi thắc mắc nhưng vẫn làm theo. Khi chúng tôi nhặt hết rác, những tia sáng dần chiếu xuống từ bầu trời. Cách này có hiệu quả! Cây bắt đầu hồi sinh, dòng sông dần trở lại màu xanh trong. Bố tôi đổ một dung dịch đặc biệt vào nước, và Hòn Đá Sự Sống hiện ra, sáng lấp lánh.

– Chúng ta lấy được rồi, về thôi, Thắng!

Khi quay lại căn nhà, Công chúa mừng rỡ khi thấy hòn đá. Nhờ nó, Mẹ Thiên Nhiên nhanh chóng hồi phục. Qua màn hình ảo, tôi thấy cây cối tươi tốt, thiên nhiên đang tái sinh.

– Cảm ơn hai người rất nhiều. Tạm biệt! – Công chúa tươi cười nói.

Tôi vẫy chào cô, nắm tay bố bước về.

– Hôm nay thật tuyệt, bố nhỉ?

– Đúng vậy. Con học được nhiều điều chứ?

– Nhiều lắm! Con học được tình mẫu tử, đoàn kết, yêu thương, bảo vệ thiên nhiên và quan trọng nhất là biết được nghề nghiệp của bố! – Mắt tôi sáng lên.

Bố cười lớn, xoa đầu tôi. Tôi cảm thấy rất hạnh phúc. Hôm nay là một ngày đáng nhớ, tôi không chỉ học được nhiều bài học quý giá mà còn nhận ra rằng có rất nhiều người ngoài kia cần được trân trọng.

Công việc của bố là siêu anh hùng, phải không? Được rồi! Khi về nhà, tôi sẽ nhất định kể với đám bạn rằng bố mình là một siêu anh hùng!

THỂ LỆ
CUỘC THI VIẾT ƯƠM MẦM VĂN HỌC

Đối tượng: Các bạn học sinh THCS & THPT trên toàn quốc.

Nội dung và hình thức tác phẩm: Viết về những chủ đề gần gũi trong cuộc sống, phù hợp với lứa tuổi (tuổi học trò, mái trường, gia đình, thiên nhiên, cộng đồng, quê hương, đất nước,...) thuộc các thể loại: văn xuôi (tản văn, truyện ngắn,...); thơ (tất cả các thể thơ); tranh truyện, truyện tranh.

Bài dự thi gửi về: uommamvanhoc.vhtt@gmail.com hoặc gửi trực tiếp theo địa chỉ: Văn học và Tuổi trẻ, 187B Giảng Võ, P. Cát Linh, Q. Đống Đa, Hà Nội; Số điện thoại: (024) 35122847.



Thể lệ



Nhóm cuộc thi

DANH SÁCH TÁC GIẢ THAM GIA CUỘC THI VIẾT ƯƠM MẦM VĂN HỌC

(Cập nhật đến ngày 24/01/2025)

Hoàng Khánh Vy, 10A1, Trung – Tiểu học Việt Anh 2, TP. Dĩ An, Bình Dương; **Bùi Hải Âu**, 6A1, THCS Lê Văn Thịnh, H. Gia Bình, Bắc Ninh; **Nguyễn Quỳnh Anh – Dương Chí Đạt – Nguyễn Tuệ Minh – Nguyễn Quỳnh Anh**, 7A5, THCS Yên Lạc, H. Yên Lạc, Vĩnh Phúc; **Trần Phương Trang**, 8B, THCS Hoàng Xuân Hãn, H. Đức Thọ, Hà Tĩnh; **Nguyễn Thị Thanh Ngọc – Phạm Trần Ngọc Hân – Nguyễn Thị Ngân Hà – Lê Minh Hải**, 8A4, THCS Lê Văn Thịnh, H. Gia Bình, Bắc Ninh; **Nguyễn Ngọc Uyên Khanh – Phạm Bảo Châu – Võ Hải Anh – Nguyễn Phạm Quốc Anh – Lê Minh Long – Trần Triều Anh**, 7/1, THCS Lê Quí Đôn, TP. Vĩnh Long, Vĩnh Long; **Dương Phương Bình**, 8/1, THCS Lê Quí Đôn, TP. Vĩnh Long, Vĩnh Long; **Huỳnh Tuấn Kiệt**, 9/2, THCS Lê Quí Đôn, TP. Vĩnh Long, Vĩnh Long; **Trần Phi Thiên Kim – Cao Thị Phương Anh – Trần Ngọc Thiên Hương – Võ Lê Khánh Vy**, 9/7, THCS Lê Quí Đôn, TP. Vĩnh Long, Vĩnh Long; **Nguyễn Thanh Mai**, 9A5, THCS Đại Phúc, TP. Bắc Ninh Bắc Ninh; **Nguyễn Thị Thanh Huyền**, 11A4, THPT Hoàng Quốc Việt, TP. Bắc Ninh, Bắc Ninh; **Nguyễn Vũ Phương Chi**, 9/2, THCS Đặng Tấn Tài, Q. 9, TP. Hồ Chí Minh;...

Trải nghiệm trở thành cầu thủ đá bóng

Hoàng Đình Thạc
Lớp 6/3, THCS Lý Tự Trọng, Q. Sơn Trà, Đà Nẵng

ĐỀ BÀI: Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

BÀI LÀM

Hôm nay, một ngày lập xuân, mưa phùn lất phất, gió lành lạnh khiến lòng người không khỏi bâng khuâng. Giữa phút giây ấy, khi bắt gặp hình ảnh các anh chị trong trường liên hoan mừng chiến thắng tại giải thể dục thể thao cấp Quận, tôi chợt nhớ về trải nghiệm của mình cách đây không lâu. Đó là lần đầu tiên tôi trở thành cầu thủ bóng đá, mang về chiến thắng cho trường trong trận đấu đầu tiên. Dẫu thời gian đã trôi qua, dư âm của trải nghiệm ấy vẫn còn nguyên vẹn trong tôi.

Trải nghiệm ấy diễn ra vào một ngày đông của năm trước, lúc tôi còn là học sinh Trường Tiểu học Nguyễn Tri Phương. Khi đang học trong lớp, tôi bất ngờ được thầy Tuấn – giáo viên thể dục – gọi ra ngoài. Nghe thầy thông báo rằng tôi đã được chọn vào đội bóng của trường, tôi không giấu nổi niềm vui sướng. Là một người đam mê bóng đá từ lâu, thường xuyên cùng bạn bè đá bóng trên sân đất hay bờ biển, thông báo ấy giống như món quà mà tôi hằng ao ước.

Rất nhanh sau đó, đội tuyển gồm mười hai cầu thủ nhí của chúng tôi bắt đầu tập luyện liên tục suốt hai tuần bên bờ sông Thu. Những bài tập của thầy Tuấn đã mở mang cho tôi rất nhiều điều, giúp tôi hiểu rõ tầm quan trọng của việc rèn luyện thể lực, kĩ thuật khéo léo để chuyền bóng và ghi bàn. Trong đội, anh Tuấn Anh và anh Hải là những cầu thủ xuất sắc với những đường chuyền sắc sảo, khiến tôi vô cùng khâm phục và khao khát rèn luyện để chơi hay như các anh. Lần đầu tiên được tập luyện và đá ở vị trí tiền đạo, tôi cảm thấy vô cùng thích

thú. Thầy Tuấn còn nhận xét rằng tôi có tố chất và khả năng xử lí tình huống tốt, khiến tôi càng thêm phấn chấn và quyết tâm.

Thế rồi, sau bao ngày chờ đợi, trận đấu đầu tiên của chúng tôi cuối cùng cũng diễn ra. Tuy không có tên trong đội hình thi đấu chính thức, tôi vẫn vô cùng háo hức và phấn khởi. Đội bóng của tôi bảo vệ cầu môn bên phải, khoác trên mình bộ áo đấu xanh đen đẹp mắt. Khi đội ghi bàn mở tỉ số, tôi hét lên đầy thích thú, nhưng niềm vui chẳng kéo dài lâu khi đối thủ nhanh chóng gỡ hoà. Bước sang hiệp hai, từ một pha phát bóng lên của thủ môn đối phương, chúng tôi bất ngờ để thủng lưới thêm một bàn. Lúc ấy, tôi đứng ngồi không yên, chân tay bồn chồn. Đúng lúc đó, thầy gọi tôi vào sân thay người. Được thi đấu chính thức là ước mơ từ lâu, và nay khi nó thành hiện thực, tôi thầm nhủ phải thật bản lĩnh, tận dụng cơ hội để góp sức cho đội.

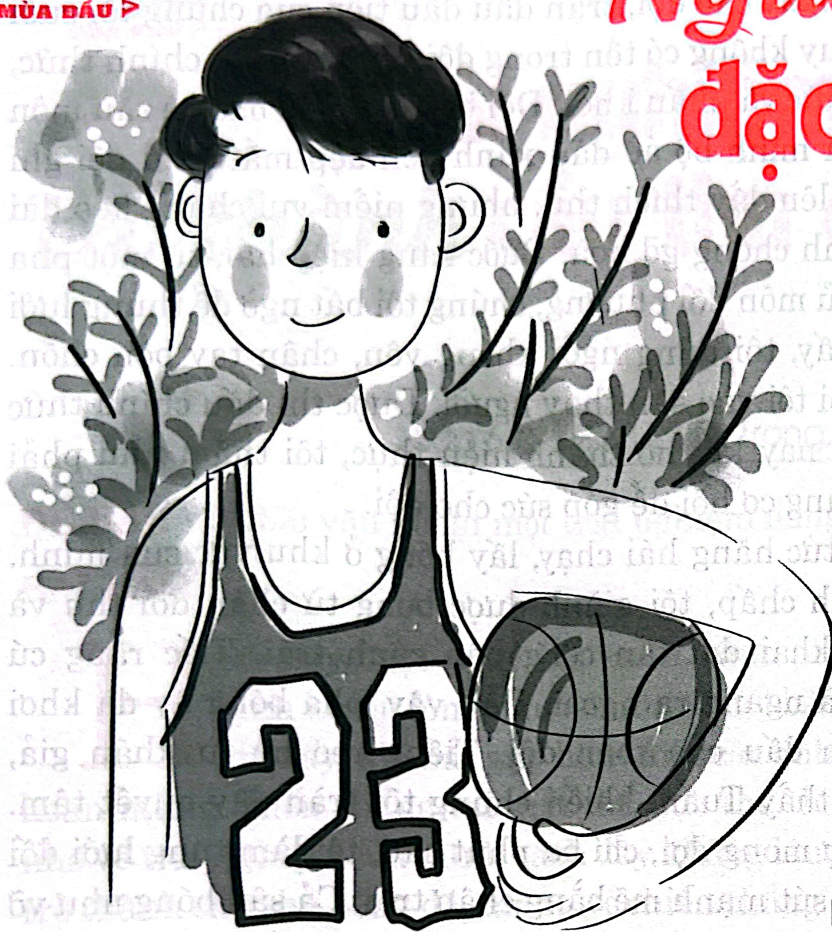
Vào sân, tôi lập tức hăng hái chạy, lấy bóng ở khu vực của mình. Trong một pha tranh chấp, tôi giành được bóng từ chân đối thủ và nhanh chóng triển khai đợt tấn công bên cánh trái. Tiếc rằng cú sút của tôi lại bật xà ngang ra ngoài. Dẫu vậy, pha bóng ấy đã khơi dậy tinh thần chiến đấu của toàn đội. Tiếng reo hò từ khán giả, cùng lời khích lệ từ thầy Tuấn, khiến chúng tôi tràn đầy quyết tâm. Và rồi, không phụ sự mong đợi, chỉ ba phút sau, tôi làm tung lưới đối phương bằng một cú sút mạnh mẽ bằng chân trái. Cả sân bóng như vỡ oà trong niềm vui sướng. Tiếp đà hưng phấn, tôi chuyền bóng cho anh Tuấn Anh, và anh đã ghi bàn thắng quyết định, ấn định chiến thắng thuyết phục cho đội nhà.

Khi tiếng còi mãn cuộc của trọng tài vang lên, niềm vui chiến thắng của chúng tôi bùng nổ. Các thầy cô và các bạn cổ vũ ào vào sân, vây quanh chúng tôi. Ai nấy đều khen ngợi đội bóng đã thi đấu xuất sắc, tạo nên một cú lội ngược dòng ngoạn mục. Giữa những lời tán thưởng ấy, tôi không kìm được cảm xúc, đôi mắt rưng rưng. Đây là khoảnh khắc hạnh phúc nhất mà tôi từng trải qua. Đặc biệt, khi thầy Tuấn vỗ vai và nói: "Em cừ lắm!", niềm vui trong tôi càng thêm trọn vẹn.

Trải nghiệm trở thành cầu thủ và tận hưởng hương vị chiến thắng đầu tiên là một dấu mốc khó quên trong đời tôi. Nhờ đó, tôi không chỉ có những phút giây thăng hoa cảm xúc mà còn rút ra nhiều bài học ý nghĩa. Tôi nhận ra sức mạnh của tinh thần đoàn kết, tập thể và tầm quan trọng của sự nỗ lực kiên trì trong mỗi người. Nhất định, tôi sẽ tiếp tục thử thách bản thân trong những trận cầu khó hơn và cả những lĩnh vực mới mẻ khác để học hỏi và trưởng thành nhiều hơn nữa.

BÀI VĂN BIỂU CẢM

Người bạn đặc biệt



Nguyễn Công Anh
Lớp 7A4, THCS & THPT Nguyễn Tất Thành, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

ĐỀ BÀI: Viết một bài văn biểu cảm về một con người/sự việc.

BÀI LÀM

Tuổi học trò là khoảng thời gian tươi đẹp, nơi ta gặp gỡ và gắn bó với những người bạn đặc biệt. Có những tình bạn chỉ thoáng qua, nhưng cũng có những người trở thành tri kỉ, đồng hành cùng ta suốt nhiều năm. Với tôi, trong suốt hai cấp học đã qua, Minh Huy chính là người bạn thân thiết nhất – một người bạn mà tôi luôn trân trọng.

Tôi gặp Huy lần đầu tiên trong một giờ ra chơi năm lớp 5. Khi ấy, chúng tôi nhanh chóng làm quen, trò chuyện và bất ngờ nhận ra nhà mình ở gần nhau. Từ đó, những buổi ghé thăm nhà nhau dần trở thành thói quen, và tình bạn của chúng tôi cũng ngày càng bền chặt. Huy gây ấn tượng với tôi ngay từ vẻ ngoài. Mái tóc đen nhánh, mềm mượt ôm lấy vầng trán cao rộng, toát lên vẻ thông minh, nhanh nhẹn. Nhưng điều khiến tôi nhớ mãi chính là nụ cười lạc quan, rạng rỡ, luôn mang đến cảm giác ấm áp và tràn đầy năng lượng. Đôi mắt Huy sáng ngời,

tinh anh, ánh lên sự vui tươi, hóm hỉnh. Nhìn tổng thể, khuôn mặt bạn vừa khôi ngô, vừa hiền hậu, tạo thiện cảm ngay từ cái nhìn đầu tiên. Huy có làn da bánh mật khoẻ khoắn, đôi bàn tay thô ráp, sần sùi – dấu vết của những buổi chơi đùa không biết mệt mỏi. Nhưng điều khiến tôi ngưỡng mộ nhất chính là vóc dáng cao lớn, săn chắc, đầy sức sống. Ở bên Huy, tôi luôn có cảm giác an toàn, như thể lúc nào cũng có một người bạn sẵn sàng che chở, bảo vệ.

Tôi và Huy còn có nhiều điểm chung, đặc biệt là niềm đam mê thể thao, nhất là bóng rổ. Mỗi tuần, Huy đều chăm chỉ luyện tập trong câu lạc bộ bóng rổ của trường và phường hai buổi. Nhờ sự kiên trì và tinh thần cầu tiến, cậu ấy luôn thi đấu hết mình trong mỗi trận đấu, tung ra những pha ghi bàn đẹp mắt, góp phần mang về chiến thắng cho đội. Điều tôi quý nhất ở Huy chính là sự nhiệt tình và sẵn lòng chia sẻ. Mỗi khi học được kĩ năng mới từ câu lạc bộ, Huy luôn hào hứng hướng dẫn lại cho tôi trong những lần chơi bóng cùng nhau. Được đồng hành và học hỏi từ một người bạn như Huy, tôi cảm thấy vô cùng vui vẻ và may mắn!

Đôi lúc, chúng tôi còn cùng nhau khám phá và tìm hiểu những điều thú vị xung quanh. Dạo gần đây, Huy và tôi đang hì hục làm một mô hình hệ Mặt Trời đầy sắc màu với các hành tinh, ngôi sao,... đủ kích cỡ, trông thật bắt mắt và thú vị. Trước đó, chúng tôi đã tự tay tạo ra bộ cờ cá ngựa tí hon, với những quân cờ được nặn thành những hình thù độc đáo, đầy sáng tạo. Những lúc rảnh rỗi, chúng tôi ngồi lại, kể cho nhau nghe về mọi điều xung quanh. Những cuộc trò chuyện ấy luôn tràn ngập tiếng cười sảng khoái. Điều đó cho tôi thấy Huy không chỉ là cậu bạn thân thiện, hiền lành mà còn rất hoà đồng, thích chia sẻ và trò chuyện. Tôi sẽ mãi mãi không quên những khoảnh khắc đáng yêu và đầy kỉ niệm như vậy!

Minh Huy luôn là người được mọi người yêu mến nhất, bởi tính cách đầy thiện cảm và ấm áp. Huy không chỉ quan tâm, giúp đỡ người khác mà còn rất tinh tế và nhạy cảm trong từng cử chỉ, lời nói. Tôi vẫn nhớ rõ, mỗi khi gặp khó khăn với những bài tập hóc búa, Huy luôn nhiệt tình gợi ý, giải thích để tôi hiểu rõ vấn đề. Mỗi hành động, mỗi lời nói của cậu đều khiến tôi thấy lòng mình ấm áp và biết ơn vô cùng. Tôi thật may mắn khi có một người bạn tri kỉ như Huy!

Mỗi người bạn là một người quan trọng trong cuộc sống của chúng ta. Họ có thể san sẻ, chia ngọt sẻ bùi cùng ta mọi lúc, mọi hoàn cảnh. Tôi cảm thấy vô cùng may mắn khi có người bạn tốt như Minh Huy. Tôi mong tình bạn của chúng tôi ngày càng thắm thiết và mãi bền lâu.

Chuyến đi về kí ức cùng "Thám tử lừng danh Conan"

Nguyễn Anh Tuấn
Lớp 8A12, THCS Ngô Sĩ Liên, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐỀ BÀI: Hãy viết bài văn kể lại một chuyến đi đáng nhớ của em.

BÀI LÀM

Có những chuyến đi luôn mang đến cho tôi những cảm xúc khó quên, và đôi khi, chúng còn trở thành những hành trình ý nghĩa, đọng lại mãi trong tâm trí. Chuyến tham quan triển lãm Conan vừa qua chính là một trong những hành trình như vậy, không chỉ mở ra những kỉ niệm đẹp mà còn giúp tôi học hỏi thêm được điều lí thú.





Triển lãm "30 năm cùng kí ức – Thám tử lừng danh Conan" được tổ chức để kỉ niệm cột mốc đáng nhớ của bộ truyện tranh huyền thoại do Gosho Aoyama sáng tác. Đây không chỉ là một sự kiện văn hoá, mà còn là cầu nối gợi lại tuổi thơ, thu hút những độc giả – những người đã gắn bó với tác phẩm qua từng trang truyện. CLB Văn 8 của Trường tôi cũng không thể bỏ lỡ cơ hội hiếm có này. Vừa khép lại kì thi học kì căng thẳng, chúng tôi hào hứng lên đường khám phá không gian triển lãm đầy thú vị.

Ngay khi đến nơi, khu vực trưng bày đã khiến tất cả chúng tôi ngỡ ngàng. Những mô hình sống động tái hiện các nhân vật quen thuộc – từ Conan, Ran, Heiji đến các thành viên bí ẩn của tổ chức "Áo đen" – như kéo chúng tôi trở về từng chương truyện đã in đậm trong kí ức. Chúng tôi say sưa chụp ảnh, ghi lại khoảnh khắc với



các biểu tượng gắn liền với hành trình phá án đầy kịch tính của Conan. Đặc biệt, mỗi khách tham quan đều nhận được một tấm postcard độc quyền có chữ kí của chính tác giả Gosho Aoyama. Đó là món quà ý nghĩa, như lời tri ân của ông gửi đến độc giả Việt Nam vì tình cảm suốt 30 năm qua. Cầm tấm postcard trên tay, tôi cảm thấy như mình đang nắm giữ một phần của lịch sử Conan – không chỉ là câu chuyện của một thám tử, mà còn là hành trình trưởng thành của cả một thế hệ.

Căn phòng đầu tiên chúng tôi bước vào mang tên "Chương 0 – Intro". Đây là nơi tái hiện những trang truyện đầu tiên của Thám tử lừng danh Conan, mở ra hành trình đầy kì diệu kéo dài suốt ba thập kỉ. Những hình ảnh sống động về sự hình thành và phát triển của bộ truyện được trưng bày khắp căn phòng, đưa người xem trở lại những kí ức thân quen. Trên các bức tường, những nét vẽ sắc màu mô phỏng Conan và những người bạn khiến lòng tôi bồi hồi, như gặp lại một phần tuổi thơ từng in đậm qua mỗi trang truyện. Tâm điểm của căn phòng là bức tượng nhân vật Conan trong bộ trang phục đặc trưng của Sherlock Holmes – người truyền cảm hứng không chỉ cho nhân vật Conan mà còn cho chính tác giả Gosho Aoyama, khởi nguồn của cả một huyền thoại.

Tiếp tục hành trình, chúng tôi bước vào căn phòng "Chương 1 – Conan's Words". Đây là không gian đặc biệt lưu giữ những câu nói nổi tiếng, những triết lí sâu sắc đã đồng hành cùng tác phẩm qua năm tháng. Một trong những câu nói để lại ấn tượng mạnh mẽ là: *"Fear of death is worse than death itself – Sợ chết còn tệ hại hơn cái chết"* (lời của nhân vật Akai Shuichi nói với một nhân viên FBI); *"Tôi không biết vì sao con người ta lại giết hại lẫn nhau nhưng đâu cần lí do để cứu một người chứ?"* (lời của nhân vật Conan khi nói với một tội phạm);... Mỗi câu chữ được trưng bày không chỉ giúp ta hiểu thêm về chiều sâu tâm hồn các nhân vật, mà còn gợi mở những bài học ý nghĩa về cuộc sống.

Nơi dừng chân tiếp theo là căn phòng "Chương 2 – Conan's Love". Tại đây, không gian tràn ngập hình ảnh các cặp đôi, minh chứng cho những sắc thái tình yêu đã tồn tại và toả sáng trong suốt ba thập kỉ của tác phẩm. Từ những tình yêu đầy tiếng cười, những mối tình vụng về chẳng ai dám thổ lộ, đến những tình cảm mãnh liệt vượt qua thử thách, tất cả đều được tái hiện chân thực. Dẫu mỗi câu chuyện tình yêu mang màu sắc riêng, nhưng chúng đều là những mảnh ghép không thể thiếu, làm nên vẻ đẹp trọn vẹn của *Thám tử lừng danh Conan*.

Căn phòng thứ ba và thứ tư (Conan's Mystery và Conan's Hannin), đưa chúng tôi bước vào thế giới của những bí ẩn. Khu vực này có thể xem như một "chuyên mục đặc biệt", nơi trưng bày những mật mã, thư tuyệt mệnh, và chi tiết kinh điển từng xuất hiện trong *Thám tử lừng danh Conan*. Đặc biệt, "Conan's Hannin" tập trung vào các hung thủ – những nhân vật ẩn mình trong bóng tối của truyện. Từng vụ án được tái hiện sống động, để lại trong mỗi người tham quan những cảm xúc đa dạng. Có những vụ án gợi lên nỗi sợ hãi và cảm giác rùng rợn, nhưng cũng có những câu chuyện khiến ta ngậm ngùi trước nguyên nhân dẫn đến hành động của các hung thủ.

Tiếp nối hành trình, chúng tôi bước vào "Chương 5 – Conan's Justice" và "Chương 6 – Conan's Magic", nơi khắc hoạ sâu sắc các nhân vật phụ, những người góp phần tạo nên sức hút và chiều sâu cho tác phẩm. Động lực và tinh thần chính nghĩa của họ được tái hiện sống động, mang đến góc nhìn mới mẻ cho người xem.

Điểm nhấn đặc biệt của triển lãm là phòng trưng bày tác giả Gosho Aoyama, nơi lưu giữ những tài liệu quý giá, từ bản phác thảo ban đầu đến các hình ảnh quen thuộc, gợi lại bao kí ức tuổi thơ của độc giả.

Cuối cùng, chuyến hành trình khép lại tại căn phòng mang tên "Phòng Kí ức". Tại đây, một đoạn phim đặc biệt tái hiện hành trình 30 năm của *Thám tử lừng danh Conan*, đưa độc giả bước vào không gian đầy hoài niệm và xúc cảm. Đây không chỉ là lời tri ân chân thành của tác giả Gosho Aoyama gửi đến người hâm mộ, mà còn là một kỉ niệm độc nhất, chỉ có thể trải nghiệm tại triển lãm này.

Triển lãm "30 năm đi cùng kí ức – Thám tử lừng danh Conan" đã tái hiện hoàn hảo hình ảnh cậu thám tử nhỏ nhắn, thông minh, và đầy nhiệt huyết. Với CLB Văn 8, chuyến tham quan không chỉ khơi lại những kí ức đẹp đẽ về tuổi thơ, mà còn thổi bùng đam mê đối với thể loại truyện trinh thám. Đây thực sự là một hành trình đầy ý nghĩa, giúp chúng tôi hiểu thêm giá trị của *Thám tử lừng danh Conan* và gắn kết hơn với thế giới văn học độc đáo này.



Bút pháp tả người của Nguyễn Du trong *Chị em Thuý Kiều*

Phan Thị Minh Huyền
Lớp 9A, THCS Bình Thịnh, H. Đức Thọ, Hà Tĩnh

ĐỀ BÀI: Nói về bút pháp tả người của Nguyễn Du, giáo sư Trần Đình Sử nhận xét: *"Cả vẻ đẹp lẫn tài năng nhân vật, tuy đều vẽ rất khéo léo, bút pháp đa dạng (mỗi nhân vật có một cách vẽ riêng) nhưng vẫn nằm trong nghệ thuật và tư tưởng thời trung đại, với những đường nét ước lệ, cao quý, hoàn hảo lí tưởng [...] làm hiện rõ hai bức chân dung, dự báo số phận về sau của mỗi người".*

Em hãy viết một bài văn nghị luận bàn về nhận xét trên.

BÀI LÀM

Nguyễn Du, với tài năng bậc thầy trong nghệ thuật tả người, đã khắc hoạ nên những chân dung nhân vật sống động và giàu sức gợi trong *Truyện Kiều*. Nhận xét về bút pháp ấy, giáo sư Trần Đình Sử từng viết: *"Cả vẻ đẹp lẫn tài năng nhân vật, tuy đều vẽ rất khéo léo, bút pháp đa dạng (mỗi nhân vật có một cách vẽ riêng) nhưng vẫn nằm trong nghệ thuật và tư tưởng thời trung đại, với những đường nét ước lệ, cao quý, hoàn hảo lí tưởng [...] làm hiện rõ hai bức chân dung, dự báo số phận về sau của mỗi người."*. Đặc điểm này được thể hiện tinh tế qua đoạn trích *Chị em Thuý Kiều*.

Bút pháp khéo léo, đa dạng của Nguyễn Du được thể hiện qua trình tự bố cục hợp lí, cách sử dụng hình ảnh, ngôn ngữ và các biện pháp tu từ một cách hiệu quả. Ông miêu tả nhân vật bằng nhiều cách khác nhau, không lặp lại, mỗi nhân vật đều mang nét đặc trưng riêng. Có nhân vật được khắc hoạ qua ngoại hình, dáng điệu, cử chỉ, lời nói; có nhân vật lại được tái hiện qua suy nghĩ nội tâm. Nguyễn Du thường sử dụng bút pháp ước lệ, lí tưởng hoá để tôn vinh vẻ đẹp nhân vật chính diện, trong khi đó, với nhân vật phản diện, ông áp dụng bút pháp tả thực sắc sảo. Ý kiến của giáo sư Trần Đình Sử đã khẳng định và ngợi ca tài năng miêu tả nhân vật bậc thầy của Nguyễn Du. Đoạn trích *Chị em Thuý Kiều*

chính là minh chứng tiêu biểu, thể hiện rõ nét tài năng ấy qua bức chân dung tuyệt đẹp của Thuý Kiều và Thuý Vân.

Đầu tiên, Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp tả người một cách khéo léo với trật tự miêu tả rõ ràng, mạch lạc. Mỗi phần trong đoạn trích đều có sự liên kết chặt chẽ, mở đầu bằng lời giới thiệu về chị em Thuý Kiều, tiếp theo là việc miêu tả cụ thể từng nhân vật. Đoạn trích kết thúc bằng việc khẳng định hai chị em Thuý Kiều luôn giữ gìn gia phong và chờ đợi người xứng đáng.

Bút pháp tả người của Nguyễn Du không chỉ khéo léo mà còn vô cùng phong phú. Tuy nhiên, sự phong phú ấy vẫn tuân theo những chuẩn mực nghệ thuật. Đặc biệt, tác giả đã miêu tả Thuý Vân bằng những hình ảnh chọn lọc và từ ngữ hết sức tinh tế:

Vân xem trang trọng khác vời
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang
Hoa cười ngọc thốt đoan trang
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da

Nhan sắc của Vân bắt đầu bằng một dòng kể khách quan mà thật cô đúc: *"Vân xem trang trọng khác vời"*. Nhan sắc của Thuý Vân đến độ *"khác vời"* đã khẳng định cái đẹp khó lòng nói hết. Vẻ đẹp của Vân hiện lên cao sang, quý phái. Bằng bút pháp ước lệ, Nguyễn Du đã lựa chọn những hình ảnh thiên nhiên: *"trăng"*, *"hoa"*, *"mây"*, *"tuyết"*, *"ngọc"*,... để tả vẻ đẹp của Thuý Vân. Tất cả toát lên một vẻ đẹp tinh tế, thuỳ mị, đoan trang, phúc hậu và vẹn toàn. Từ gương mặt, nét mày, đến làn da, mái tóc, nụ cười, bức chân dung ngầm thông báo về một số phận an lành, êm đềm, may mắn, nàng sinh ra để được hưởng phúc.

Tả Thuý Vân đã đẹp, đã hay, nhưng trong mối liên kết của mạch thơ, Nguyễn Du như lấy được đà để ngợi ca vẻ đẹp của Thuý Kiều. Tác giả đã dùng 12 câu thơ tiếp đó để miêu tả chân dung Thuý Kiều, và khẳng định Kiều sắc sảo, mặn mà, tài sắc hơn hẳn Thuý Vân:

Kiều càng sắc sảo mặn mà
So bề tài sắc lại là phần hơn
Làn thu thuỷ, nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh

Vân đã đẹp, đã quý phái rồi nhưng Kiều vẫn là phần hơn. Sắc đẹp của Kiều được khẳng định là *"sắc sảo"*, *"mặn mà"*. *"Sắc sảo"* không chỉ là vẻ đẹp bề ngoài mà còn là sự thông minh, nhanh nhạy, còn *"mặn mà"* gợi lên một tâm hồn đằm thắm, nồng nàn, đầy quyến rũ. Kiều không chỉ đẹp về ngoại hình mà còn sở hữu một trí tuệ sắc bén và một trái tim nồng ấm. Gợi tả về vẻ đẹp của Kiều, tác giả đã dùng

hình ảnh ước lệ *"Làn thu thuỷ, nét xuân sơn"*, có nghĩa là tả Kiều với đôi mắt đẹp, trong sáng như nước mùa thu, lông mày đẹp, thanh thoát như núi mùa xuân. Bằng hình ảnh nhân hoá *"hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh"*, tác giả đã làm nổi bật dung nhan của Kiều đằm thắm khiến tạo hoá phải hờn ghen. Tả Thuý Kiều, Nguyễn Du không dùng thủ pháp liệt kê mà sử dụng bút pháp so sánh đòn bẩy: *"Kiều càng"*, *"so bề"*, dùng điển tích và thành ngữ dân gian *"nghiêng nước nghiêng thành"* để khẳng định vẻ đẹp tuyệt thế giai nhân, có một không hai.

Thuý Kiều không chỉ đẹp mà còn rất đa tài. Kiều "*thông minh vốn sẵn tính trời*", có đủ cầm, kì, thi, hoạ (đánh đàn, chơi cờ, làm thơ, vẽ tranh). Tài hoa của Kiều đạt tới mức lí tưởng trong xã hội phong kiến. Kiều tự chọn cho mình *"một thiên Bạc mệnh"*. Mỗi khi *"tay lựa nên chương"*, ai nghe cũng thấy sầu đau, não nề. Bản nhạc ấy đã báo trước số mệnh chẳng an lành, hàm chứa tài mệnh tương đố: *"Tài tình chi lắm cho trời đất ghen"*, *"Có tài mà cậy chi tài/ Chữ tài liền với chữ tai một vần"*. Có thể nói, vẻ đẹp của Kiều là sự kết tinh những vẻ đẹp hoàn mĩ của con người. Dù hội đủ mọi điều như vậy, nhưng Kiều lại mang kiếp hồng nhan bạc phận, hoa ghen liễu hờn. Nhan sắc và tài năng đã báo trước Kiều sẽ gặp nhiều oan trái, khổ đau.

Lời nhận xét của giáo sư Trần Đình Sử rất xác đáng, Nguyễn Du đã miêu tả vẻ đẹp và tài năng nhân vật rất tài hoa, tinh tế và khéo léo. Bút pháp ước lệ, lí tưởng hoá, kết hợp với phép tiểu đối giúp tạo nên âm điệu, tiết tấu câu thơ cân đối, nhịp nhàng, góp phần nhấn mạnh vẻ đẹp hoàn mĩ của chị em Thuý Kiều. Nguyễn Du quả là một cây bút bậc thầy có một không hai trong văn học trung đại Việt Nam.



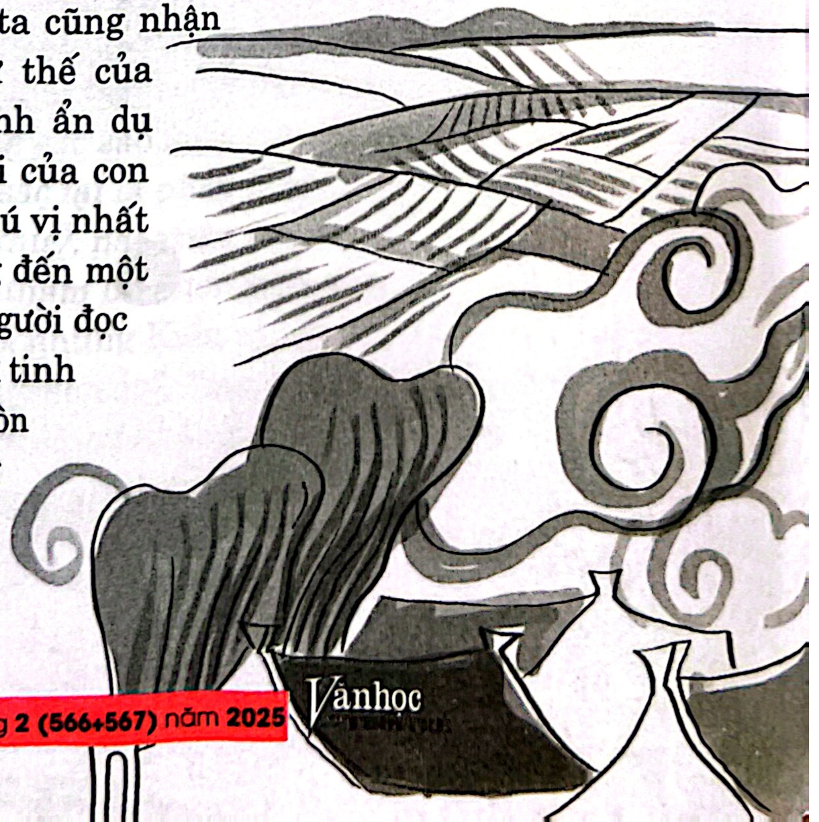
Về một thể thơ thú vị

Đặng Thị Minh Thương
Lớp 10A7, THPT Nguyễn Trãi, H. Ngọc Hồi, Kon Tum

ĐỀ BÀI: Từ việc đọc ba bài thơ trong chùm thơ haiku, hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày về điều bạn cảm thấy thú vị nhất ở thể thơ haiku.

BÀI LÀM

Thơ là một thế giới đa dạng sắc màu với vô vàn nhịp điệu, âm sắc khác nhau, là bản hoà ca của ngôn từ, hình ảnh để gửi gắm tâm tư và bộc lộ cảm xúc. Khi bước vào thế giới thơ, ta khám phá được những rung động kì lạ trong chính mình. Và đặc biệt, thể thơ haiku, với sự chắt lọc tinh tế trong từng câu từ, đã mang đến cho người đọc những âm hưởng sâu lắng. Mỗi bài haiku đều là một kiệt tác được tạo nên từ những câu từ chắt lọc nhất, tạo nhiều âm hưởng, chứa đựng bao nhiêu cảm xúc tinh tuý. Bài thơ của Basho là một ví dụ điển hình: *"Trên cành khô/ cánh quạ đậu/ chiều thu"*. Với ngôn từ giản dị, bài thơ như một bức tranh khắc hoạ khung cảnh chiều thu, nơi cành khô và cánh quạ đậu tạo nên một không gian vắng lặng, u sầu. Từ đó, ta cảm nhận được nỗi cô đơn, buồn bã trong bức tranh thiên nhiên ấy. Tuy nhiên, trong vẻ tĩnh lặng và tiêu điều của cảnh vật, ta cũng nhận ra sự điềm nhiên trong tư thế của con quạ – như một hình ảnh ẩn dụ về tâm thế ung dung, tự tại của con người trước cuộc đời. Điều thú vị nhất ở haiku là mỗi bài thơ mang đến một cảm xúc khác nhau, khiến người đọc không chỉ cảm nhận được sự tinh tế trong từng chi tiết mà còn có thể chiêm nghiệm những bài học cuộc sống từ những rung động nhẹ nhàng ấy.



Những hình ảnh thơ giàu sức gợi...

Lê Bùi Minh Hằng
Lớp 12 Văn, THPT Chuyên Bảo Lộc, Lâm Đồng

ĐỀ BÀI: Viết bài văn phân tích giá trị đặc sắc của hình ảnh *"lò than rực hồng"* trong bài thơ *Mộ* và hình ảnh *"trăng đầy thuyền"* trong bài thơ *Nguyên tiêu* của Hồ Chí Minh.

BÀI LÀM

Sáng tạo thi ca là quá trình phức tạp. Như một ngọn nến, thi nhân tự đốt cháy tâm hồn mới mong thơ toả sáng giữa cuộc đời. Vì *"thơ là kết tinh, thơ là ngọc đọng, thơ là phiến kì nam trong rừng trầm hương, thơ là hạt minh châu trong biển hạt trai, thơ là tinh hoa trong vườn phương thảo"* (Đông Hồ). Với việc sáng tạo nên hình ảnh lò than rực hồng trong bài thơ *Mộ* cùng với hình ảnh ánh trăng đầy thuyền qua bài thơ *Nguyên tiêu*, Hồ Chí Minh đã bộc lộ một tâm hồn thi nhân nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên, một tấm lòng nhân hậu đối với con người, một phong thái ung dung luôn hướng về sự sống, ánh sáng và tương lai.

Trong bài thơ *Mộ* của Hồ Chí Minh, hình ảnh *lò than rực hồng* không chỉ là một chi tiết mô tả sinh hoạt của người dân xóm núi mà còn mang nhiều ý nghĩa biểu tượng sâu sắc:

Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc
Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng

Trước hết, đây là hình ảnh đặc trưng trong sinh hoạt của người dân miền núi. Lò than ở đây không chỉ phản ánh công việc xay ngô, mà còn chứa đựng sự ấm áp, khẩn trương của cuộc sống thường nhật. Trong thơ xưa, những bức tranh vẽ cảnh chiều đều có bóng dáng con người nhưng sao lẻ loi, cô độc và hiu hắt. Con người ở đây mang nặng một nỗi niềm hoài cổ, một nỗi sầu muộn như: *"Lom khom dưới núi tiều vài chú,/ Lác đác bên sông chợ mấy nhà"* (Bà Huyện Thanh Quan, *Qua Đèo Ngang*).

Còn con người trong thơ Bác, lại là con người lao động đầy sức sống. Chính hai từ *"rực hồng"* đã làm bừng lên sức sống của bức tranh. Cô gái miệt mài xay ngô và dường như không chú ý đến những gì xung quanh mình. Cối xay vẫn cứ quay và khi ngô đã xay xong *"bao túc ma hoàn"* thì cô mới nhìn thấy *"lò than đã rực hồng"*. Hình ảnh *"lò than đã rực hồng"* hiện lên trong đêm tối càng làm nổi bật hình ảnh người thiếu nữ. Toàn bộ cảnh thiên nhiên đang chìm trong màu xám nhạt chuyển sang màu ấm nóng. Cũng vì thế, hình ảnh lò than rực hồng có sức lôi cuốn đặc biệt. Chữ *"hồng"* đặt ở cuối bài thơ soi rõ vẻ đẹp của người thiếu nữ, toả ánh sáng và hơi ấm, xua đi cái buồn vắng của bức tranh chiều tối nơi rừng núi, tượng trưng cho cuộc sống đầm ấm, hạnh phúc gia đình. Ánh lửa hồng là ánh lửa của sự sống, của niềm lạc quan.

Hình ảnh *"trăng đầy thuyền"* trong bài thơ *Nguyên tiêu* của Hồ Chí Minh lại mang đậm chất thơ lãng mạn và cũng rất gợi cảm. Bài thơ *Nguyên tiêu* viết về một đêm rằm tháng Giêng, khi trăng sáng tỏ, không gian thanh bình và thơ mộng. Hình ảnh trăng xuất hiện trong câu thơ cuối: *"Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền"*. Con thuyền của người chiến sĩ đang đàm quân sự trở về trong ánh trăng ngập tràn. Ánh trăng đêm là ánh trăng ước hẹn, báo trước những mùa trăng trong năm được nhân dân đón đợi với bao tình cảm nồng hậu. Bác thưởng trăng trên khói sóng, người đang thưởng trăng nguyên tiêu không chỉ mang cốt cách như các bậc tao nhân mặc khách ngày xưa mà còn là người đang hoạt động cách mạng với trọng trách nặng nề. Mùa xuân đến không chỉ trên những chồi non lá biếc, mà tất cả vầng trăng đến dòng sông, bầu trời trong thơ Bác lúc này đều đầy sức sống của mùa xuân: *"Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên"*. Rằm xuân cũng là ngày Rằm tháng Giêng – một đêm trăng rằm tuyệt đẹp – một vẻ đẹp đến ngỡ ngàng. Trăng trở thành trung tâm kì vĩ của vũ trụ, trải rộng trên dòng sông, đem đến vẻ đẹp kì diệu của mùa xuân. Mùa xuân có chiều cao và chiều sâu tận cùng trong ánh trăng soi. Một mùa xuân bát ngát trong tầm mắt của Bác. Vượt ra khỏi khung cảnh Việt Bắc là hình tượng đẹp đẽ của bầu trời tự do, của mùa xuân đất nước mà Bác cảm nhận thấy từ ánh trăng rằm trong những tháng ngày còn gian khổ. Có nghĩ đến điều ấy, ta mới càng thấy được phong thái ung dung

và lạc quan cao đẹp của Bác. Ẩn sau cảnh trăng xuân đó là hình ảnh của ngày mai tươi sáng đang đến gần. Trăng không chỉ chiếu sáng, mà còn là động lực, là nguồn sống, là hình ảnh của lí tưởng, của sự khát vọng, hoà bình và tự do. Bác đã từng coi trăng như là hình ảnh lí tưởng để vươn tới lúc bị lính áp giải, tay chân bị trói, tưởng không còn để ý gì được đến ngoại cảnh, vậy mà bằng những cảm quan cực nhạy của tâm hồn nhà thơ, Bác vẫn có cái nhìn mới về trăng: *"Chòm sao đưa nguyệt vượt lên ngàn" (Giải đi sớm).* Khi nói đến "trăng đầy thuyền", người đọc có thể cảm nhận được một mối quan hệ mật thiết, hoà hợp giữa thiên nhiên và con người trong thơ Hồ Chí Minh. Trong *Đi thuyền trên sông Đáy,* Bác viết:

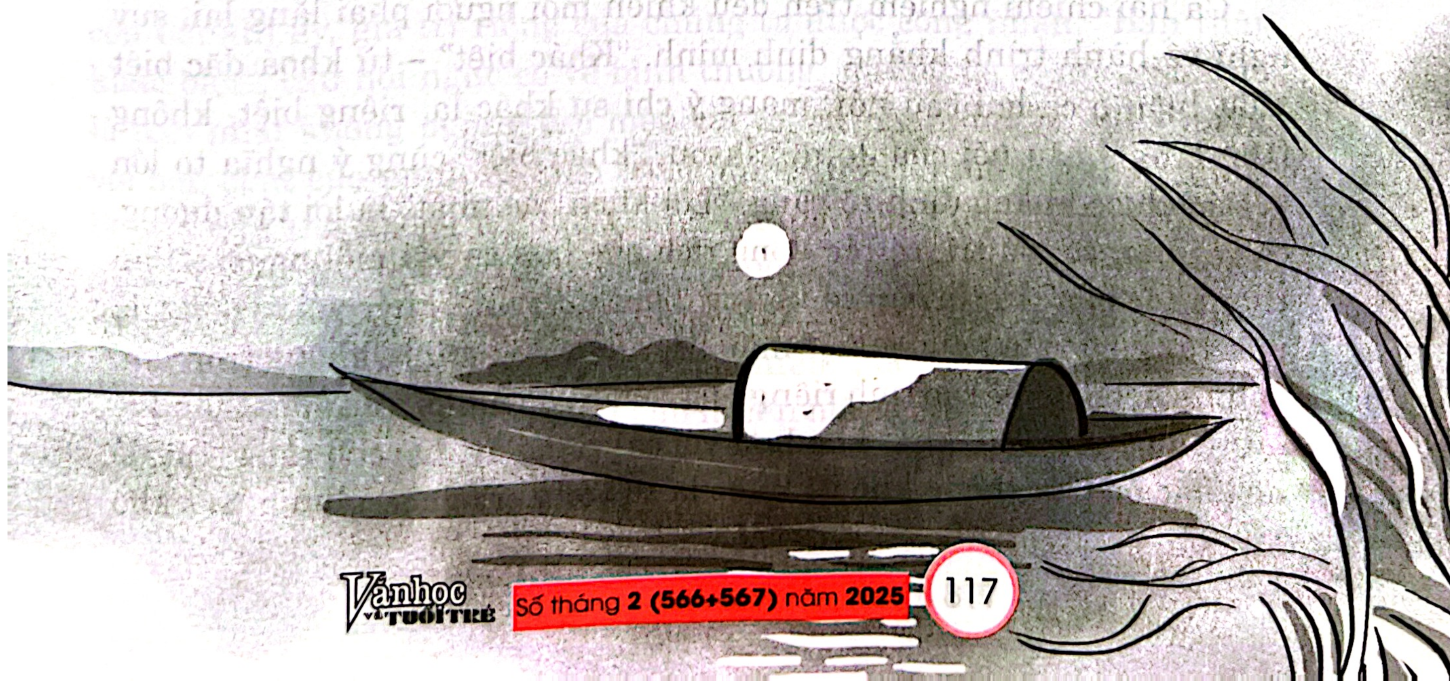
Dòng sông lặng ngắt như tờ
Sao đưa thuyền chạy, thuyền chờ trăng theo

Giữa bốn bề khung cảnh vắng teo, Bác để cho trăng hiện ra thật động. Sao thì muốn đưa thuyền chạy nhanh, mà thuyền thì muốn đợi chờ trăng theo. Trăng, dù là yếu tố thiên nhiên, nhưng lại luôn đồng hành cùng con người trên con đường cách mạng. Người chiến sĩ giờ đây mang tâm hồn của một nhà thơ, hoà hợp với thiên nhiên, tạo vật.

Hai hình ảnh đặc trưng *"lò than rực hồng"* trong bài thơ *Mộ* và *"trăng đầy thuyền"* trong bài thơ *Nguyên tiêu* không chỉ là những hình ảnh sinh động về cảnh vật mà còn mang trong nó một ý nghĩa sâu sắc, thể hiện những khát vọng và tâm hồn chiến sĩ – thi sĩ của Hồ Chí Minh. Tâm hồn vĩ đại ấy đã hoá vào nỗi nhớ thương muôn đời:

Hỏi có ai giàu hơn Bác Hồ ta
Người chợp mắt, cả năm châu cùng đến
Trên giường Bác, chúng tôi không thắp nến
Đã có trăng sao ôm ấp quanh Người

(Hải Như, *Chúng cháu canh giấc Bác ngủ, Bác Hồ ơi*).





BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

Theo đuổi sự khác biệt

Lê Giang Uyên
Lớp 11 chuyên Văn, THPT Chuyên Bắc Giang, Bắc Giang

ĐỀ BÀI:

John Mason đã nói: *"Lời khen cao nhất mà bạn có thể nghe được là khi ai đó nói với bạn rằng: "Bạn thật khác biệt""*.

Nhưng Jonathan Ive lại nói: *"Rất dễ để khác biệt, nhưng rất khó để vượt trội"*.

Trình bày suy nghĩ của anh/chị về hai ý kiến trên.

BÀI LÀM

"*To be or not to be*" (*Tồn tại hay không tồn tại*) – câu thoại kinh điển trong vở kịch *Hamlet* của Shakespeare đến nay vẫn còn vang vọng, thôi thúc chúng ta tự tìm lấy câu trả lời đích đáng về sự tồn tại của chính mình. Phải chăng, bạn chỉ thật sự "tồn tại' khi không xuất hiện trên đời như một hạt cát vô danh, mà phải khẳng định được giá trị nội tại của mình? Để rồi, *"lời khen cao nhất mà bạn có thể nghe được là khi ai đó nói với bạn rằng: Bạn thật khác biệt"*. (John Mason). Nhưng khác biệt thôi chưa đủ, vì *"rất dễ để khác biệt, nhưng rất khó để vượt trội"* (Jonathan Ive).

Cả hai chiêm nghiệm trên đều khiến mỗi người phải lắng lại, suy nghĩ về hành trình khẳng định mình. "Khác biệt" – từ khoá đặc biệt xuất hiện ở cả hai câu nói, mang ý chỉ sự khác lạ, riêng biệt, không trộn lẫn. Ở câu nói của John Mason, "khác biệt" cùng ý nghĩa to lớn của nó được khẳng định rõ ràng. "Lời khen cao nhất" là lời tán dương, công nhận có giá trị, có tác động tích cực hơn cả với mỗi người. "Bạn thật khác biệt" tức là bạn có những điểm rất riêng, khác với số đông, là một cá thể độc lập mang một màu sắc của riêng mình, không trộn lẫn. John Mason đã đề cao tính riêng biệt ở mỗi con người, còn Jonathan Ive lại có một góc nhìn khắt khe hơn với cái riêng ấy. Ive cho rằng "rất dễ để khác biệt" – không khó để khác lạ so với mọi người, nhưng "rất khó



để vượt trội" – khó để nổi bật, phi thường, độc đáo. Bằng việc sử dụng hai vế câu tương phản, đối lập, Jonathan Ive đã nhấn mạnh: có cá tính riêng chưa đủ, cá tính ấy chỉ có giá trị khi bạn biết tận dụng nó để trở nên nổi trội, hơn người. Góc nhìn đa chiều này giúp chúng ta có được những bài học mới mẻ.

Quả vậy, lời khen quý giá nhất mà con người nhận được là sự công nhận về cá tính của mình. Bởi cuộc sống là một loại nhạc cụ kì diệu, mỗi người chúng ta là một nghệ sĩ, sử dụng nó theo một cách riêng để tấu lên giai điệu về cuộc đời mình. Vậy sẽ ra sao nếu ai cũng giống ai, chỉ biết phụ thuộc, trông đợi vào nhau để tạo ra những thanh âm tương đồng? Chẳng phải lúc ấy, cuộc sống sẽ tẻ nhạt, cũ mòn; con người trong cuộc sống ấy giống như những con robot được lập trình sẵn? Thế giới loài người đâu có nhàm tẻ như vậy, nó phải là sự hợp nhất của muôn vàn giai điệu, màu sắc khác nhau, phong phú, bí ẩn và đáng yêu, đáng sống. Vì vậy, mỗi cá nhân cần ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc góp vào xã hội sự khác biệt của mình.

Lời khen cao nhất mà chúng ta nhận được là "bạn thật khác biệt" còn bởi khi ấy, giá trị riêng của chúng ta được công nhận. "Bạn thật khác biệt", câu nói nghe có vẻ bình thường, nhưng để có được nó, tức là bạn phải không ngừng thể hiện cái tôi cá nhân, nỗ lực sống đúng với bản chất của mình và kiên trì chứng minh cho thế giới thấy mình là một bản thể không lặp lại. Chính những người nghệ sĩ ngôn từ là người thấm thía giá trị của lời khen này hơn bất cứ ai. Sự công nhận từ độc giả chính là yếu tố quan trọng giúp nhà văn tạo lập phong cách cá nhân, giúp anh có được "sợi dây bảo hiểm", dễ dàng lưu thông trên đại lộ văn học. Nên không phải ngẫu nhiên mà các thi nhân mới cất cao giọng thơ bày tỏ cái "tôi" của mình:

Ta là Một, là Riêng, là Thứ Nhất
Không có chi bè bạn nổi cùng ta

(Xuân Diệu, *Hy Mã Lạp Sơn*)

hay:

Người đi một nửa hồn tôi mất
Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ

(Hàn Mặc Tử, *Những giọt lệ*)

Khác biệt là yếu tố quan trọng để xác định sự tồn tại của một cá nhân. Vậy cớ gì ta lại cam tâm lụi tắt đi như một bản sao?

"Khác biệt" quan trọng, nhưng đúng như Jonathan Ive khẳng định, "khác biệt" rất dễ, nhưng "vượt trội" lại rất khó. Trên thực tế, không khó để tạo ra sự khác biệt, hay trở nên khác biệt. Về mặt bản chất, mỗi chúng ta đều không giống nhau. Chúng ta được quy định bởi các kiểu gen khác nhau, ngoại hình khác nhau, tính cách khác nhau, đời sống tình cảm, tâm hồn cũng khác nhau. Chính vì vậy, bản thân ta đã là một bản thể duy nhất không lặp lại, tức là so với một người bất kì, ta khác biệt. Không những vậy, tỏ ra khác biệt cũng không phải một điều quá khó. Bạn có thể hành động khó hiểu ở nơi đông người, mặc những bộ trang phục kì lạ, bạn cũng có thể theo đuổi một phong cách độc đáo, có lối đi riêng trên con đường sự nghiệp,... Khác biệt thì dễ, nhưng vượt trội thì khó, và cái khó ấy theo Jonathan Ive, mới là điều có giá trị. Bản thân sự vượt trội đã là sự khác biệt rồi. Để vượt trội, bạn phải hơn người, phải xuất sắc, phải vượt lên trên những quy phạm, những điều phổ thông bình thường. Tôi hiểu ý của Jonathan rằng: sự khác biệt vượt bậc, phi thường mới là sự khác biệt đích thực, quý giá, đáng được đề cao. Bạn thấy đấy, cả than đá và kim cương đều được cấu tạo từ phân tử cacbon, nhưng so với kim cương, than đá chẳng là gì. Kim cương có giá trị như vậy, được người ta đề cao như vậy bởi nó "vượt trội", trải qua không ít áp lực. Nói rằng để vượt trội rất khó, bởi để đạt được điều đó, ta phải có một quá trình rèn luyện không ngừng, cải thiện, nâng cao bản thân, giúp bản thân ngày một hoàn thiện hơn. Quá trình ấy thử thách chúng ta và không phải ai cũng có khả năng chịu đựng "sức nóng của lửa" để trở thành "vàng".

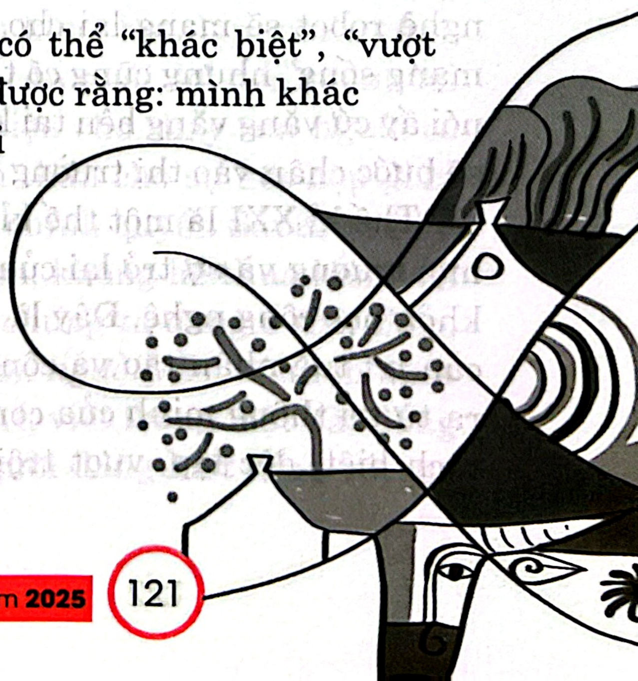
Nguyễn Dương Kim Hảo là cậu bé từng được gọi với cái tên "thần đồng công nghệ", "nhà phát minh nhí",... bởi hàng loạt giải thưởng sáng chế Tin học từ các cuộc thi trong nước và quốc tế. Ngay từ khi mới học Tiểu học, Hảo đã không giống như những đứa trẻ cùng trang lứa. Thay vì dành thời gian chơi game hay giải trí, cậu lại say mê tháo

lắp các thiết bị điện tử cũ để tìm hiểu cách chúng hoạt động. Chính sự tò mò và tinh thần sáng tạo này đã giúp Hảo tạo ra những phát minh hữu ích từ rất sớm. Cậu đã phát minh ra phần mềm cộng điểm cho bố từ khi mới 8 – 9 tuổi; máy tính bảng cho người khiếm thị ở tuổi 13;... Nguyễn Dương Kim Hảo không chỉ khác biệt vì tư duy sáng tạo, mà còn "vượt trội" nhờ khả năng biến ý tưởng thành sản phẩm hữu ích cho xã hội. Không dừng lại ở việc "nghĩ khác", cậu còn chứng minh giá trị của mình bằng những phát minh thực tế, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn.

Hay chàng trai Khang A Tủa – người H'mông đầu tiên đỗ Đại học Bách Khoa, 1 trong 54 sinh viên đồng kiến tạo của Fulbright University Vietnam. Để có được sự "vượt trội" như vậy, chàng sinh viên này đã từng phải đến ở nhờ nhà cô giáo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, từng phải băng qua những con đường gập ghềnh với những thửa ruộng bậc thang, hay phải chật vật với khoản tiền học phí và sinh hoạt phí. Việc vượt qua hoàn cảnh, gặt hái thành công trong học tập đã đưa cậu thành một người "vượt trội", truyền cảm hứng tới mỗi chúng ta.

Thoạt nhìn, hai ý kiến tưởng chừng như mâu thuẫn, phủ định lẫn nhau, nhưng thực chất, chúng bổ sung cho nhau, để rồi cùng đem lại cho mỗi người bài học đúng đắn về sự "khác biệt". Mỗi chúng ta cần phấn đấu để khác biệt, nhưng sự khác biệt ấy phải "vượt trội" – có tầm vóc lớn, đem lại những giá trị tích cực. Nhưng đồng thời, mỗi người cũng cần tự nhận thức được năng lực của bản thân mình. Ta không nhất thiết phải trở thành "người vá trời lấp bể" hay "kẻ tích luỹ xây thành", mà đôi khi, chúng ta có thể trở thành "chiếc lá xanh" cho đời. Mặt khác, trước khi nỗ lực trở nên khác biệt, ta cũng cần phải ý thức được trách nhiệm của mình với cộng đồng, từ đó hướng tới phát triển cái "khác biệt" theo chiều hướng tích cực, không phải trở nên biệt lập, tách rời tập thể.

Đời người vốn ngắn ngủi, làm sao ta có thể "khác biệt", "vượt trội"? Phải chăng, bạn cần phải nhận thức được rằng: mình khác với một hang động kim cương chỉ chờ người đến khai phá sau hàng triệu năm. Trong quỹ thời gian hạn hẹp của đời người, mỗi chúng ta cần tự khai thác những giá trị độc đáo bên trong mình, để rồi tự viết nên những hành trang đẹp cho cuộc đời.





BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

Trí tuệ nhân tạo và công nghệ robot - *cơ hội hay thách thức?*

Vũ Chi Mai
Lớp 12 Văn, THPT Chuyên Hạ Long, Quảng Ninh

ĐỀ BÀI: Trong diễn từ nhận giải Nobel văn học năm 2017, nhà văn Ishiguro Kazuo nhận định: *"Những tiến bộ trong Trí tuệ nhân tạo và công nghệ robot sẽ mang lại cho chúng ta những lợi ích tuyệt vời, cứu vớt mạng sống" nhưng cũng có thể tạo ra "nạn thất nghiệp diện rộng".*

(Dẫn lược từ: Ishiguro Kazuo, *Tối thế kỉ 20 của tôi – và những bước ngoặt nhỏ khác,* Nguyễn Huy Hoàng dịch)

Từ góc nhìn của người trẻ, người sẽ bước vào thị trường lao động trong tương lai, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về nhận định của Ishiguro Kazuo.

BÀI LÀM

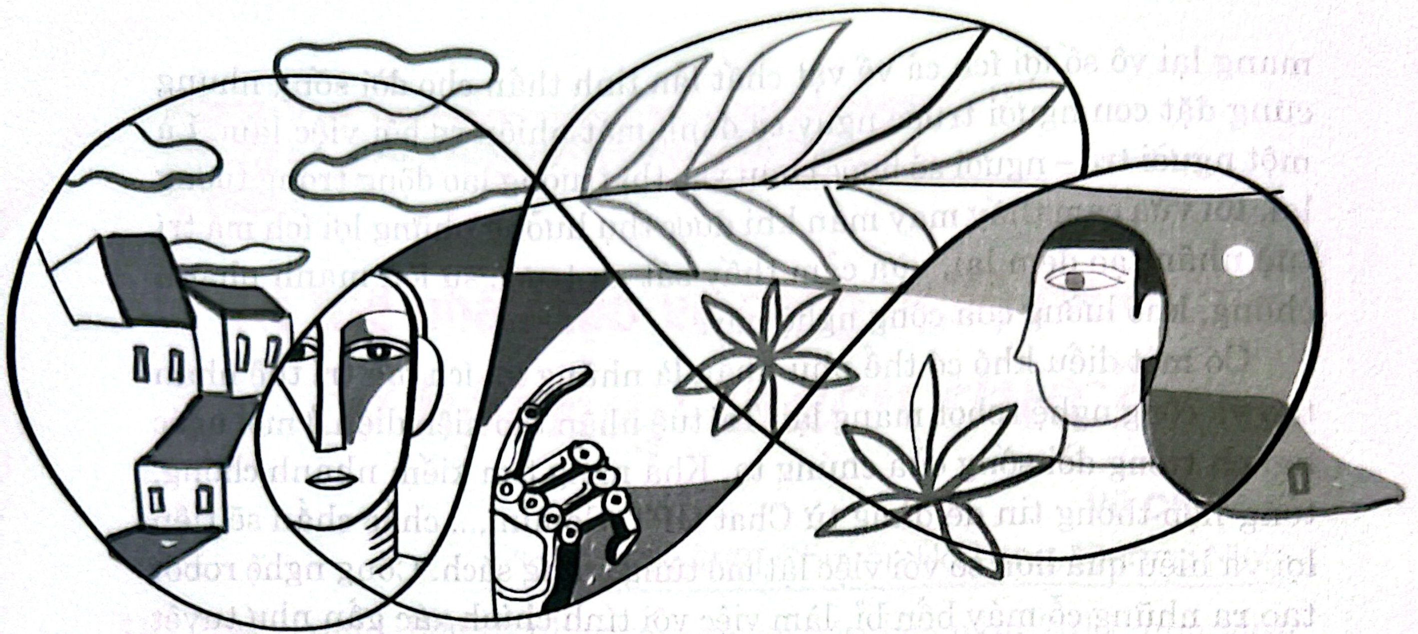
Tám tuổi, tôi băn khoăn không biết mình sẽ làm công việc gì trong tương lai. Mười tám tuổi, tôi băn khoăn mình phải làm công việc gì để không bị trí tuệ nhân tạo thay thế. Dường như, đây là nỗi băn khoăn của giới trẻ toàn nhân loại chứ không riêng gì tôi. Nhà văn Ishiguro Kazuo trong diễn từ nhận giải Nobel văn học 2017 từng nhận định: "Những tiến bộ trong trí tuệ nhân tạo và công nghệ robot sẽ mang lại cho chúng ta những lợi ích tuyệt vời, cứu vớt mạng sống" nhưng cũng có thể tạo ra "nạn thất nghiệp diện rộng". Câu nói ấy cứ văng vẳng bên tai khiến tôi và những người trẻ – những người sẽ bước chân vào thị trường lao động trong tương lai – phải suy ngẫm.

Thế kỉ XXI là một thế kỉ đầy biến động. Bên cạnh khủng hoảng về môi trường và sự trở lại của chiến tranh là bước tiến đầy bứt phá của khoa học công nghệ. Đây là thời kì chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo và công nghệ robot – những sản phẩm được tạo ra từ trí thông minh của con người nhưng dường như đang ngày càng tách biệt, độc lập, vượt trội hơn so với con người. Những tiến bộ ấy

mang lại vô số lợi ích cả về vật chất lẫn tinh thần cho đời sống nhưng cũng đặt con người trước nguy cơ đánh mất nhiều cơ hội việc làm. Là một người trẻ – người sẽ bước chân vào thị trường lao động trong tương lai, tôi vừa cảm thấy may mắn khi được thụ hưởng những lợi ích mà trí tuệ nhân tạo đem lại, vừa cảm thấy bất an trước sự lớn mạnh nhanh chóng, khó lường của công nghệ này.

Có một điều khó có thể phủ nhận là những lợi ích mà trí tuệ nhân tạo và công nghệ robot mang lại. Trí tuệ nhân tạo hiện diện ở mọi ngóc ngách trong đời sống của chúng ta. Khả năng tìm kiếm nhanh chóng, tổng hợp thông tin dễ dàng từ Chat GPT, Gemini,... chắc chắn sẽ tiện lợi và hiệu quả hơn so với việc lật mở từng trang sách. Công nghệ robot tạo ra những cỗ máy bền bỉ, làm việc với tính chính xác gần như tuyệt đối, đương nhiên vượt trội hơn một con người có những giới hạn về thể chất, tinh thần. Nhiều ca bệnh khó, nguy hiểm, người bệnh gần như hết vi vọng, "bị trả về" đã được cứu sống, hồi sinh cuộc đời mới. Đó là những gì được Bệnh viện Đa khoa Tâm Anh TP. Hồ Chí Minh chia sẻ sau khi Robot AI Modus V Synaptive đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam thực hiện thành công 100 ca mổ u não, u tủy sống và đột quỵ xuất huyết não.

Bên cạnh những lợi ích tuyệt vời là vô số những thách thức đặt ra cho người trẻ. Trước sự chính xác và hiệu suất ổn định, sự nhanh chóng và bộ nhớ khổng lồ của trí tuệ nhân tạo, con người dường như trở nên nhỏ bé, lép vế. Theo nghiên cứu của ngân hàng Goldman Sachs, các loại trí tuệ nhân tạo sản xuất nội dung (generative AI) như ChatGPT của OpenAI hay Gemini của Google có thể tác động đến khoảng 300 triệu việc làm trên toàn cầu. Theo đó, các công việc trợ lí hành chính ở văn phòng có tỉ lệ được tự động hoá cao nhất với 46%, tiếp theo là 44% cho công việc pháp lí và 37% cho các công việc trong kiến trúc và kĩ thuật. Lĩnh vực hỗ trợ kinh doanh, tài chính và kế toán nằm trong top 5 với 35%. Các lĩnh vực như nghiên cứu khoa học, lập trình, cũng có thể bị thay thế với tỉ lệ trên 30%. Không cần phải đợi đến tương lai khi ngay trong hiện tại đã có những dấu hiệu cho thấy con người có khả năng bị thay thế. Robot Sophia – hiện thân cho sự kết hợp giữa trí tuệ nhân tạo và công nghệ robot đã được chính quyền Saudi Arabia cấp quyền công dân – chứng tỏ sự hoàn thiện, không hề thua kém con người của robot. *"Không ngoa khi nói rằng chúng ta đang ở thời điểm mà máy móc có thể sáng tạo vượt trội hơn con người"*. Đó là nhận định của Jamie Sissons, nhà sáng lập Absolute AI, viết trong một bài đăng trên Instagram sau sự kiện bức ảnh hai người đang lướt sóng với mô



tả “được chụp bằng máy bay không người lái” nhưng thực chất là sản phẩm của AI giành chiến thắng trong một cuộc thi nhiếp ảnh.

Nhưng thách thức về việc làm đối với người trẻ không chỉ đến từ sự ưu việt vượt trội của robot mà còn từ sự yếu kém, thiếu sót của chính họ. Trong quá trình trưởng thành tiếp xúc với quá nhiều công nghệ hiện đại, cuộc sống trở nên quá đỗi dễ dàng với sự trợ giúp của trí tuệ nhân tạo khiến người trẻ không được trau dồi các kĩ năng cơ bản như giao tiếp, xử lí tình huống,... Tiện nghi trở thành thách thức, ngăn cản thế hệ trẻ khám phá và bộc lộ hết tiềm năng của mình trong môi trường mà mọi việc đều trở nên quá dễ dàng.

Robot có những ưu điểm vượt trội nhưng con người cũng có những năng lực riêng mà không robot nào thay thế được. Robot là cỗ máy được lắp ghép từ những linh kiện, hoạt động nhờ nguồn năng lượng, hoàn toàn không có một trái tim biết rung động, một tâm hồn biết xuyến xao. Đó là thứ mà con người có, thậm chí ở người trẻ là sự rung động, xao xuyến đầy mãnh liệt, nhiệt huyết. Không có cảm xúc, không có nhân tính khiến máy móc trở nên nguy hiểm. Ở tỉnh Nam Gyeongsang (Hàn Quốc) cánh tay robot vì xác định nhầm công nhân là thùng hàng mà đã nâng phần thân trên của người này lên và đập vào băng chuyền. Sau sự cố, người đàn ông bị dập nát nặng ở đầu, ngực và đã tử vong trong bệnh viện. Robot hoạt động nhờ sự lập trình từ trước, thiếu đi khả năng xử lí tình huống và nhận biết nguy hiểm đã dẫn đến một cái kết thương tâm.

Trong lĩnh vực đòi hỏi sự sáng tạo như văn chương nghệ thuật, con người lại càng khẳng định được vị trí của mình. Robot cũng sáng tạo, cũng viết văn, làm thơ nhưng chỉ là sự tổng hợp, sao chép. Ngược lại,



sự sáng tạo của con người là độc đáo, riêng nhất. Robot đạt đến sự hoàn thiện khi tạo ra một loạt các sản phẩm giống nhau y đúc. Còn con người đạt đến sự hoàn thiện khi tạo dựng cho mình một bản ngã riêng, phân biệt được mình với người khác. Sản xuất ra máy móc phải đảm bảo sự tỉ mỉ, chính xác, cái sau giống cái trước, nghìn bản như một. Để làm nên một con người phải có sự kết tinh của tình yêu. Con người là kết quả của chín tháng mười ngày mang nặng đẻ đau, là công sức sinh thành dưỡng dục của ông bà cha mẹ,... Tám tỉ người là tám tỉ cơ thể khác nhau, tám tỉ hoàn cảnh khác nhau, tám tỉ tính cách khác nhau, tỉ lệ để hai người có dấu vân tay khác nhau chỉ là một trên sáu mươi tư nghìn tỉ. Máy móc không có bản ngã, không có cái riêng, điểm vượt trội so với đồng loại. Ngược lại, mỗi người có một thế mạnh riêng, họ cùng bù đắp cho nhau để xây dựng một xã hội bền vững. Con người là những mảnh ghép đi tìm những mảnh ghép khác để lấp đầy khoảng trống của mình. Robot như những ô vuông, hoàn hảo nhưng lạc lõng giữa chốn ai cũng có khiếm khuyết. Thị trường lao động có thể tồn tại với sự đồng nhất của máy móc nhưng chỉ có thể phát triển với sự khác biệt của con người. Con người có thể tự thân trưởng thành thêm từng ngày, tự va vấp, tự sửa chữa, tự phát triển không ngừng. Còn robot chỉ có thể lặp đi lặp lại chức năng được lập trình sẵn. Những sự cải tiến, nâng cấp của máy móc không thể thiếu sự góp mặt của con người.

Chỉ ra những hạn chế không phải để hạ thấp trí tuệ nhân tạo mà để con người nhận thức được thế mạnh của mình so với robot, không chỉ là để tiếp tục hoàn thiện, phát triển, khắc phục những khuyết điểm của robot mà để con người khắc phục, hoàn thiện chính mình, để không bị công cụ do chính con người tạo ra thay thế. Tương lai mà robot có cảm xúc, tâm hồn, tính cách vẫn còn là một ẩn số, đòi hỏi ở ta sự chuẩn bị kĩ càng. Robot không có cảm xúc, không hiểu cảm xúc của con người. Vậy con người liệu đã hiểu về chính mình, hiểu được tâm hồn, tiềm năng, sức mạnh tinh thần của mình? Một câu hỏi lớn đòi hỏi chúng ta phải ráo riết tìm kiếm câu trả lời nếu không muốn đánh mất cơ hội và tương lai vào tay robot.

Mười tám tuổi, tôi vừa băn khoăn, vừa có thêm niềm tin vào chính mình trong cuộc chạy đua với AI giành tấm vé tới tương lai. Có một điều là chắc chắn: AI sẽ thay đổi cách làm việc và để giữ được việc làm, ta phải thay đổi chính mình.

Đề dự thi

Ra đề văn hay - viết ngay đoạn ngắn

ĐỀ DỰ THI – NGUYỄN ĐỨC TÂM AN

(GV. Trường THCS Ngô Sĩ Liên, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

1. Tết đến xuân về, câu chúc: "Có tất cả, trừ vất vả" đang được nhiều người dành cho nhau. Không ai mong muốn có sự vất vả, khó nhọc, những đau đớn và mất mát. Nhưng liệu những điều không mấy tốt đẹp đó có phải là điều không nên và không cần có trong cuộc đời của chúng ta?

Hãy viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về câu hỏi trên.

Gợi ý làm bài:

Vấn đề nghị luận của đề văn trên là sự cần thiết của những vất vả, khó nhọc, đau đớn, mất mát trong cuộc đời mỗi con người. Em hãy xác định quan điểm của mình về luận đề đó: có cần thiết hay không? Cần thiết ở mức độ nào? Vì sao cần/không cần?

Bằng những lập luận xác đáng, hãy chứng minh quan điểm của mình. Em có thể tham khảo một số câu hỏi gợi ý sau:

– Con người có thể tránh khỏi vất vả, khó nhọc, đau đớn, mất mát hay không? Nếu không thể, họ cần làm gì để chung sống với chúng?

– Vất vả, khó nhọc, đau đớn, mất mát có giúp con người ta trưởng thành hay không?

– Nói tới vất vả, khó nhọc, đau đớn, mất mát, ta thường nghĩ đến những cuộc đời như thế nào, những câu chuyện, nhân vật cụ thể nào? Họ chọn ca thán, than thở, đổ lỗi hay đối mặt, không né tránh, không lùi bước? Những câu chuyện như thế truyền cho chúng ta cảm hứng, động lực nào?

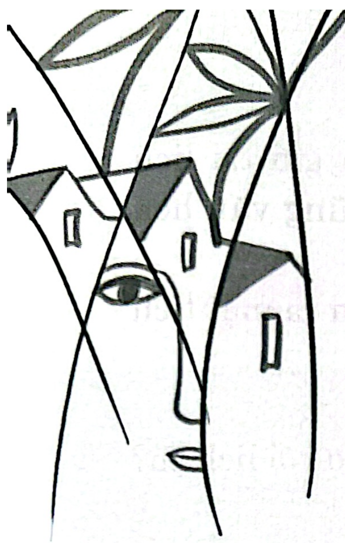
– Sau cùng, thông điệp em mong muốn gửi tới người đọc đoạn văn của em là gì?

2. Viết đoạn văn phân tích bài thơ sau:

Không tiếc ngày xanh

Tay tôi rồi yếu đường gân
Trán tôi sẽ gợn nếp hằn già nua
Mắt tôi ngày mỗi thêm mờ
Chân tôi cũng sẽ thẫn thờ... chậm hơn





Nhưng tôi không tiếc không buồn
Những ngày xanh đẹp trong vườn hoa tươi
Vì tôi đã sống cho đời
Hơn là đã sống cho tôi, rất nhiều

Tôi không buồn những buổi chiều
Vì tôi đã sống rất nhiều ban mai.

(Hoàng Thị Minh Khanh,
nguồn: *http://lucbat.com*, ngày đăng 23/04/2008)

Gợi ý làm bài:

Đoạn văn em viết cần đạt được một số yêu cầu sau:

– Khai thác được các yếu tố nghệ thuật: thể thơ lục bát, biện pháp tu từ điệp ngữ, liệt kê,...

– Phân tích sâu hình ảnh ẩn dụ ở cuối bài: *buổi chiều, ban mai.*

– Từ việc đọc hiểu hình thức, hướng tới đọc hiểu nội dung: bài thơ truyền đạt triết lí sâu sắc và thái độ sống đẹp đẽ – khi ta luôn hướng tới ánh sáng, bóng tối sẽ không thể làm ta buồn hay nuối tiếc.

– Trình bày được cảm nhận chân thành, tự nhiên, không khiên cưỡng, hô hào.

ĐỀ DỰ THI – HOÀNG THỊ THUÝ

(GV. Trường TH&THCS Tân Đoàn, H. Văn Quan, Lạng Sơn)

1. Nếu lịch sử có thể lên tiếng, liệu nó sẽ tự hào hay tiếc nuối về cách con người ngày nay đối xử với những giá trị mà cha ông để lại?

Hãy viết một đoạn thể hiện suy nghĩ của em về câu hỏi trên, từ đó bày tỏ quan điểm về việc học tập và gìn giữ truyền thống lịch sử trong thời đại mới.

Gợi ý làm bài:

Vấn đề nghị luận của đề văn trên là “Nếu lịch sử có thể lên tiếng...”. Vì vậy, em hãy tưởng tượng nếu lịch sử có thể lên tiếng, liệu đó sẽ là lời ca tự hào hay tiếng thở dài tiếc nuối? Con người ngày nay đối xử với lịch sử theo nhiều cách khác nhau, và điều đó quyết định “giọng điệu” của lịch sử khi cất lời.

Để triển khai vấn đề, em có thể tham khảo một số gợi ý sau:

– Nếu lịch sử lên tiếng, nó sẽ nói gì?

+ Lời tự hào: Khi thấy thế hệ trẻ trân trọng, gìn giữ và phát huy truyền thống cha ông.

+ Lời tiếc nuối: Khi chứng kiến sự thờ ơ, lãng quên giá trị lịch sử, sự tàn phá di tích và sự tiếp nhận thiếu chọn lọc những văn hoá ngoại lai.

– Thực trạng con người ngày nay đối xử với lịch sử (đưa ra mặt tích cực, mặt tiêu cực).

– Cần làm gì để lịch sử có thể tự hào khi lên tiếng?

– Phản đề: Điều gì sẽ xảy ra nếu con người tiếp tục thờ ơ với lịch sử?

– Khẳng định lại vấn đề và lời kêu gọi.

2. Viết đoạn văn phân tích hình ảnh "bể" trong ngữ liệu dưới đây:

Xanh biếc màu xanh, bể như hàng nghìn mùa thu qua còn để tâm hồn nằm đọng lại
Sóng như hàng nghìn trưa xanh trời đã tan xanh ra thành bể và thôi không trở lại làm trời
Nếu núi là con trai, thì bể là phần yểu điệu nhất của quê hương đã biến thành con gái
Mỗi đêm hè, da thịt sóng sinh sôi
Ôi! Hay chính lòng ta là bể?

(trích *Cành phong lan bể*, in trong *Ánh sáng và phù sa*,
Chế Lan Viên, NXB Văn học, 1960)

Gợi ý làm bài:

Đoạn văn em viết cần đạt được một số yêu cầu sau:

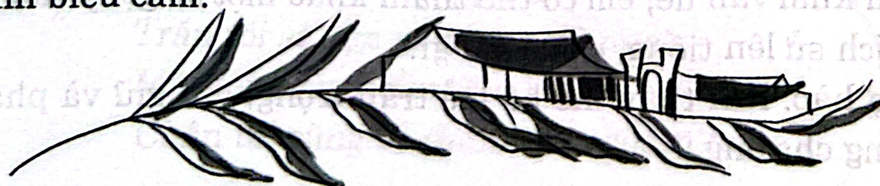
– Xác định được hình ảnh trung tâm là "bể" và giải thích ý nghĩa của nó trong bài thơ.

– Phân tích hình ảnh "bể" thông qua các câu thơ, chỉ ra những đặc điểm nổi bật như sự rộng lớn, sâu thẳm, màu sắc, chuyển động của sóng,... để thấy được vẻ đẹp và sức sống của thiên nhiên.

– Khai thác những tầng nghĩa ẩn dụ của hình ảnh "bể": bể không chỉ là không gian thiên nhiên mà còn mang dáng hình quê hương, thể hiện sự dịu dàng, yểu điệu, đồng thời ẩn chứa tâm trạng con người.

– Mở rộng liên hệ đến cách nhà thơ cảm nhận thiên nhiên và con người, đặc biệt là câu hỏi tu từ cuối bài thơ – sự giao thoa giữa thiên nhiên và tâm hồn, giữa "bể" và "lòng ta".

– Chú ý diễn đạt mạch lạc, các câu liên kết chặt chẽ, sử dụng từ ngữ giàu hình ảnh và cảm xúc, có thể kết hợp biện pháp nghệ thuật để tăng tính biểu cảm.



THỂ LỆ CUỘC THI

RA ĐỀ VĂN HAY - VIẾT NGAY ĐOẠN NGẮN

*Nhằm rèn luyện kĩ năng viết văn và đáp ứng yêu cầu của các kì thi quan trọng, đồng thời khuyến khích học sinh phát huy sự sáng tạo trong môn Ngữ văn, Tạp chí Toán học và Văn học trong nhà trường tổ chức cuộc **thi Ra đề văn hay – viết ngay đoạn ngắn** trên kì **Văn học và Tuổi trẻ.***

I. ĐỐI TƯỢNG DỰ THI

– Giáo viên, giảng viên các trường trên toàn quốc (ra đề bài cho học sinh).

– Học sinh THCS và THPT trên toàn quốc (tham gia viết đoạn ngắn).

II. THỜI GIAN: từ 01/01/2025 đến hết ngày 30/05/2025.

III. NỘI DUNG CUỘC THI

* Dành cho giáo viên:

– Giáo viên tham gia gửi đề viết đoạn văn nghị luận văn học hoặc đoạn văn nghị luận xã hội, kèm gợi ý làm bài cụ thể.

– Yêu cầu: Đề bài cần rõ ràng, có tính sáng tạo và khả năng khơi gợi tư duy của học sinh; có mức độ phù hợp với học sinh THCS và THPT theo định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn.

* Dành cho học sinh: Mỗi thí sinh tham gia viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài mà *Văn học và Tuổi trẻ* đăng tải trên các kì.

IV. CƠ CẤU GIẢI THƯỞNG

Đề bài và đoạn viết tốt sẽ được trao phần thưởng và chọn đăng trên ấn phẩm *Văn học và Tuổi trẻ* hàng tháng.

V. CÁCH THỨC GỬI BÀI

– Gửi bài qua email:

+ Email: *radevanhay.vietngaydoanngan2025@gmail.com*

+ Tiêu đề email: *Dự thi Cuộc thi Ra đề văn hay – viết ngay đoạn ngắn.*

– Lưu ý:

+ Bài dự thi phải có đầy đủ thông tin về họ và tên, trường học, địa chỉ và số điện thoại liên hệ.

+ Bài dự thi cần được trình bày khoa học, sạch sẽ, chưa được xuất bản thành sách, báo hay đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng.



Thông tin chi tiết **Cuộc thi Ra đề văn hay – viết ngay đoạn ngắn** xem tại fanpage Văn học và Tuổi trẻ.

Giá: 40.000 đồng